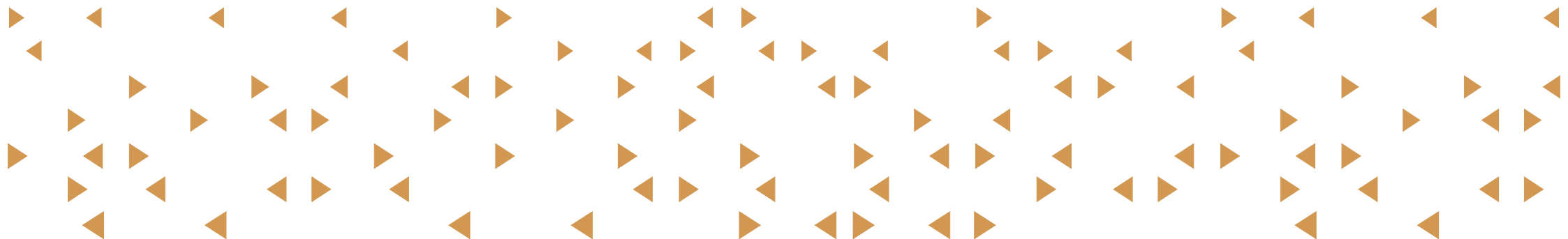


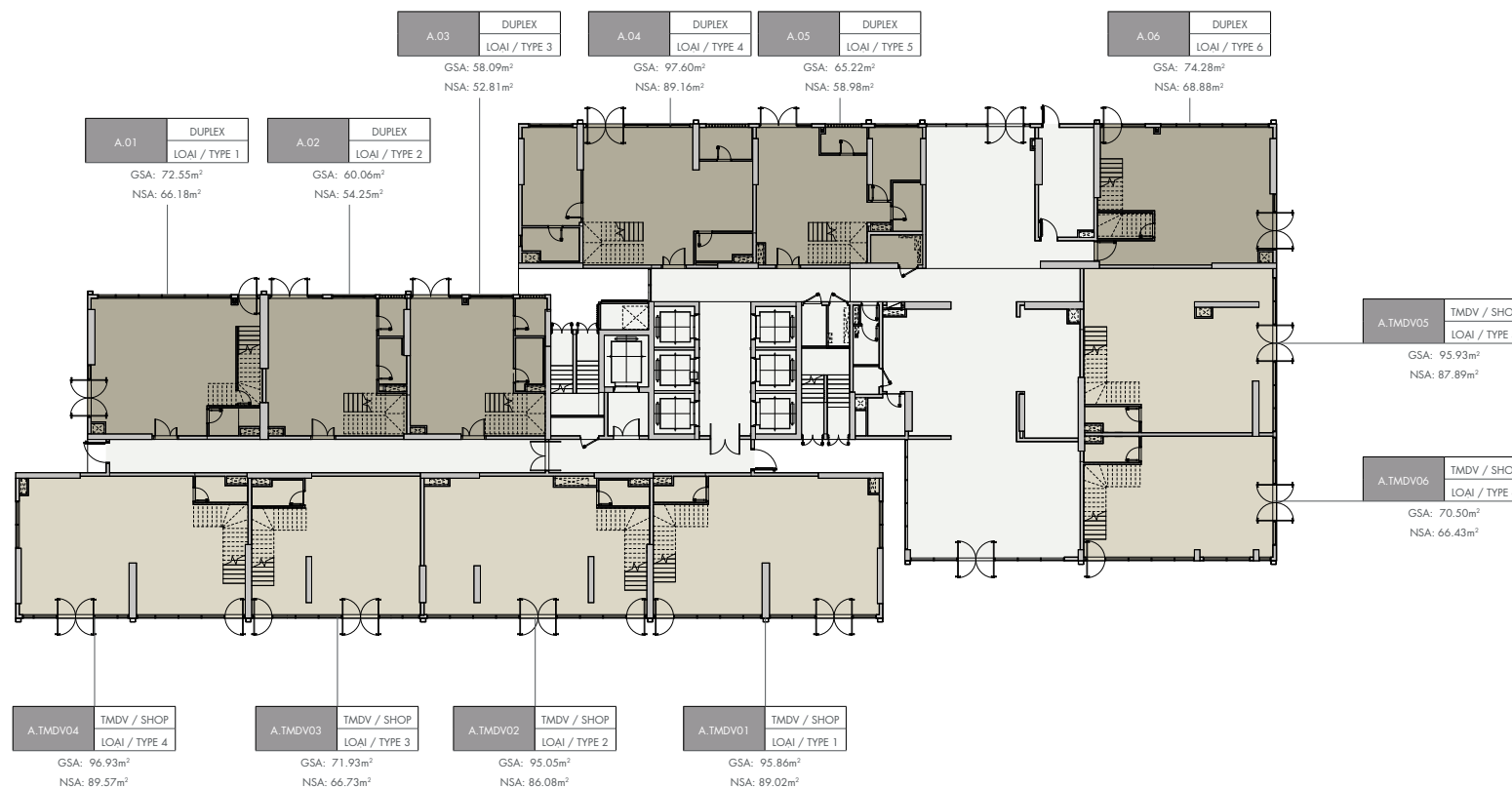
# TÒA A

MẶT BẰNG TẦNG TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE

SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE FLOOR PLAN

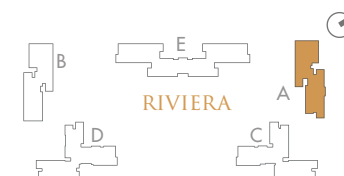


# TÒA / TOWER A MẶT BẰNG TRỆT / GROUND FLOOR

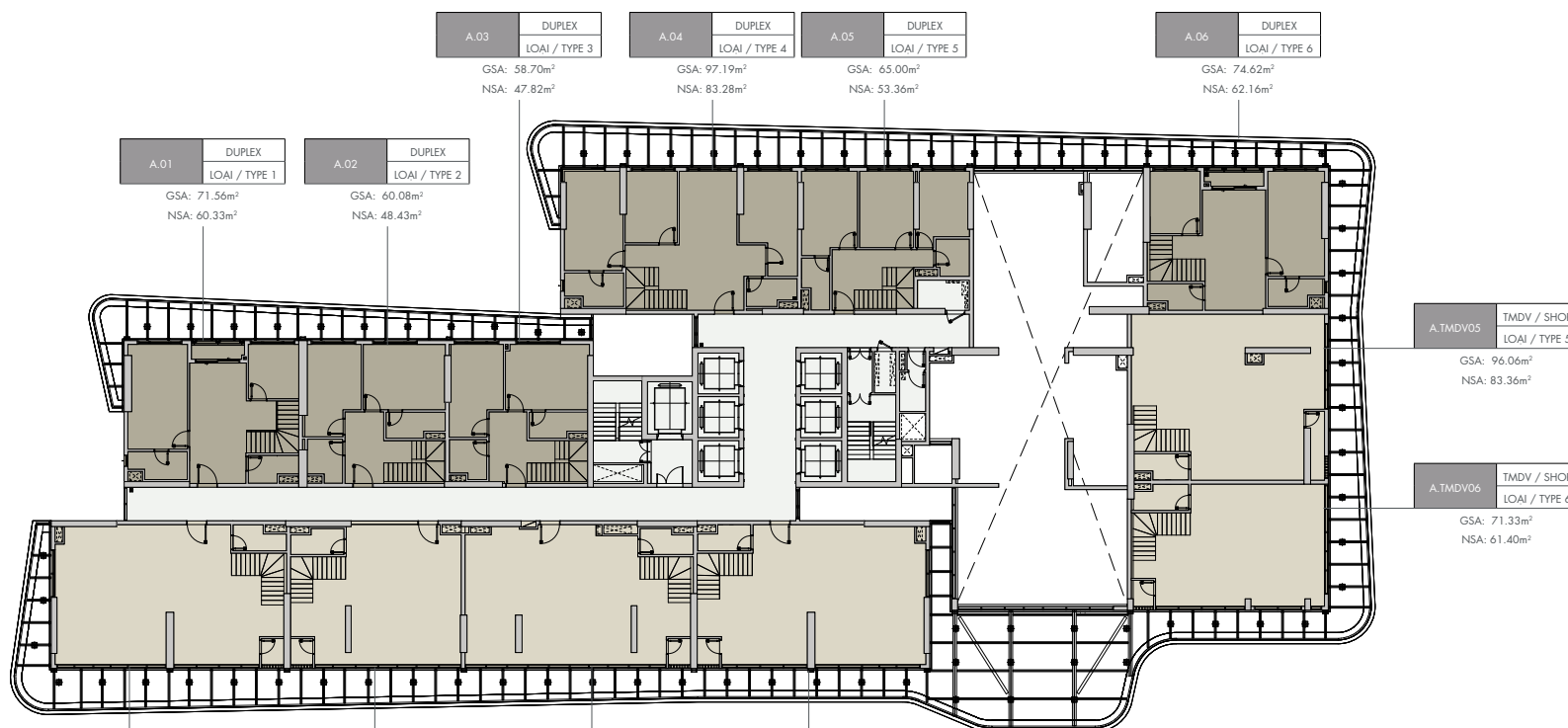


**Chú thích / Legend**

- Duplex
- Căn Thương mại Dịch Vụ / Shop



# TÒA / TOWER A LẦU / LEVEL 1



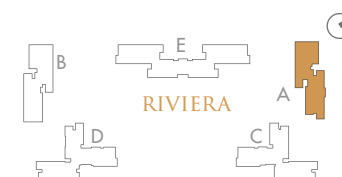
Chú thích  
Legend



Duplex



Căn Thương mại Dịch Vụ  
Shop



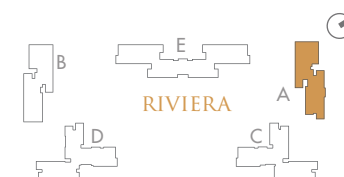
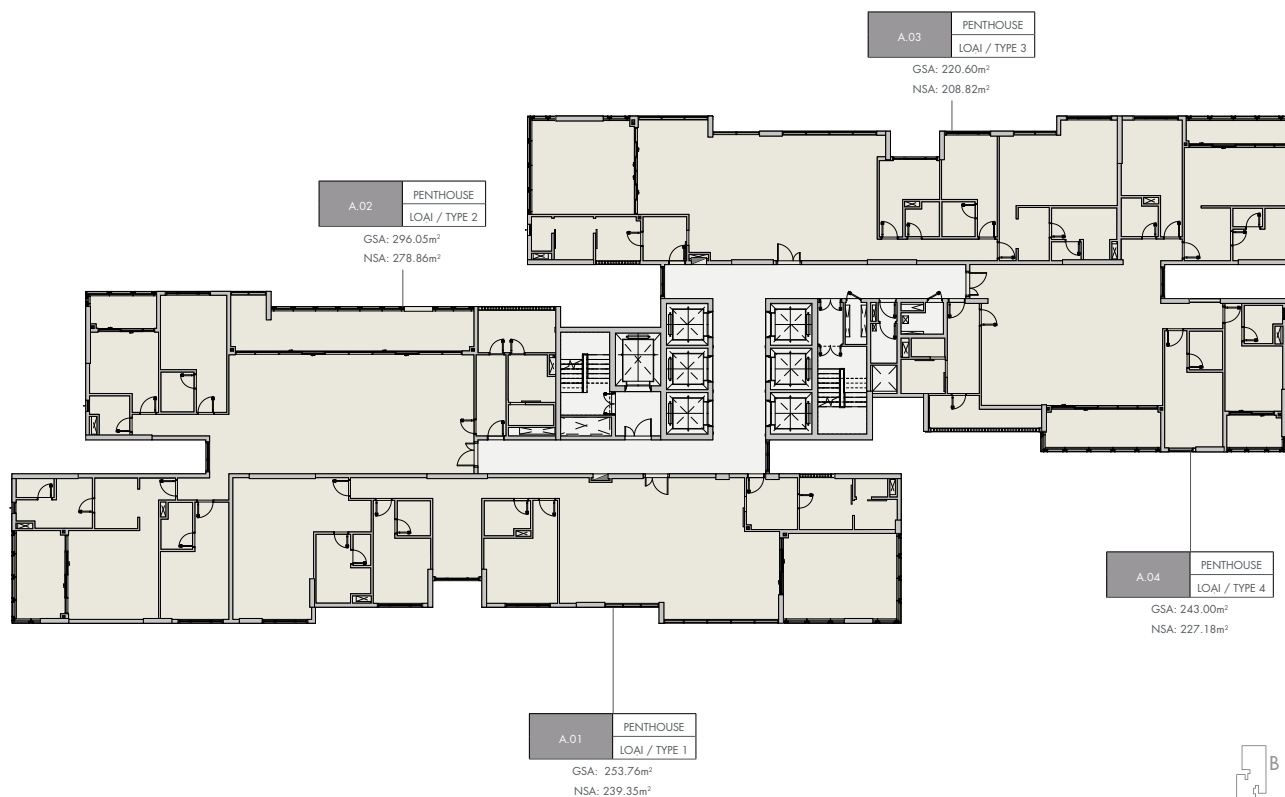
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

# TÒA / TOWER A LẦU / LEVEL 31



Chú thích  
Legend



Căn Hộ Penthouse  
Penthouse

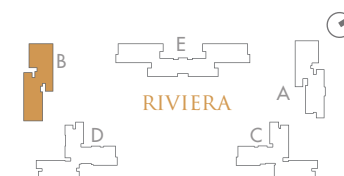
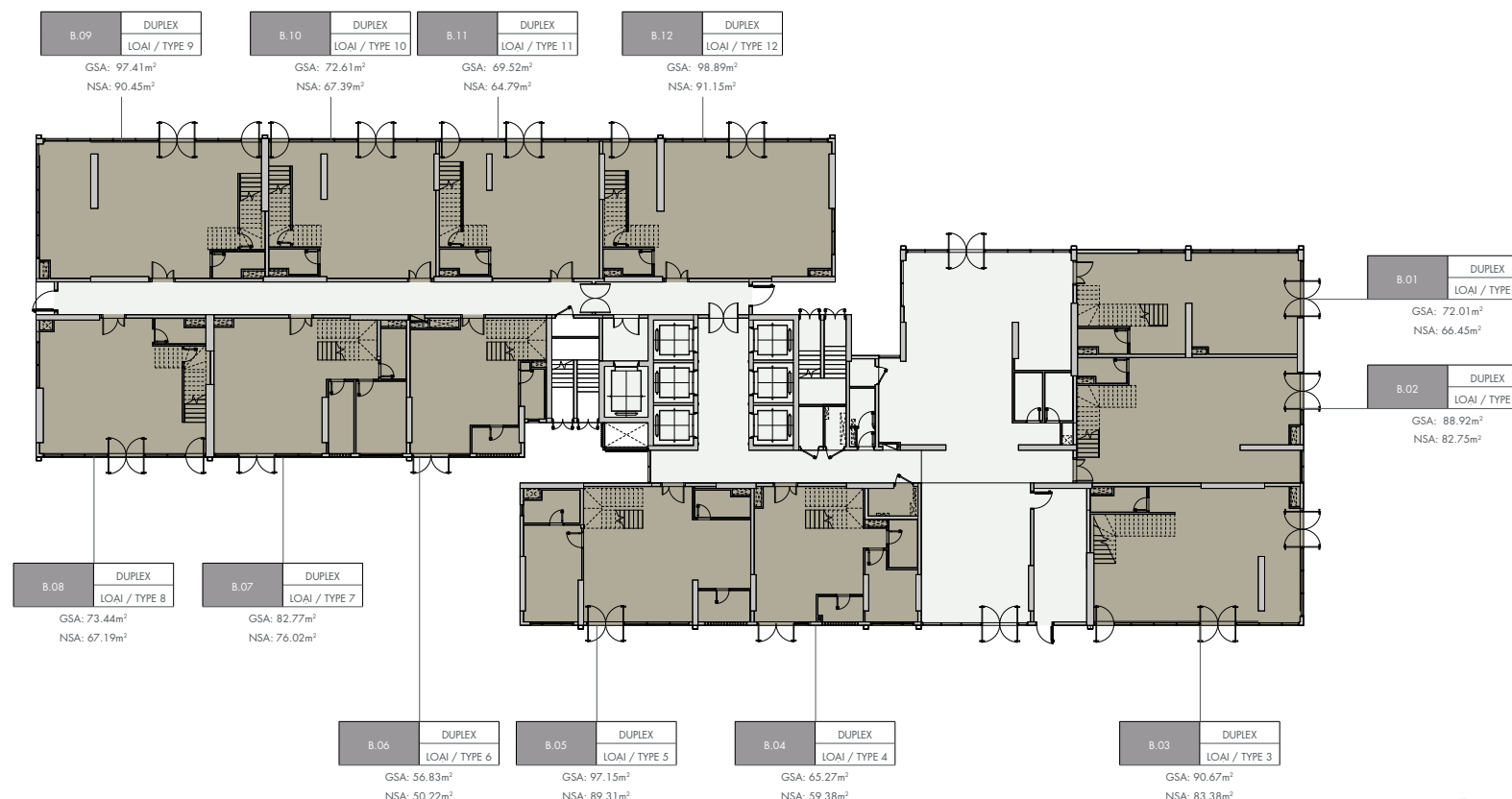


# TÒA B

MẶT BẰNG TẦNG TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE  
SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE FLOOR PLAN



# TÒA / TOWER B MẶT BẰNG TRỆT / GROUND FLOOR



Chú thích  
Legend

Duplex

Căn Thương mại Dịch Vụ Shop

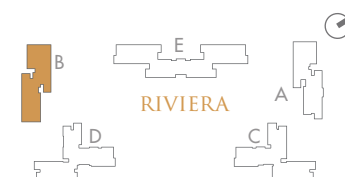
# TÒA / TOWER B LẦU / LEVEL 1



Chú thích  
Legend

Duplex

Căn Thương mại Dịch Vụ  
Shop



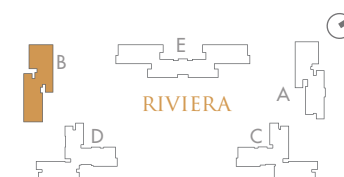
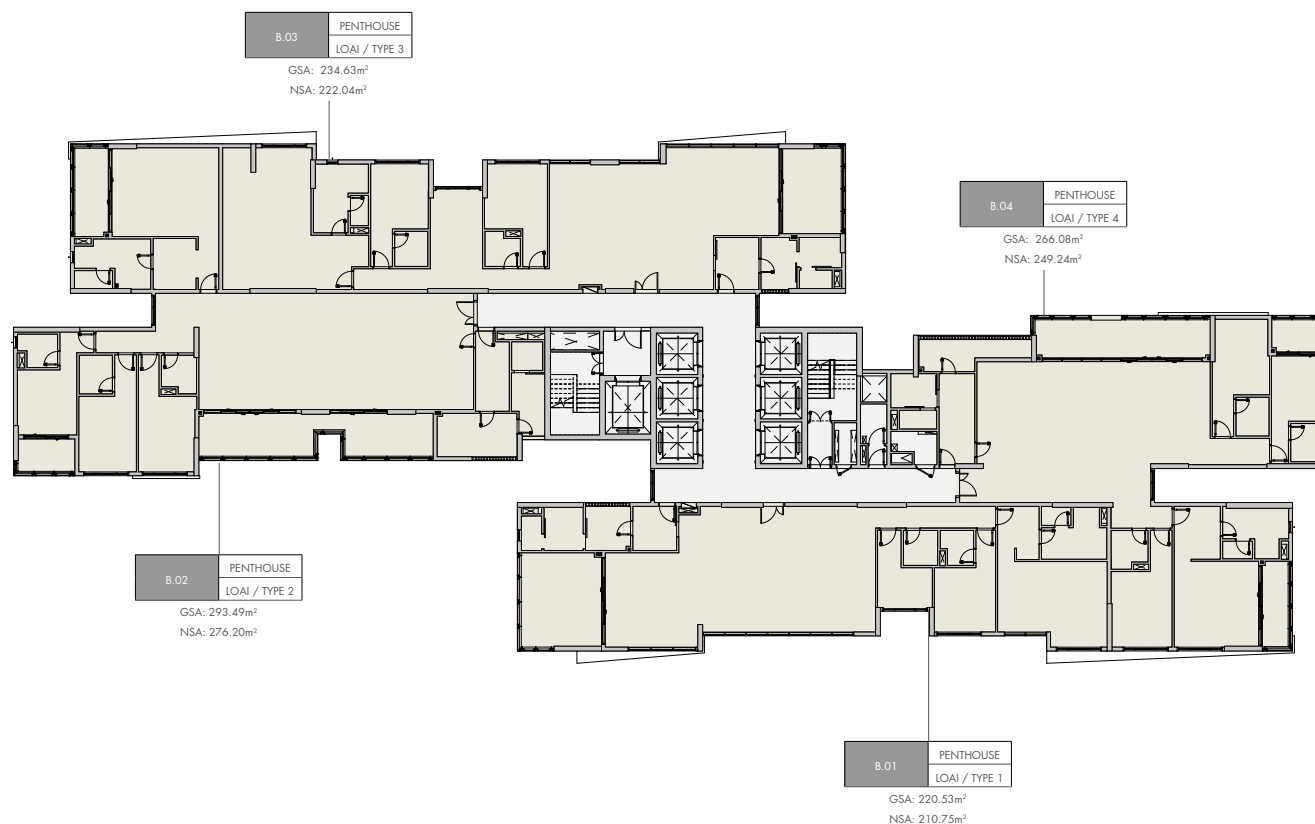
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

## TÒA / TOWER B LẦU / LEVEL 31



Chú thích  
Legend



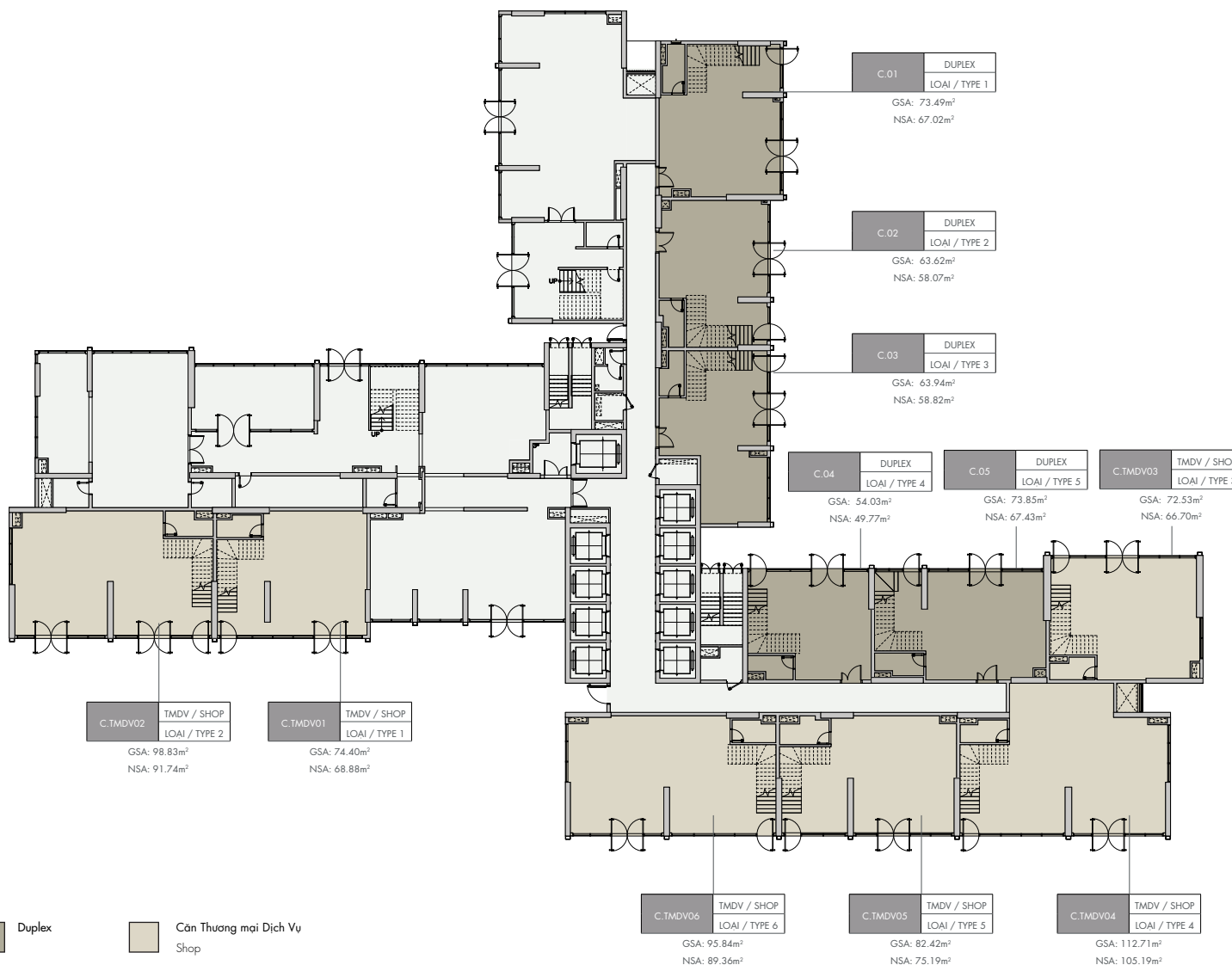
Căn Hộ Penthouse  
Penthouse

# TÒA C

MẶT BẰNG TẦNG TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE  
SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE FLOOR PLAN



# TÒA / TOWER C MẶT BẰNG TRỆT / GROUND FLOOR

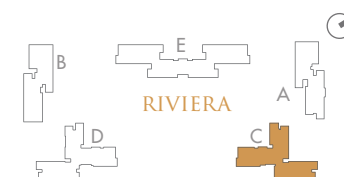


Chú thích  
legend

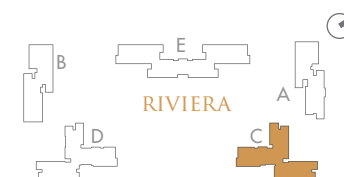
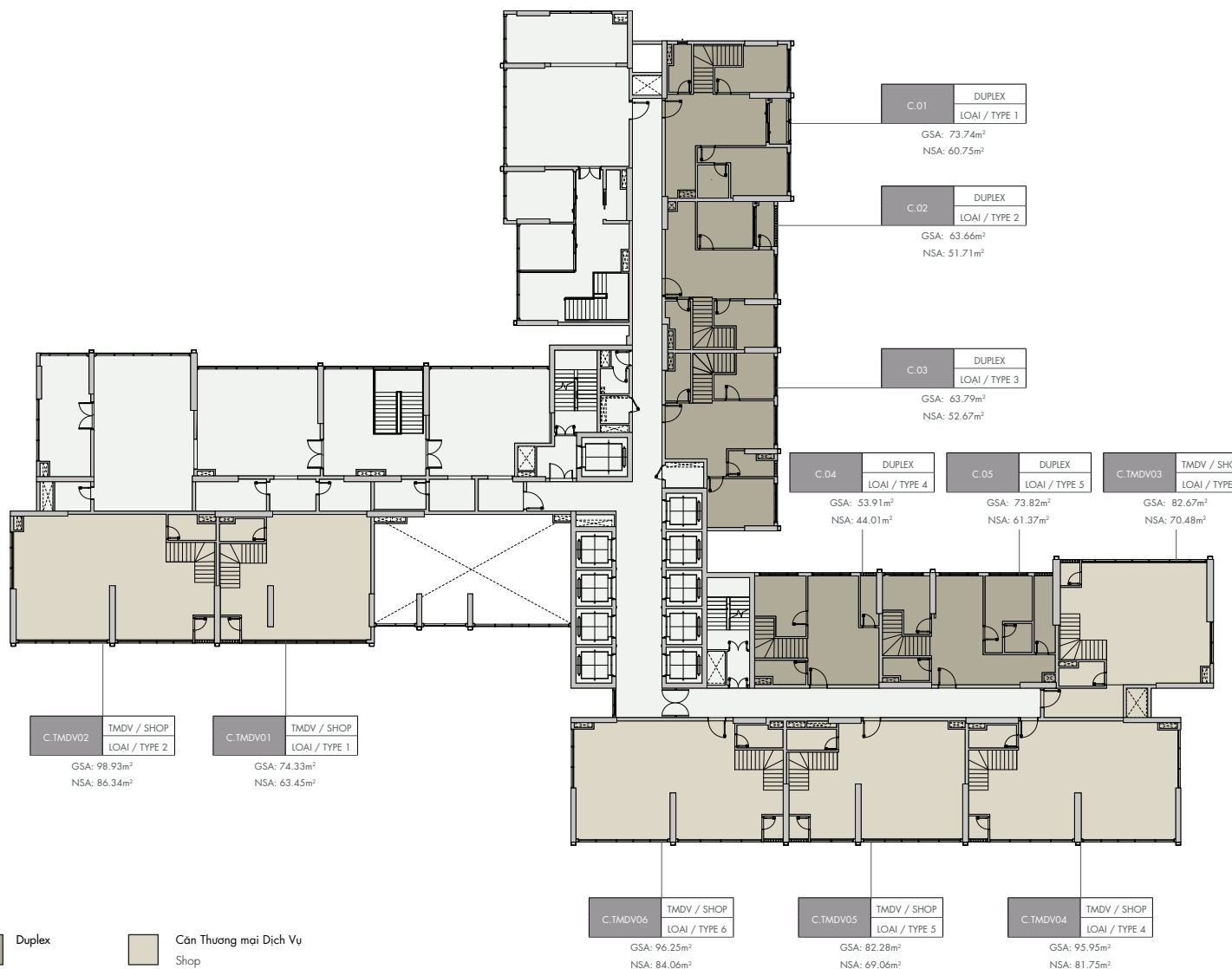


Duplex

Căn Thương mại Dịch Vụ  
Shop



# TÒA / TOWER C LẦU / LEVEL 1



**Chú thích legend**

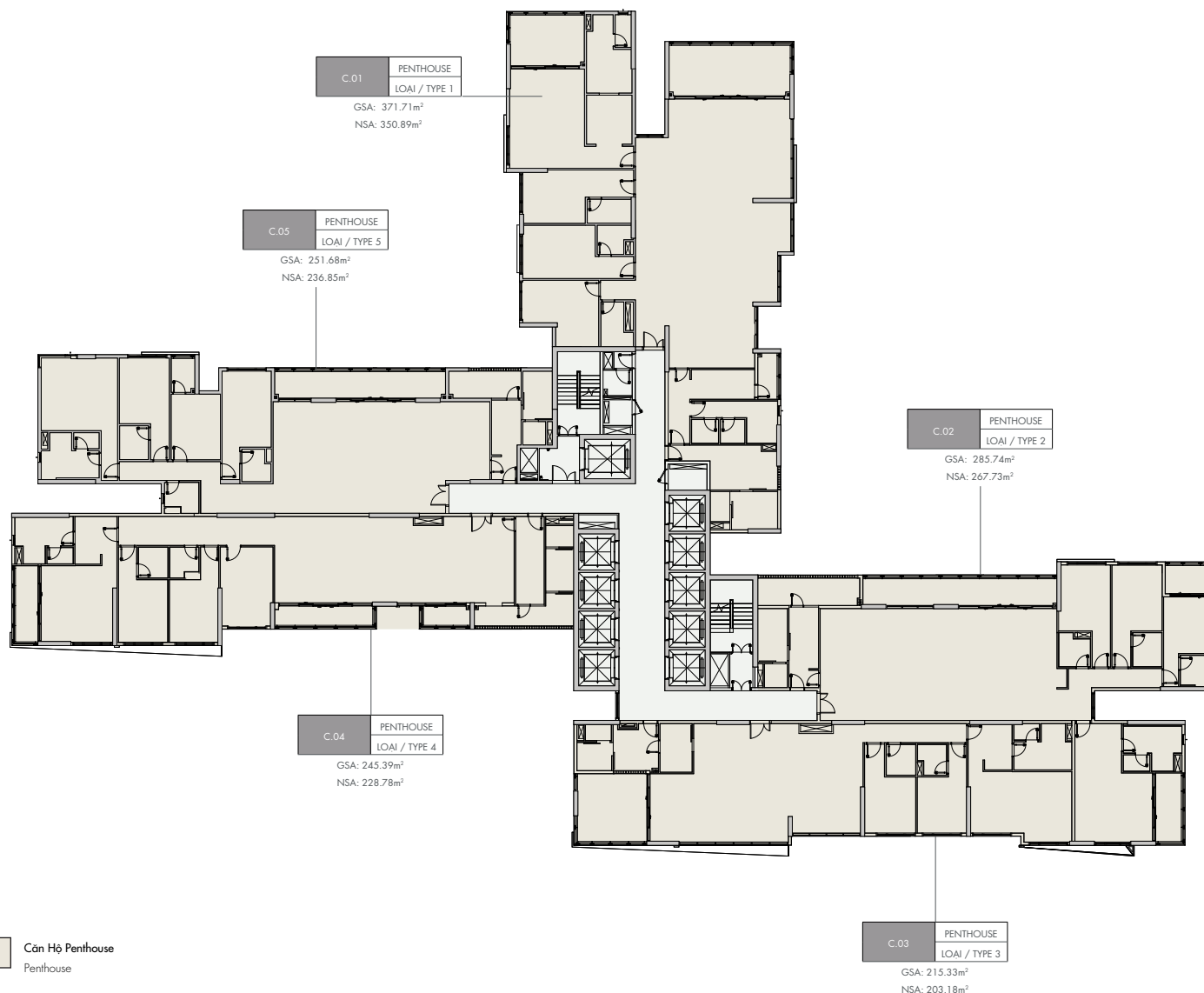
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

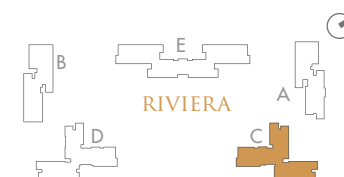
- Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

## TÒA / TOWER C LẦU / LEVEL 33



Chú thích  
Legend

Cản Hộ Penthouse  
Penthouse



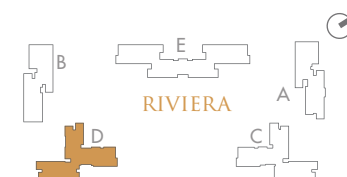
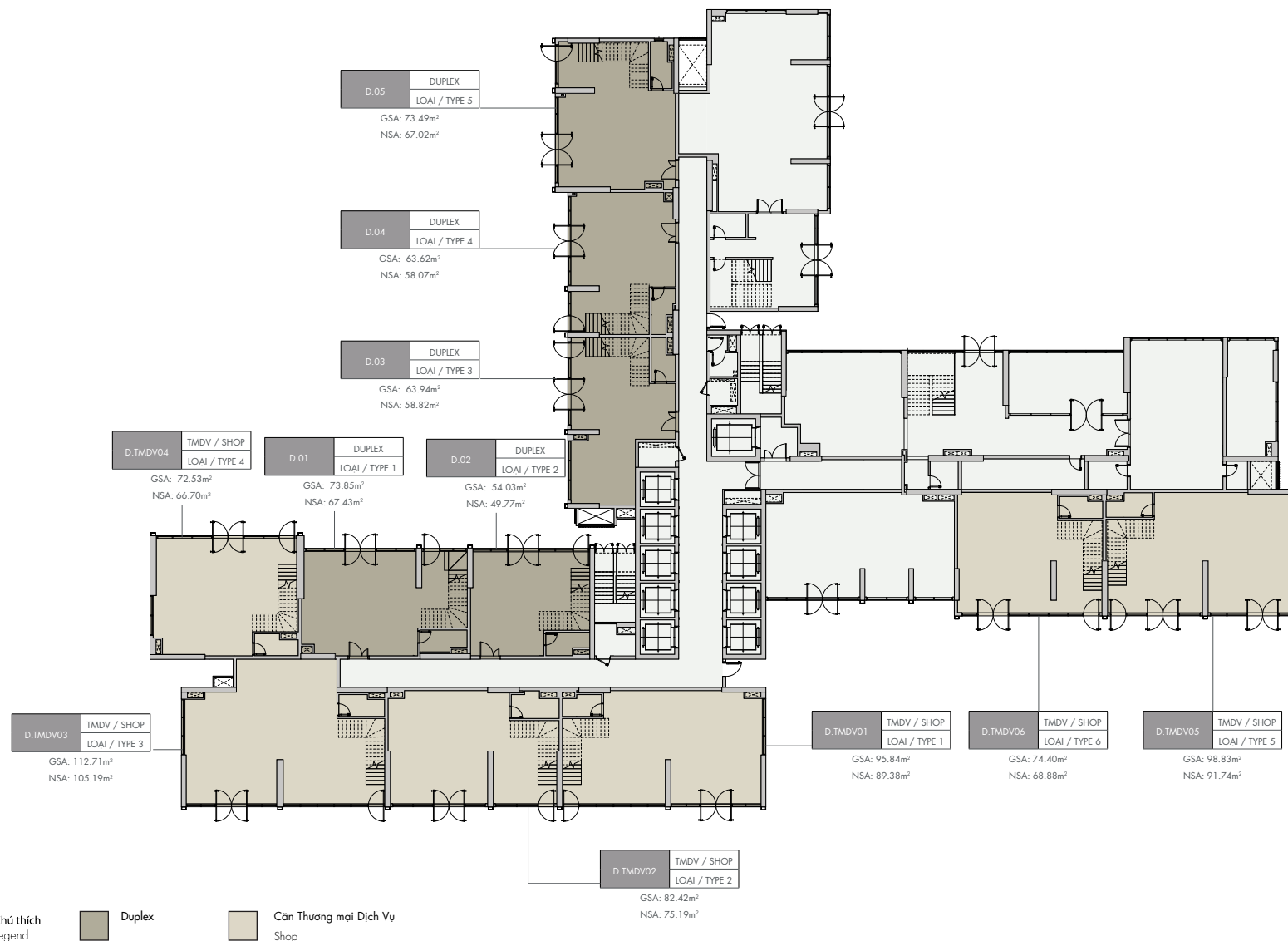


# TÒA D

MẶT BẰNG TẦNG TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE  
SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE FLOOR PLAN

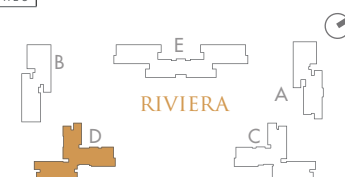
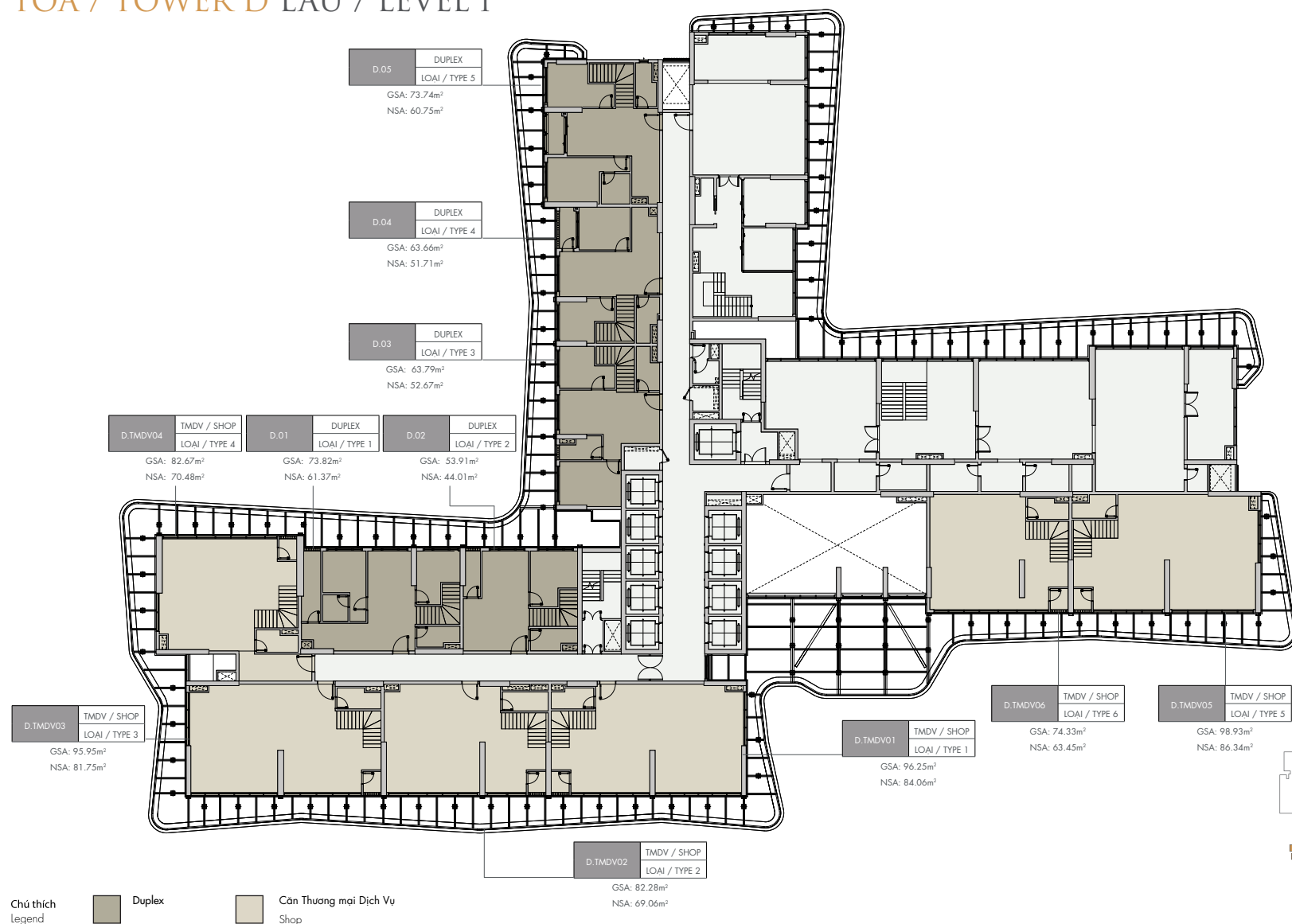


# TÒA / TOWER D MẶT BẰNG TRỆT / GROUND FLOOR



Chú thích  
Legend

# TÒA / TOWER D LẦU / LEVEL 1



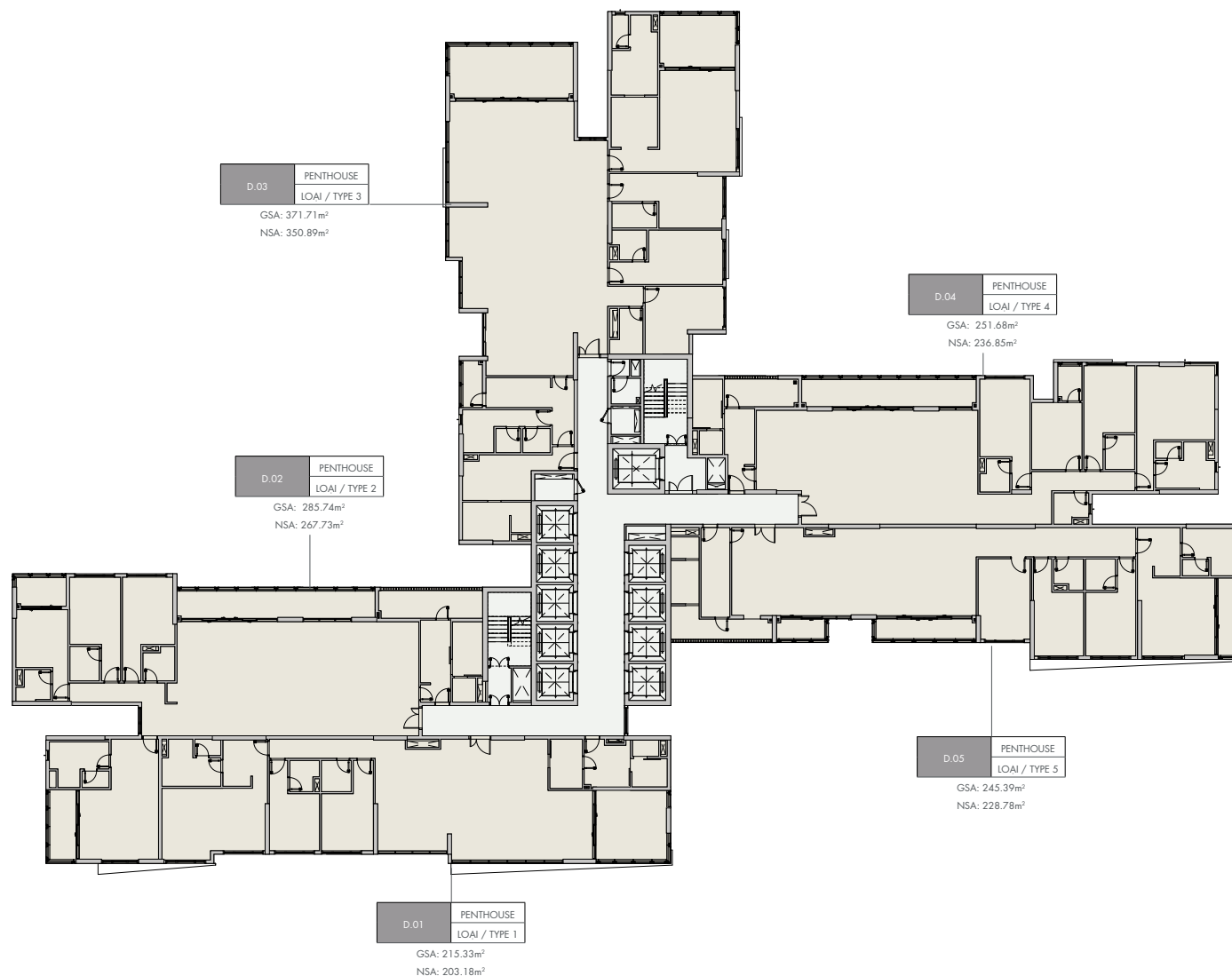
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)  
Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

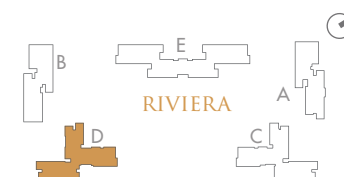
## TÒA / TOWER D LẦU / LEVEL 33



Chú thích  
Legend



Căn Hộ Penthouse  
Penthouse

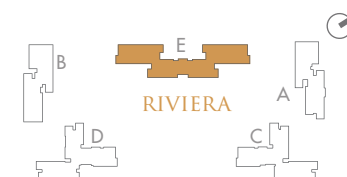
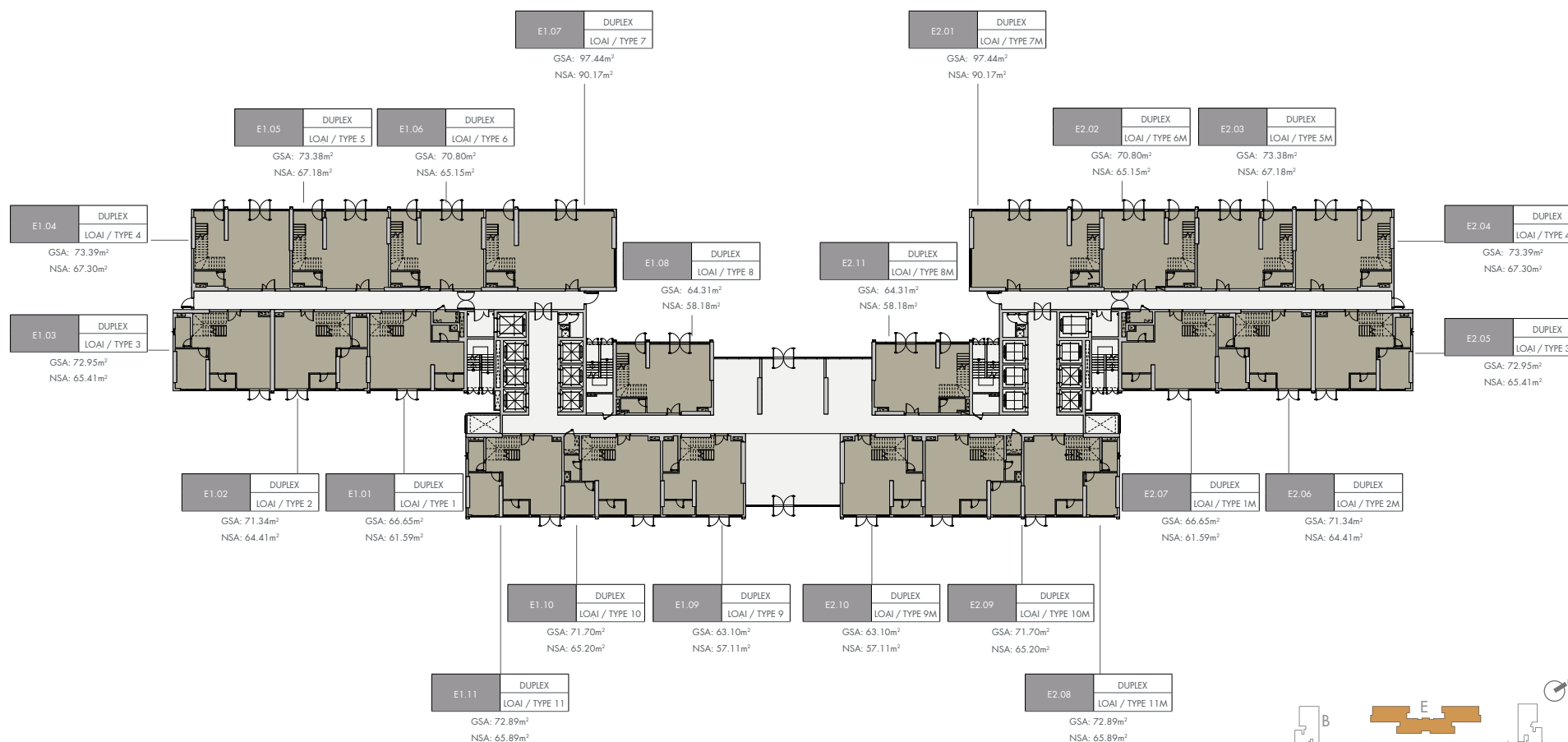


# TÒA E

MẶT BẰNG TẦNG TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE  
SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE FLOOR PLAN



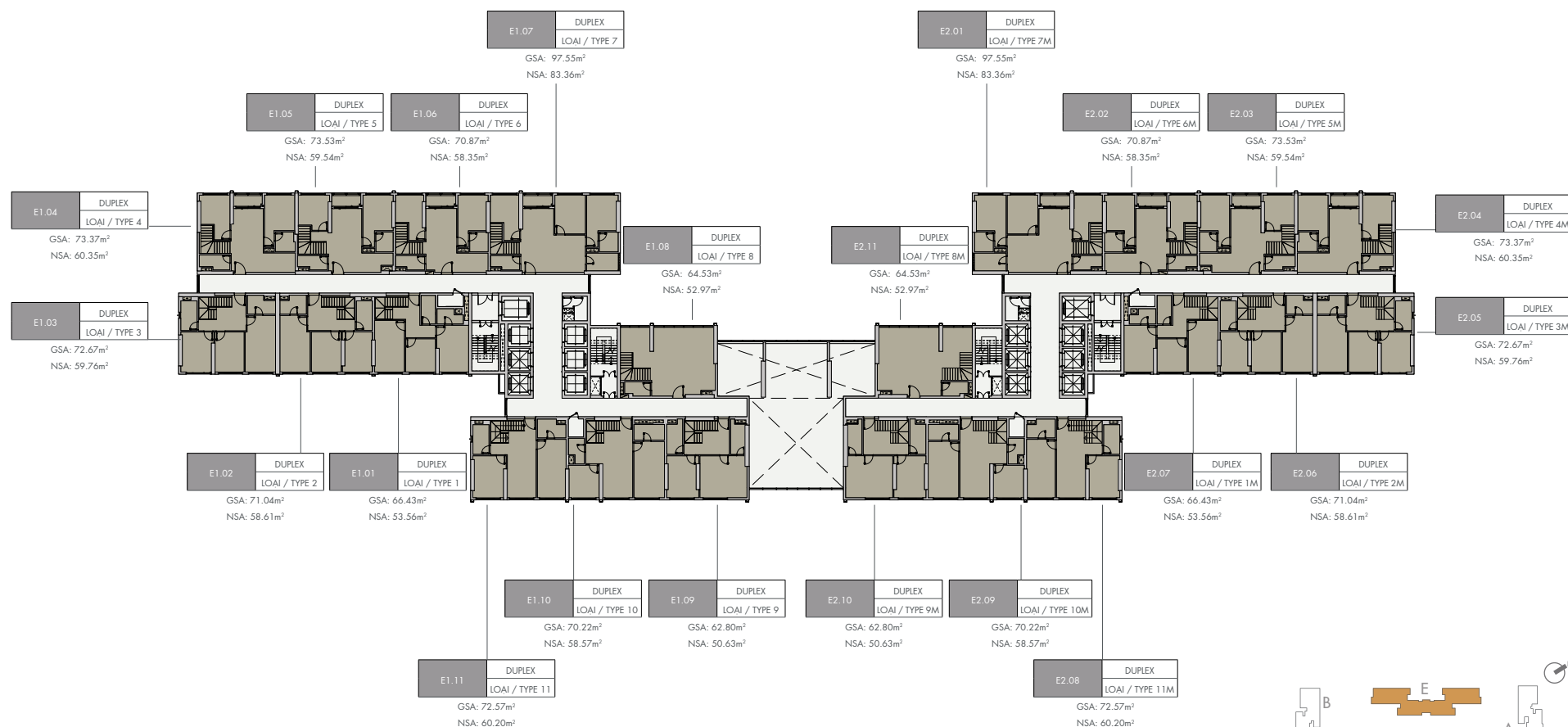
# TÒA / TOWER E MẶT BẰNG TRỆT / GROUND FLOOR



**Chú thích Legend**

- Duplex
- Căn Thương mại Dịch Vụ Shop

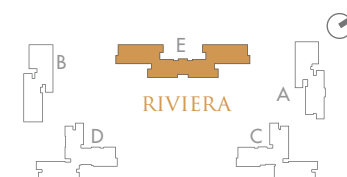
# TÒA / TOWER E LẦU / LEVEL 1



Chú thích  
Legend

Duplex

Căn Thương mại Dịch Vụ  
Shop



Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

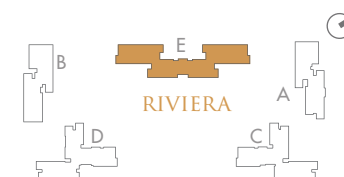
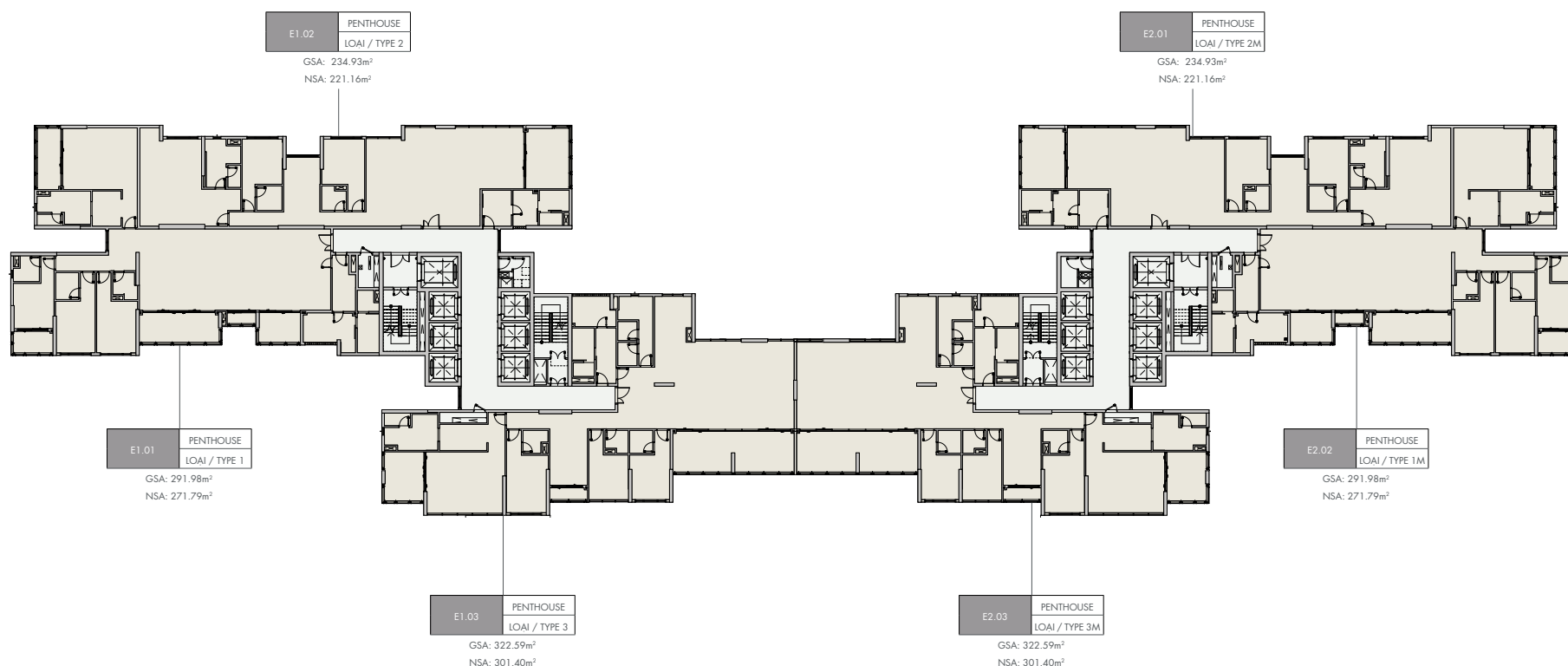
Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)

Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

# TÒA / TOWER E LẦU / LEVEL 38



Chú thích  
Legend



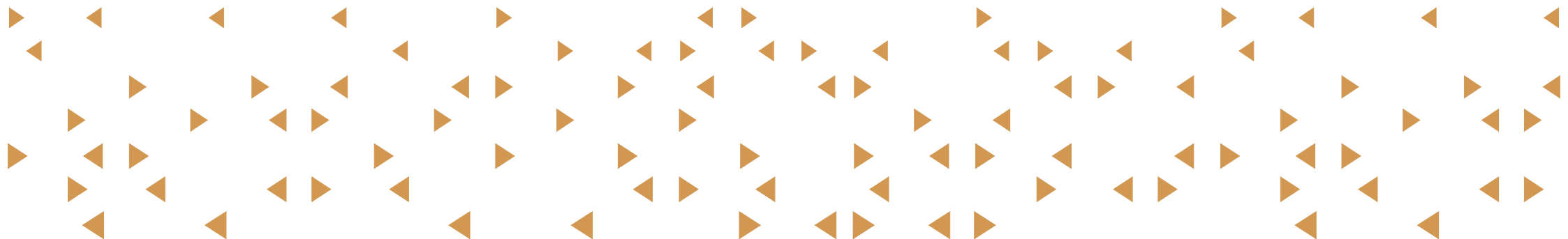
Căn Hộ Penthouse  
Penthouse



# TÒA A

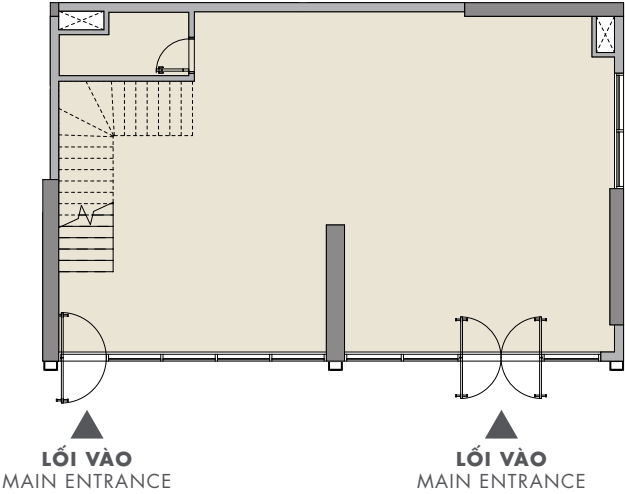
MẶT BẰNG CĂN TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE

TOWER A - SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE UNIT PLAN



# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

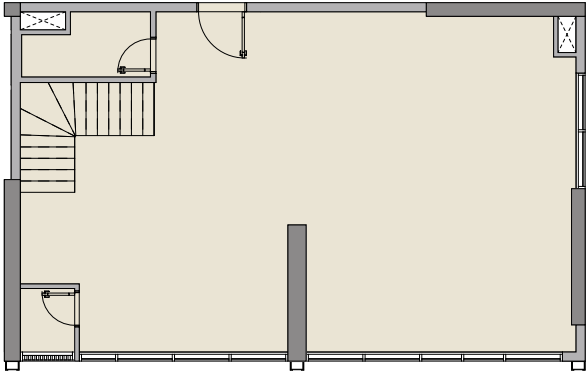
## SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV01 | TMDV/SHOP     |
|          | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 95.86 m<sup>2</sup>  
NSA: 89.02 m<sup>2</sup>

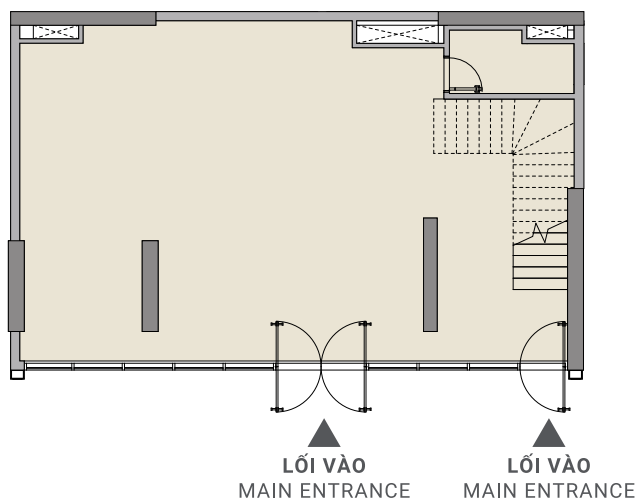


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV01 | TMDV/SHOP     |
|          | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 95.99 m<sup>2</sup>  
NSA: 83.99 m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV01 | 173.01 m <sup>2</sup> | 191.85 m <sup>2</sup> |

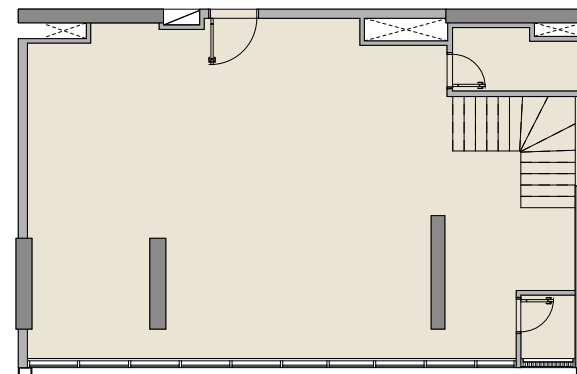


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV02 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 95.05 m<sup>2</sup>

NSA: 86.08 m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV02 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 2 |

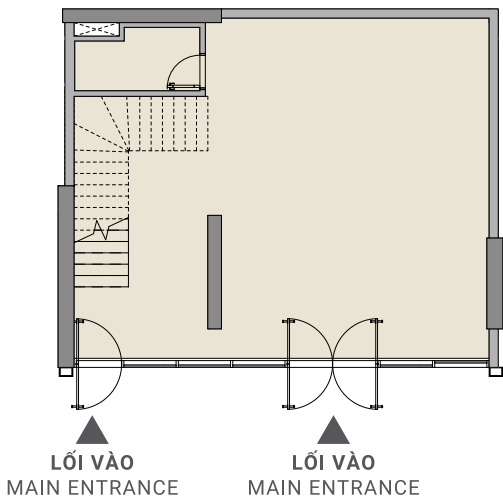
GSA: 95.18 m<sup>2</sup>

NSA: 80.83 m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV02 | 166.91 m <sup>2</sup> | 190.23 m <sup>2</sup> |

MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

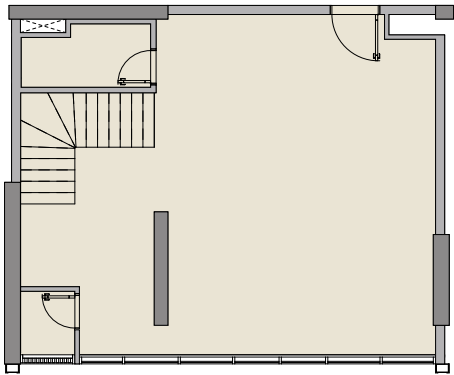
SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV03 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 71.93m<sup>2</sup>  
NSA: 66.73m<sup>2</sup>

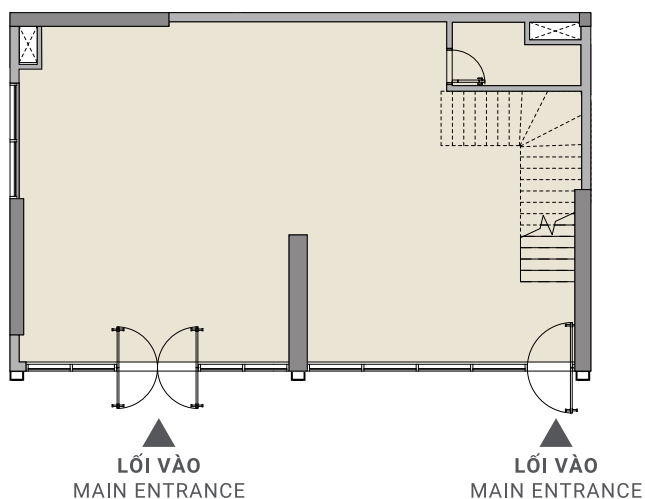


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV03 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 72.06m<sup>2</sup>  
NSA: 61.05m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV03 | 127.78 m <sup>2</sup> | 144.99 m <sup>2</sup> |

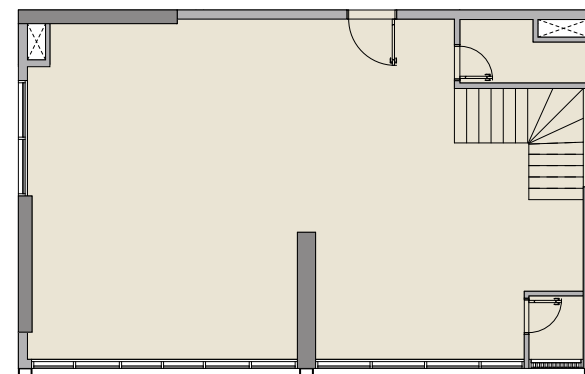


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV04 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 4 |

GSA: 96.93m<sup>2</sup>

NSA: 89.57m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV04 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 4 |

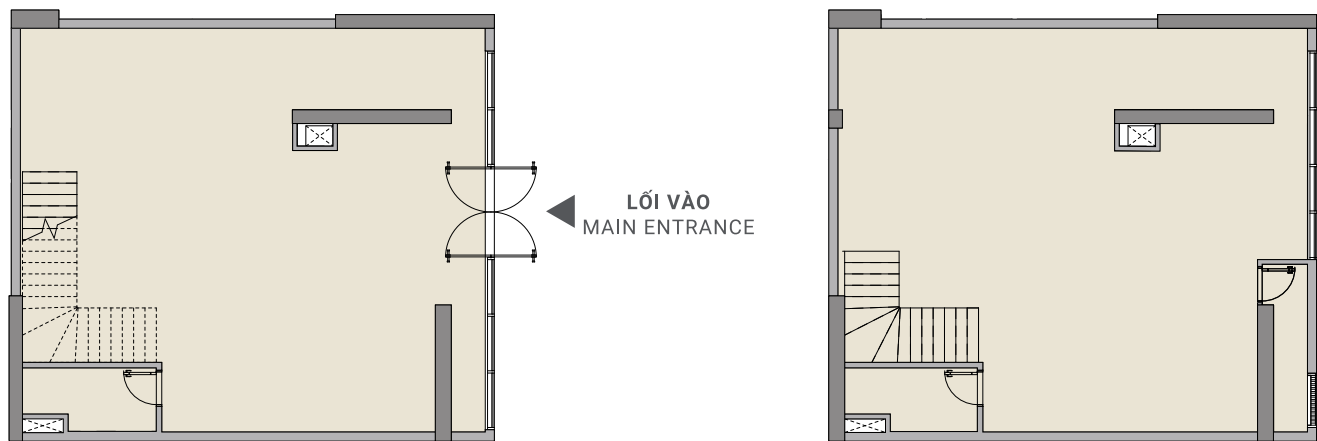
GSA: 97.08m<sup>2</sup>

NSA: 83.96m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV04 | 173.53 m <sup>2</sup> | 194.01 m <sup>2</sup> |

MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV05 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 5 |

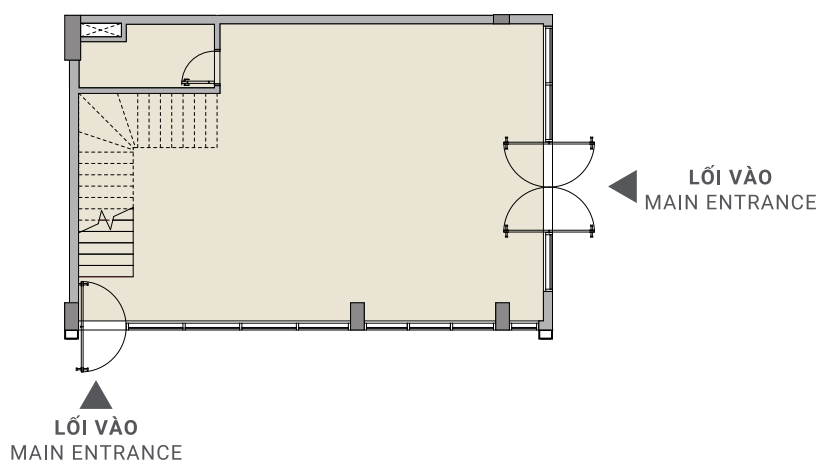
GSA: 95.93m<sup>2</sup>  
NSA: 87.89m<sup>2</sup>

LẦU 1  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV05 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 96.06m<sup>2</sup>  
NSA: 83.36m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV05 | 171.25 m <sup>2</sup> | 191.99 m <sup>2</sup> |

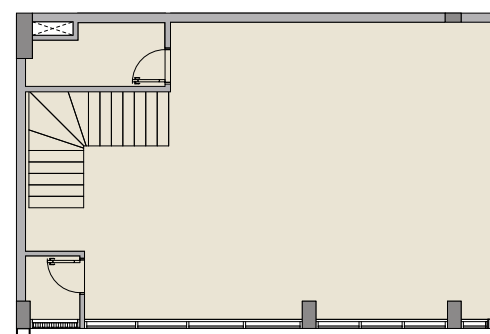


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV06 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 6 |

GSA: 70.50m<sup>2</sup>

NSA: 66.43m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |               |
|----------|---------------|
| A.TMDV06 | TMDV / SHOP   |
|          | LOẠI / TYPE 6 |

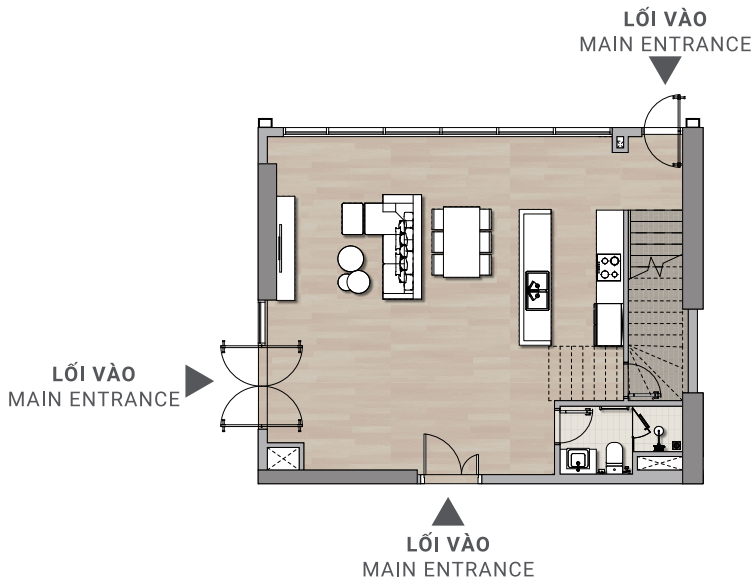
GSA: 71.33m<sup>2</sup>

NSA: 61.40m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| A.TMDV06 | 127.83 m <sup>2</sup> | 141.83 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

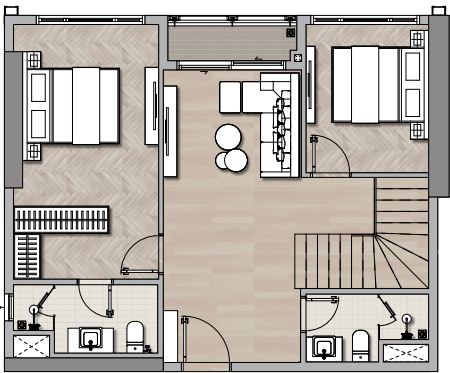
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| A.01 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 72.55 m<sup>2</sup>  
NSA: 66.18 m<sup>2</sup>



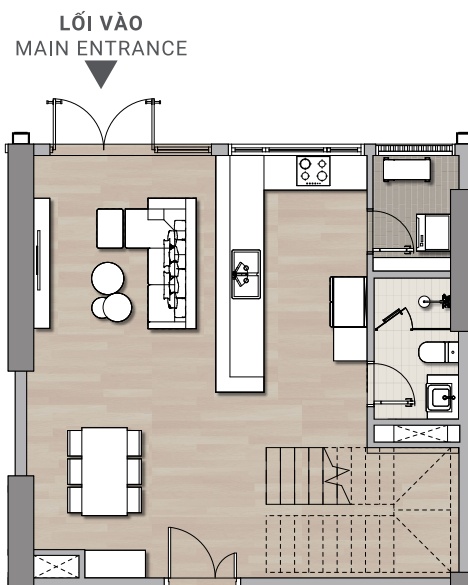
LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| A.01 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 71.56 m<sup>2</sup>  
NSA: 60.33 m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.01 | 126.51 m <sup>2</sup> | 144.11 m <sup>2</sup> |





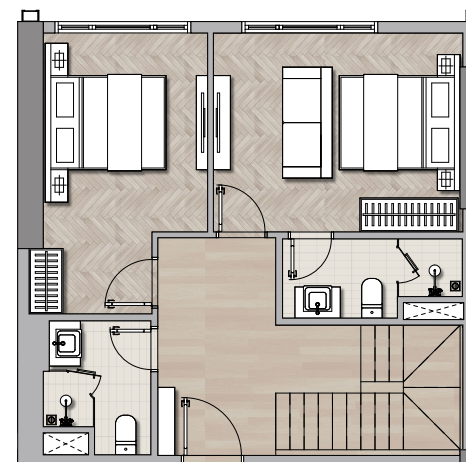
LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE

### TRỆT GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| A.02 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 60.06m<sup>2</sup>

NSA: 54.25m<sup>2</sup>



### LẦU 1 LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| A.02 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 2 |

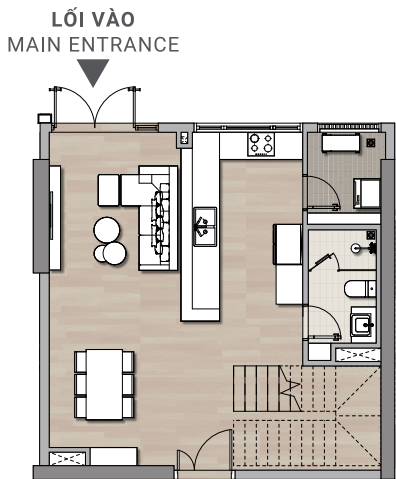
GSA: 60.08m<sup>2</sup>

NSA: 48.43m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.02 | 102.68 m <sup>2</sup> | 120.14 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



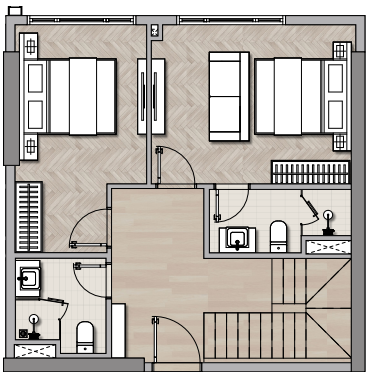
LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE

TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| A.03 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 58.09m<sup>2</sup>

NSA: 52.81m<sup>2</sup>



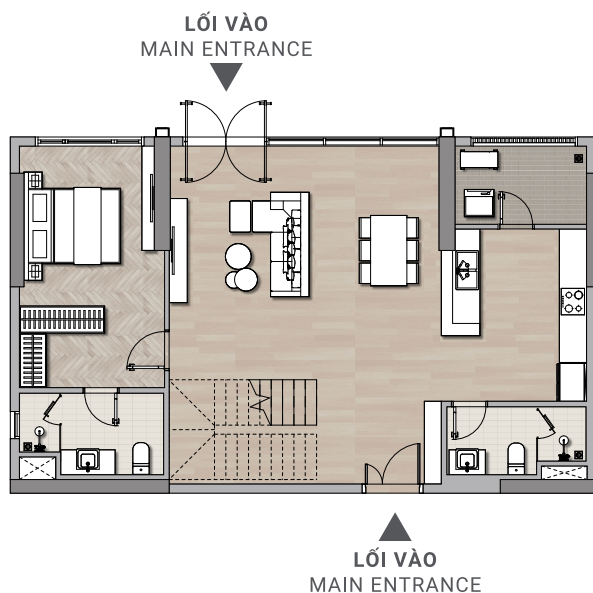
LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| A.03 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 58.70m<sup>2</sup>

NSA: 47.82m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.03 | 100.63 m <sup>2</sup> | 116.79 m <sup>2</sup> |

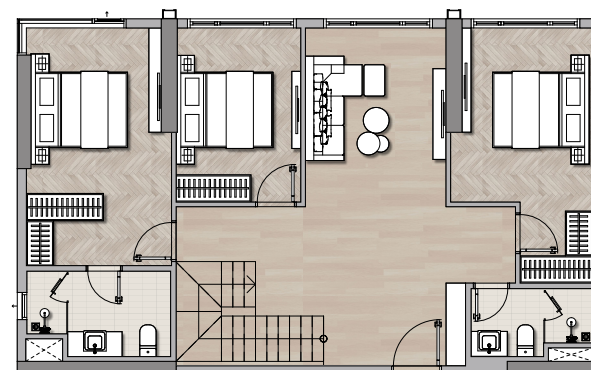


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| A.04 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 4 |

GSA: 97.60m<sup>2</sup>

NSA: 89.16m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| A.04 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 4 |

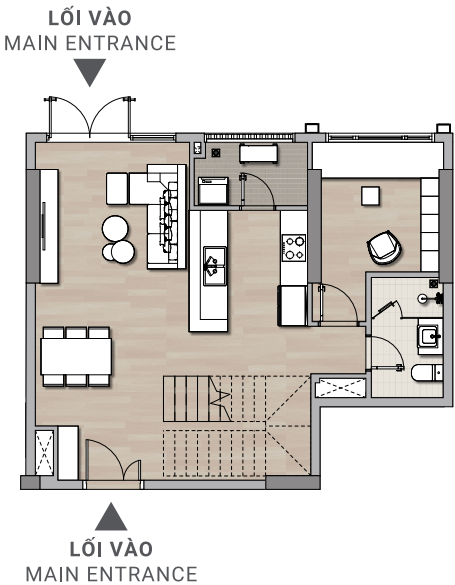
GSA: 97.19m<sup>2</sup>

NSA: 83.28m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.04 | 172.44 m <sup>2</sup> | 194.79 m <sup>2</sup> |

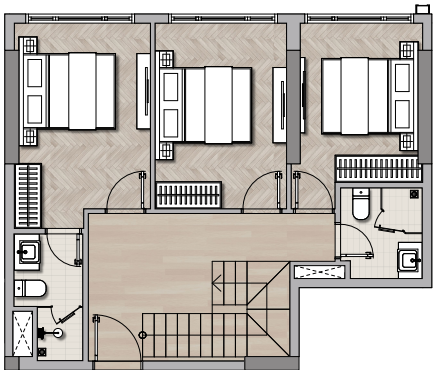
# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



| TRỆT<br>GROUND FLOOR |               |
|----------------------|---------------|
| A.05                 | DUPLEX        |
|                      | LOẠI / TYPE 5 |

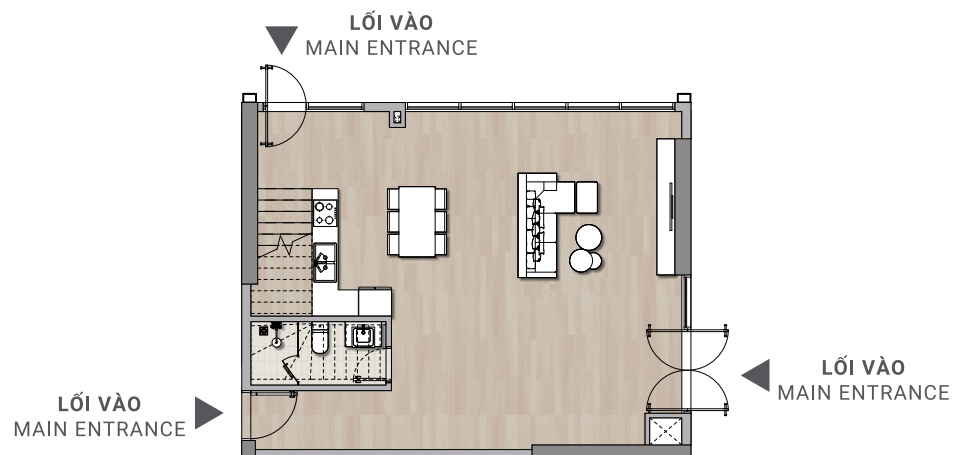
GSA: 65.22m<sup>2</sup>  
NSA: 58.98m<sup>2</sup>



| LẦU 1<br>LEVEL 1 |               |
|------------------|---------------|
| A.05             | DUPLEX        |
|                  | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 65.00m<sup>2</sup>  
NSA: 53.36m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.05 | 112.34 m <sup>2</sup> | 130.22 m <sup>2</sup> |

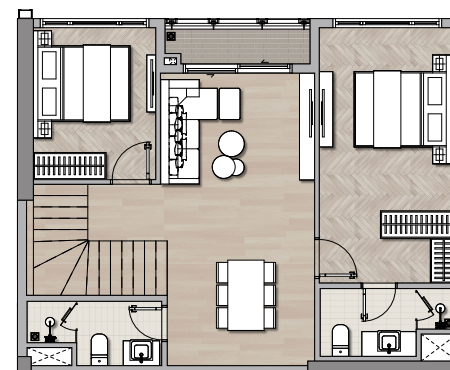


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| A.06 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 6 |

GSA: 74.28m<sup>2</sup>

NSA: 68.88m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| A.06 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 6 |

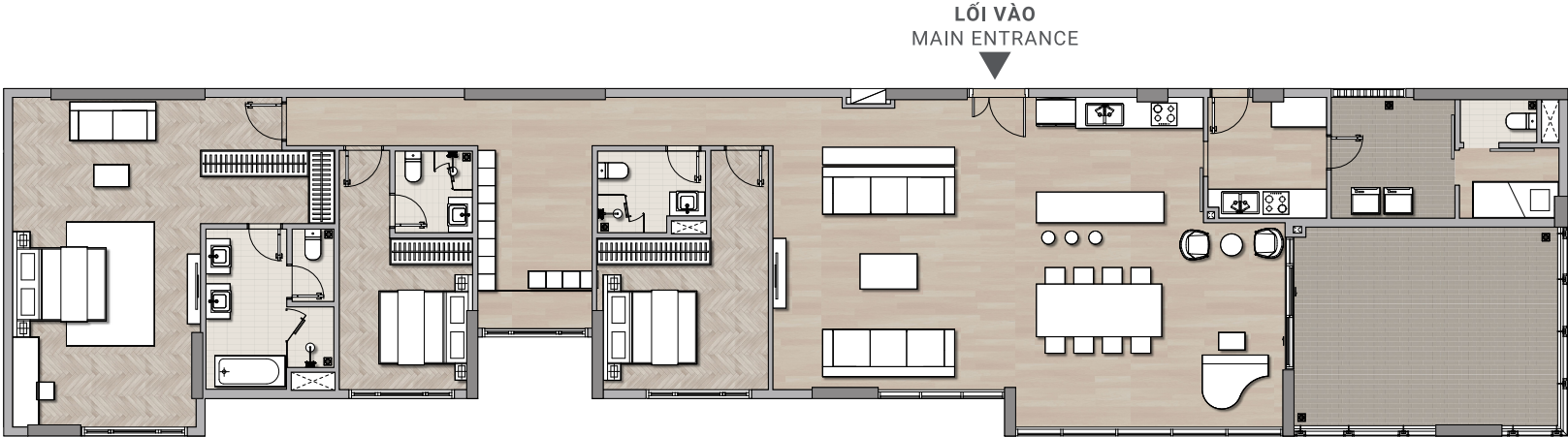
GSA: 74.62m<sup>2</sup>

NSA: 62.16m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| A.06 | 131.04 m <sup>2</sup> | 148.90 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

## PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |               |
|------|---------------|
| A.01 | PENTHOUSE     |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 253.76m<sup>2</sup>

NSA: 239.35m<sup>2</sup>



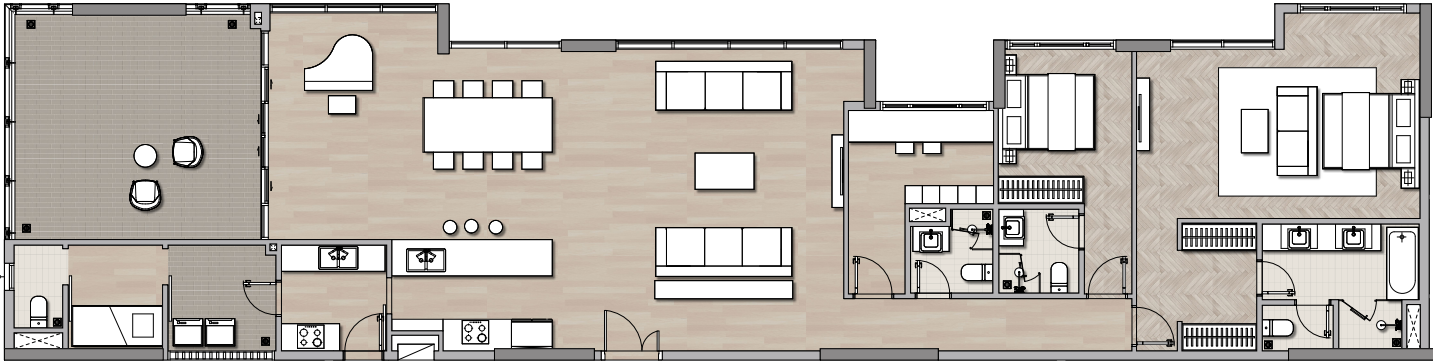
|      |               |
|------|---------------|
| A.02 | PENTHOUSE     |
|      | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 296.05m<sup>2</sup>

NSA: 278.86m<sup>2</sup>

MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

PENTHOUSE UNIT PLAN



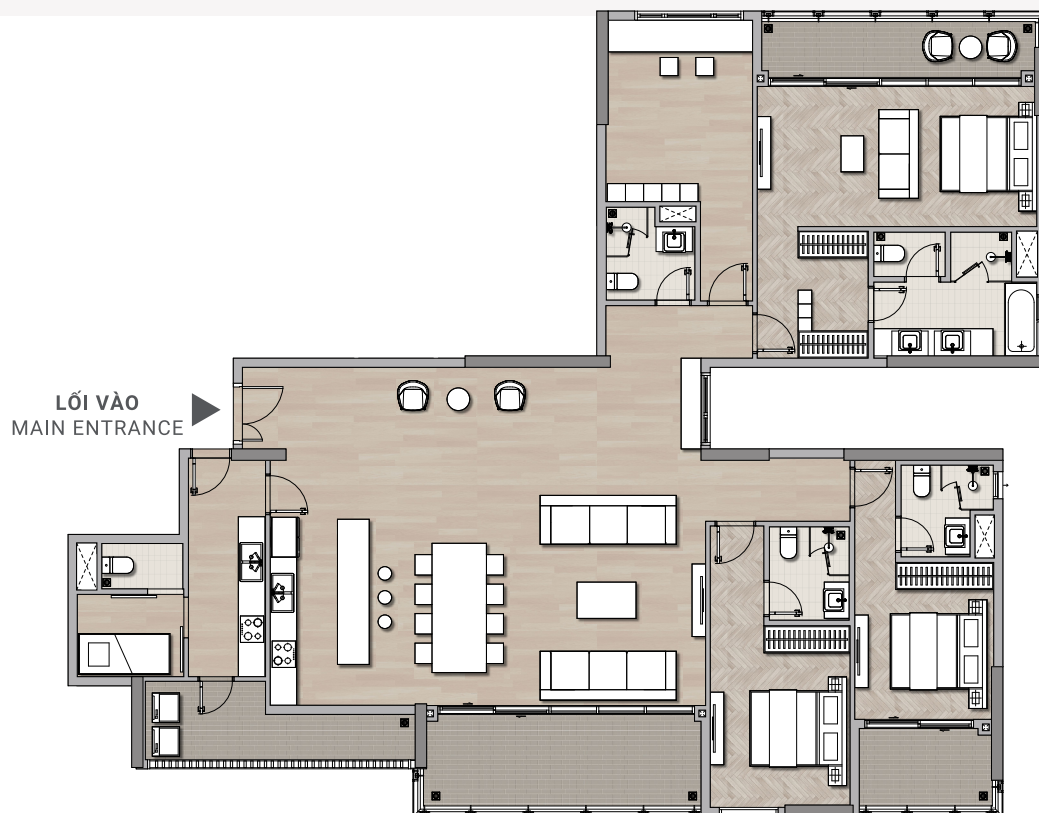
LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE

|      |               |
|------|---------------|
| A.03 | PENTHOUSE     |
|      | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 220.60m<sup>2</sup>

NSA: 208.82m<sup>2</sup>





|      |               |
|------|---------------|
| A.04 | PENTHOUSE     |
|      | LOẠI / TYPE 4 |

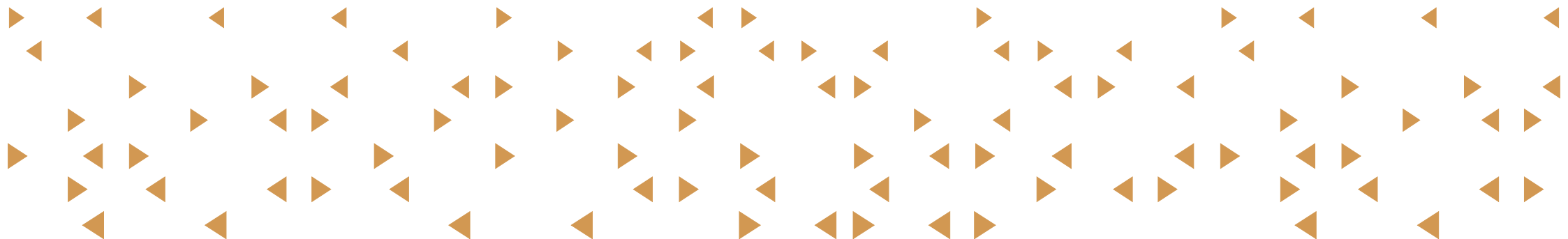
GSA: 243.00m<sup>2</sup>

NSA: 227.18m<sup>2</sup>

# TÒA B

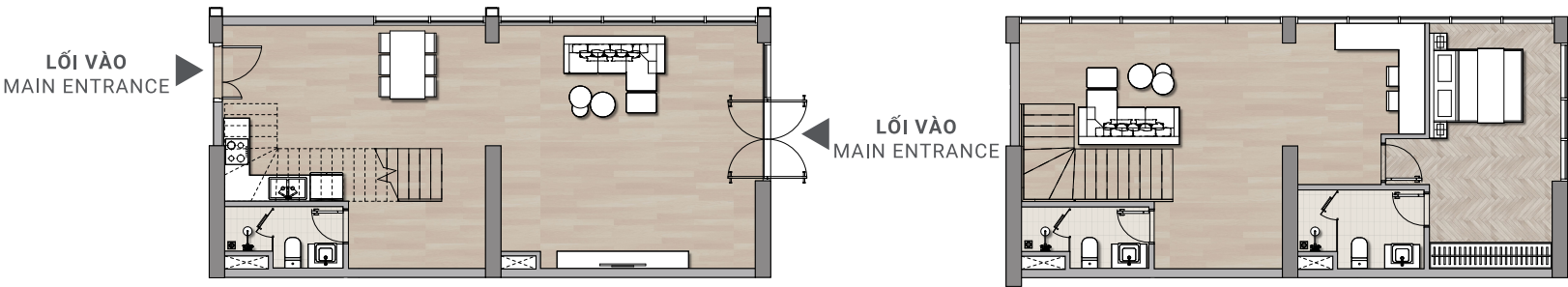
MẶT BẰNG CĂN TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE

TOWER B - SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE UNIT PLAN



# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.01 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

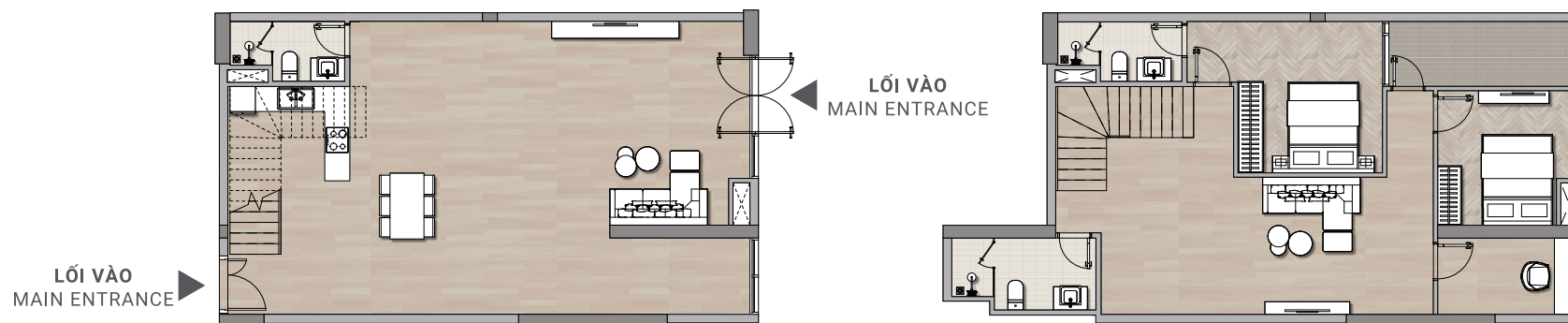
GSA: 72.01m<sup>2</sup>  
NSA: 66.45m<sup>2</sup>

LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.01 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 72.33m<sup>2</sup>  
NSA: 61.18m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                  | GSA                   |
|------|----------------------|-----------------------|
| B.01 | 127.63m <sup>2</sup> | 144.34 m <sup>2</sup> |



### TRỆT GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.02 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 88.92m<sup>2</sup>

NSA: 82.75m<sup>2</sup>

### LẦU 1 LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.02 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 94.01m<sup>2</sup>

NSA: 80.50m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.02 | 163.25 m <sup>2</sup> | 182.93 m <sup>2</sup> |

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

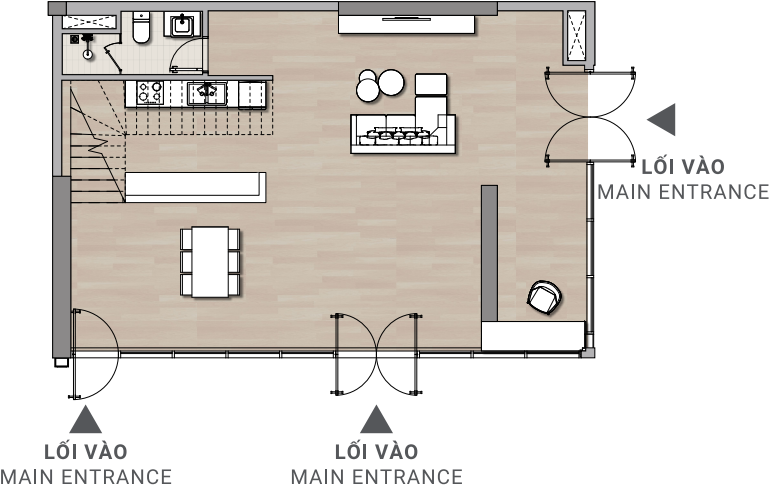
Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tương  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

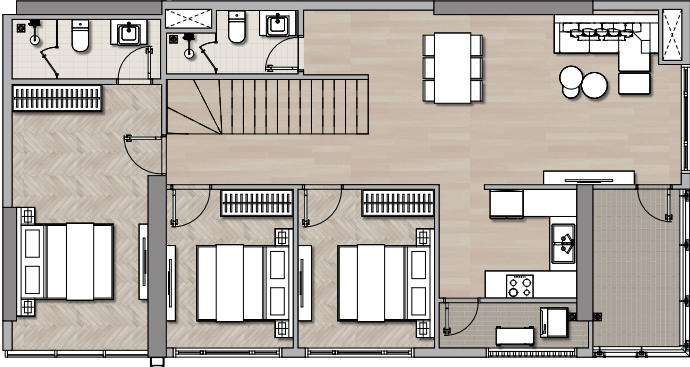
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.03 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 90.67m<sup>2</sup>  
NSA: 83.38m<sup>2</sup>

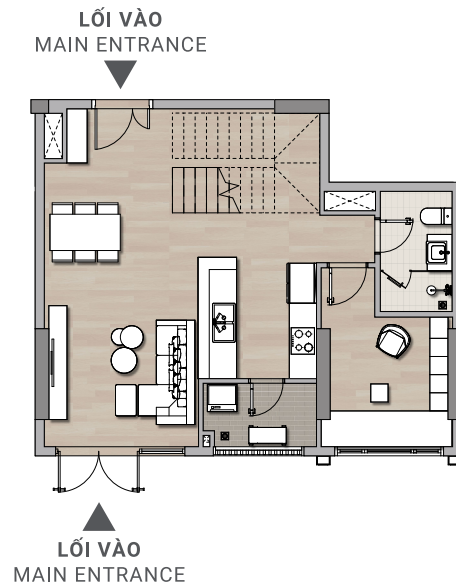


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.03 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 115.19m<sup>2</sup>  
NSA: 100.20m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.03 | 183.58 m <sup>2</sup> | 205.86 m <sup>2</sup> |

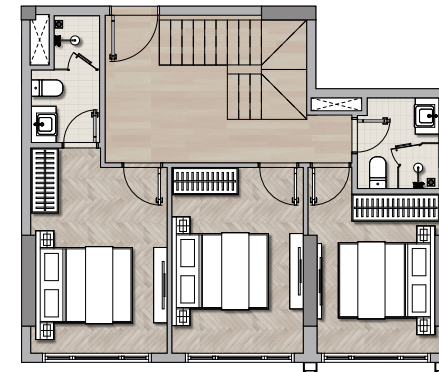


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.04 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 4 |

GSA: 65.27m<sup>2</sup>

NSA: 59.38m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.04 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 4 |

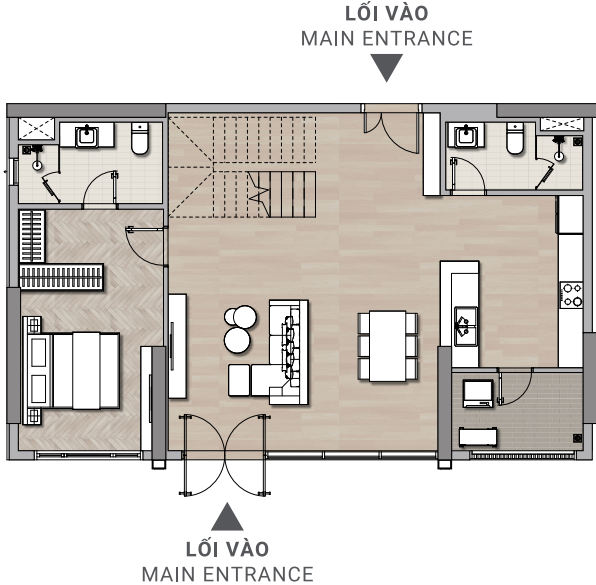
GSA: 65.06m<sup>2</sup>

NSA: 53.82m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.04 | 113.20 m <sup>2</sup> | 130.33 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

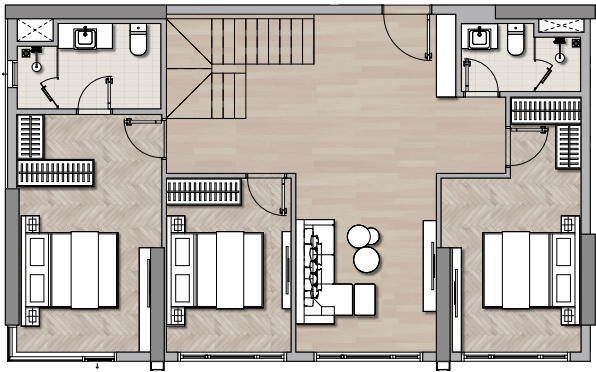
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.05 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 97.15m<sup>2</sup>  
NSA: 89.31m<sup>2</sup>

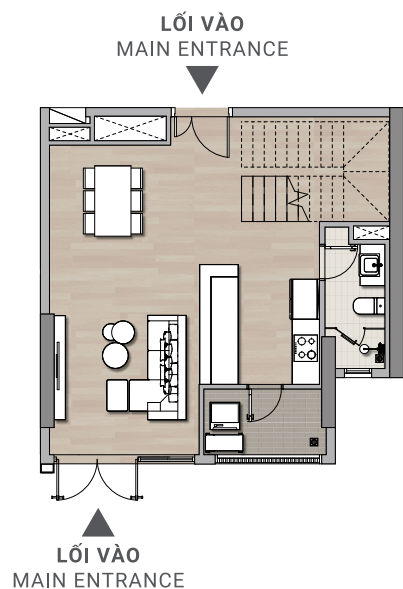


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.05 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 97.16m<sup>2</sup>  
NSA: 83.49m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.05 | 172.80 m <sup>2</sup> | 194.31 m <sup>2</sup> |

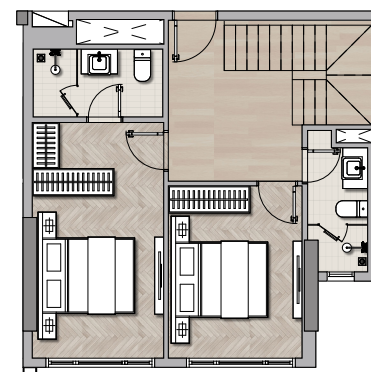


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.06 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 6 |

GSA: 56.83m<sup>2</sup>

NSA: 50.22m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.06 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 6 |

GSA: 56.28m<sup>2</sup>

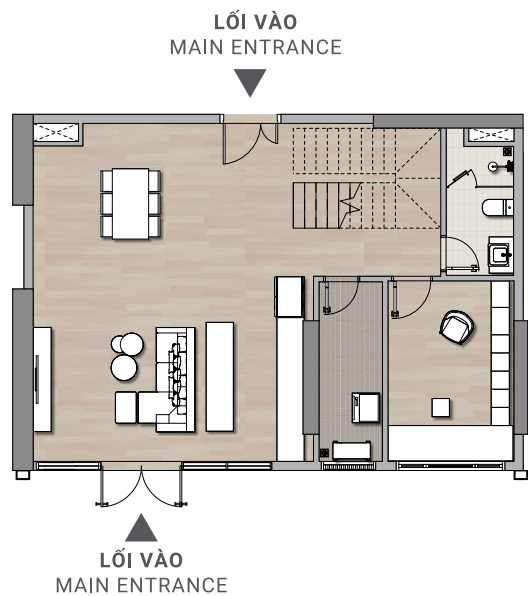
NSA: 44.23m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                  | GSA                   |
|------|----------------------|-----------------------|
| B.06 | 94.45 m <sup>2</sup> | 113.11 m <sup>2</sup> |



# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

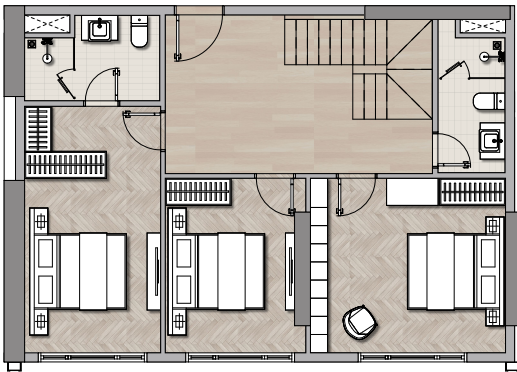
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.07 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 7 |

GSA: 82.77m<sup>2</sup>  
NSA: 76.02m<sup>2</sup>

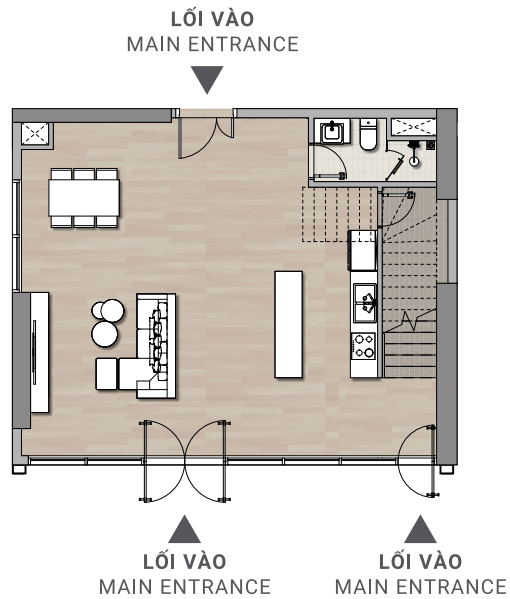


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.07 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 7 |

GSA: 82.62m<sup>2</sup>  
NSA: 70.95m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.07 | 146.97 m <sup>2</sup> | 165.39 m <sup>2</sup> |

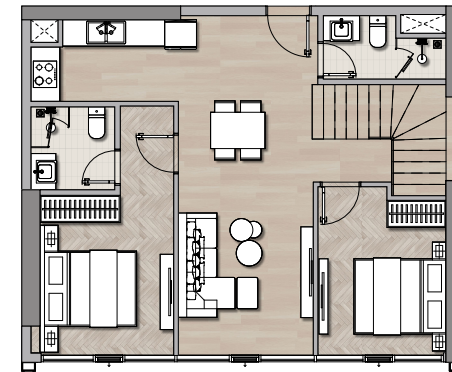


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.08 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 8 |

GSA: 73.44m<sup>2</sup>

NSA: 67.19m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.08 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 8 |

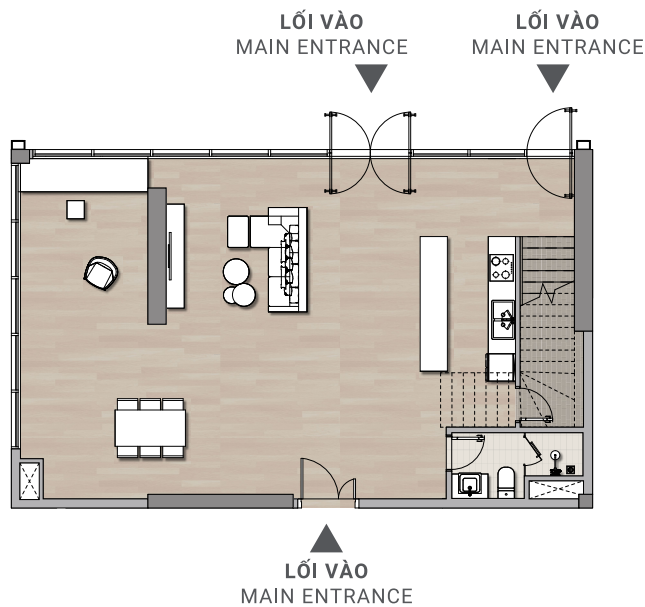
GSA: 73.68m<sup>2</sup>

NSA: 61.71m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.08 | 128.90 m <sup>2</sup> | 147.12 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

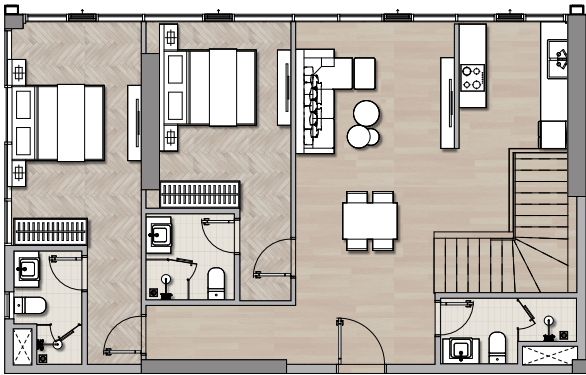
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |               |
|------|---------------|
| B.09 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 9 |

GSA: 97.41m<sup>2</sup>  
NSA: 90.45m<sup>2</sup>

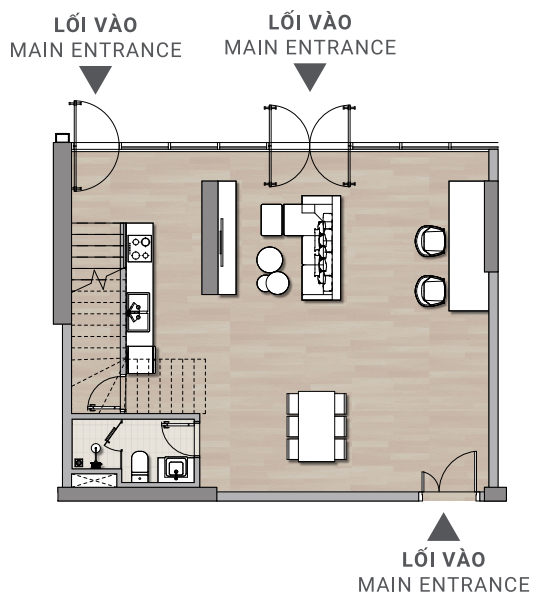


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |               |
|------|---------------|
| B.09 | DUPLEX        |
|      | LOẠI / TYPE 9 |

GSA: 97.73m<sup>2</sup>  
NSA: 86.86m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.09 | 177.31 m <sup>2</sup> | 195.14 m <sup>2</sup> |



**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |              |
|------|--------------|
| B.10 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 10 |

GSA: 72.61m<sup>2</sup>

NSA: 67.39m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |              |
|------|--------------|
| B.10 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 10 |

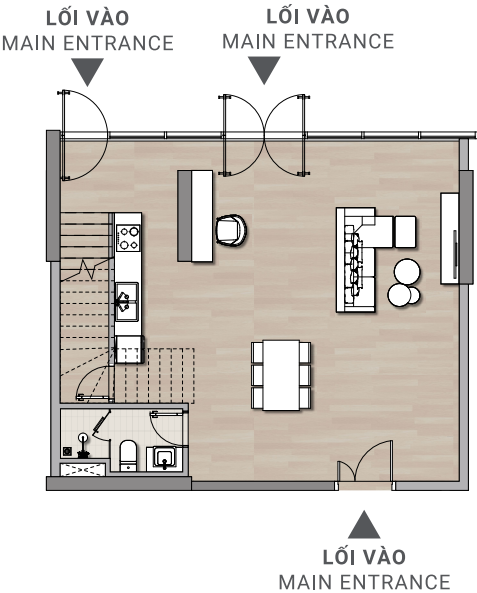
GSA: 72.85m<sup>2</sup>

NSA: 60.85m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.10 | 128.24 m <sup>2</sup> | 145.46 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

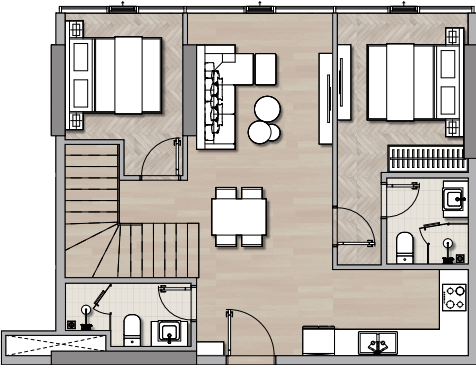
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |              |
|------|--------------|
| B.11 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 11 |

GSA: 69.52m<sup>2</sup>  
NSA: 64.79m<sup>2</sup>

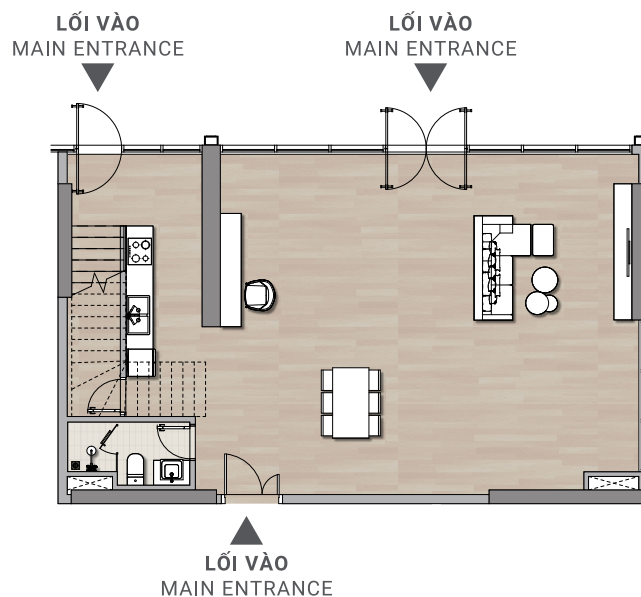


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |              |
|------|--------------|
| B.11 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 11 |

GSA: 70.45m<sup>2</sup>  
NSA: 60.11m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.11 | 124.90 m <sup>2</sup> | 139.97 m <sup>2</sup> |

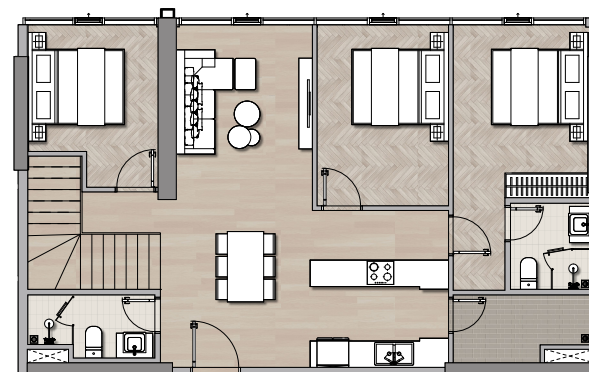


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |              |
|------|--------------|
| B.12 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 12 |

GSA: 98.89m<sup>2</sup>

NSA: 91.15m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |              |
|------|--------------|
| B.12 | DUPLEX       |
|      | LOẠI/TYPE 12 |

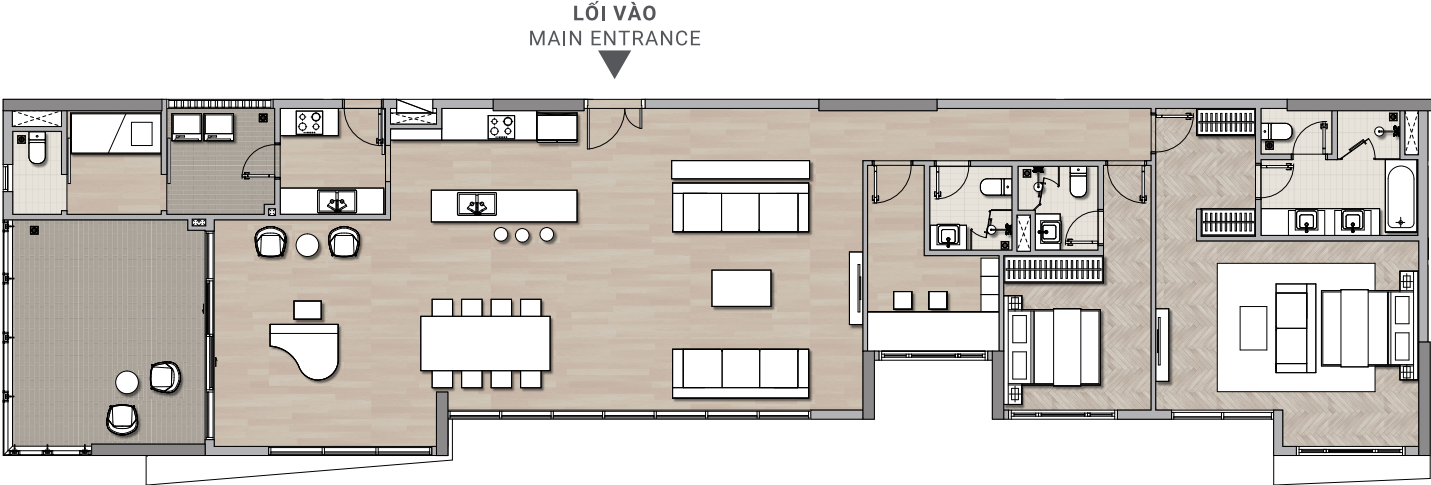
GSA: 98.11m<sup>2</sup>

NSA: 85.06m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| B.12 | 176.21 m <sup>2</sup> | 197.00 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

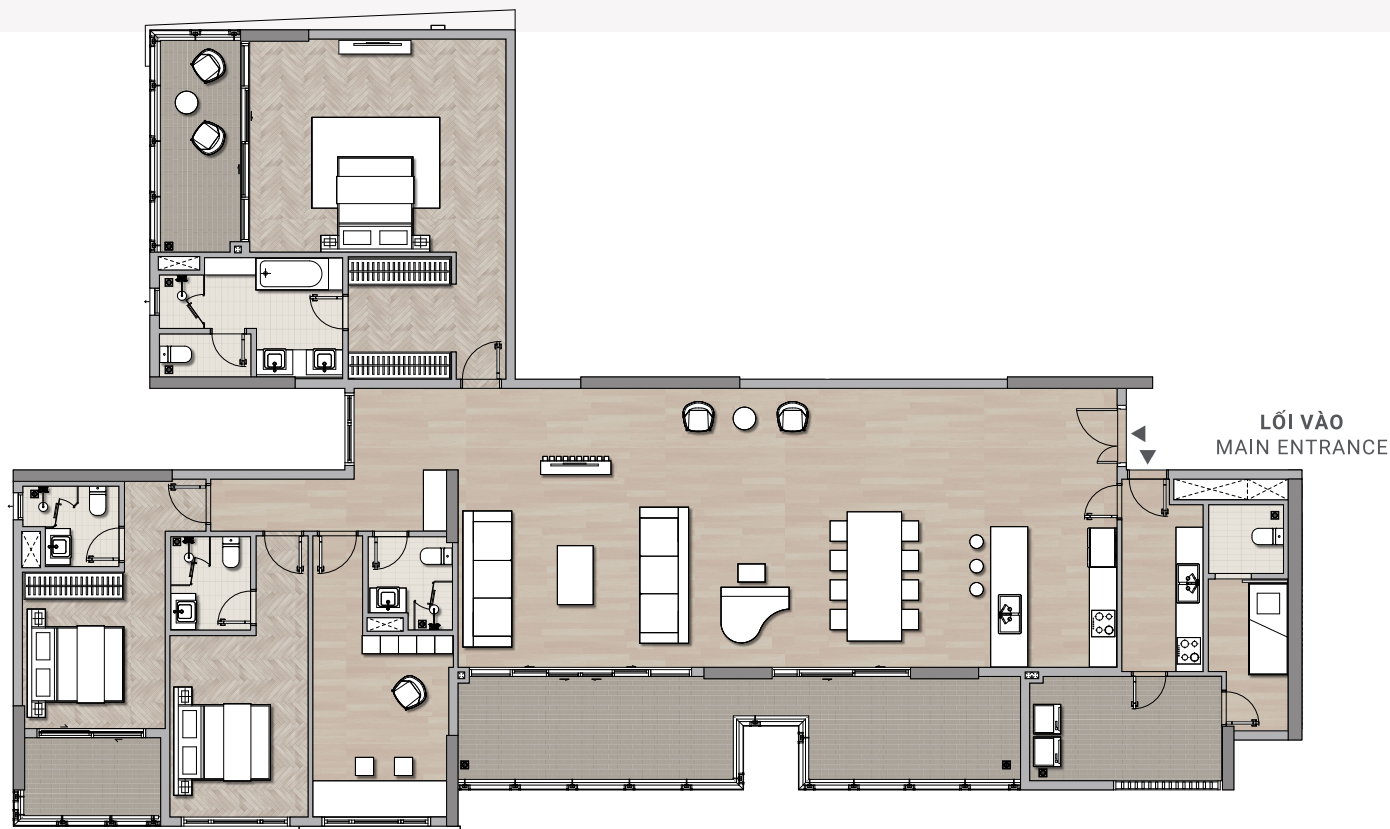
## PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |               |
|------|---------------|
| B.01 | PENTHOUSE     |
|      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 220.53m<sup>2</sup>

NSA: 210.75m<sup>2</sup>



|      |             |
|------|-------------|
| B.02 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

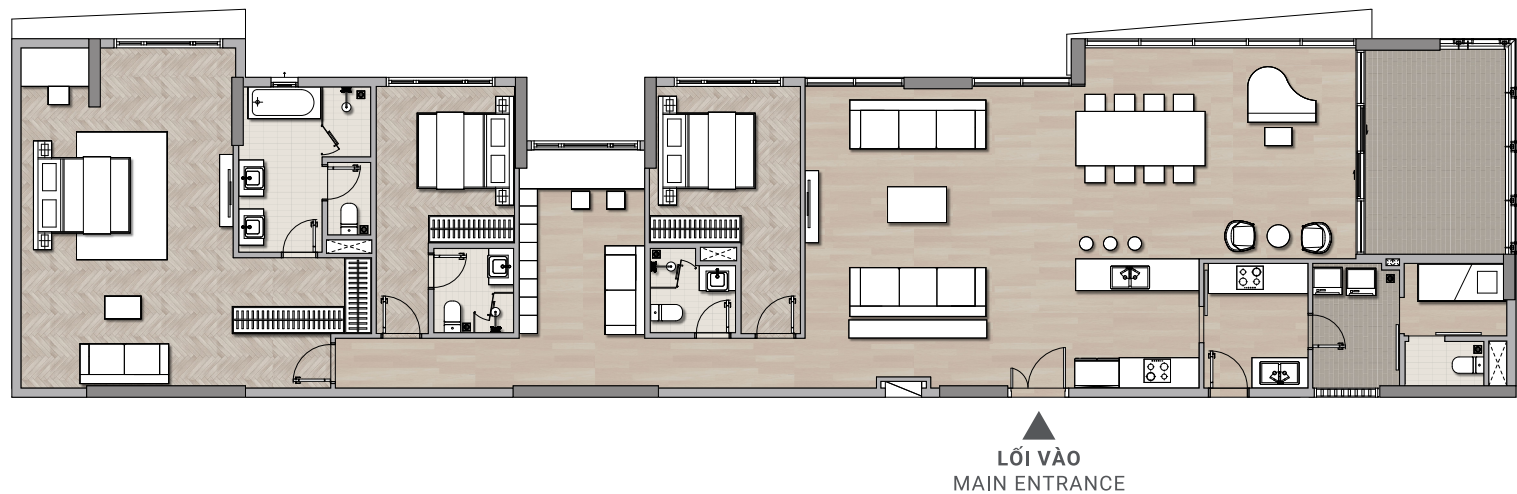
GSA: 293.49m<sup>2</sup>

NSA: 276.20m<sup>2</sup>



# MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

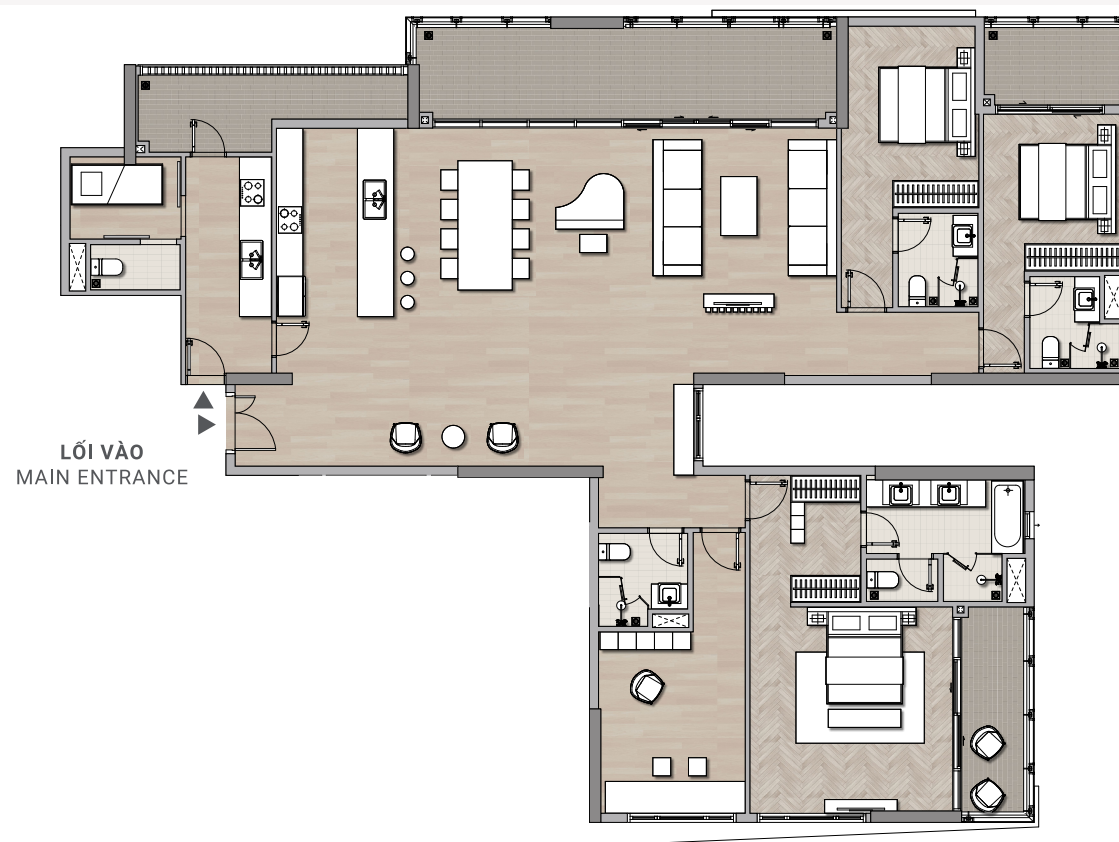
## PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |             |
|------|-------------|
| B.03 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 234.63m<sup>2</sup>

NSA: 222.04m<sup>2</sup>



|      |             |
|------|-------------|
| B.04 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 266.08m<sup>2</sup>

NSA: 249.24m<sup>2</sup>

# TÒA C

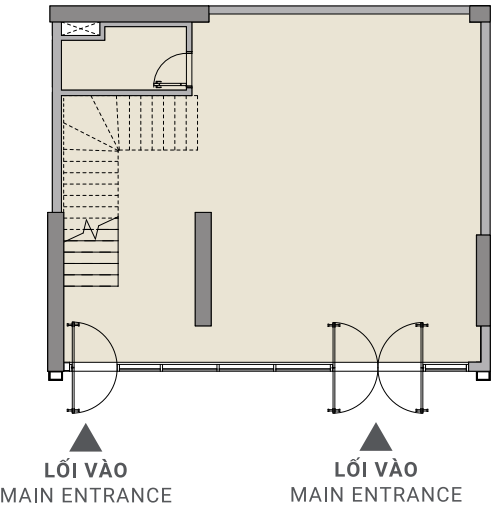
MẶT BẰNG CĂN TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE

TOWER C - SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE UNIT PLAN



# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

## SHOP UNIT PLAN

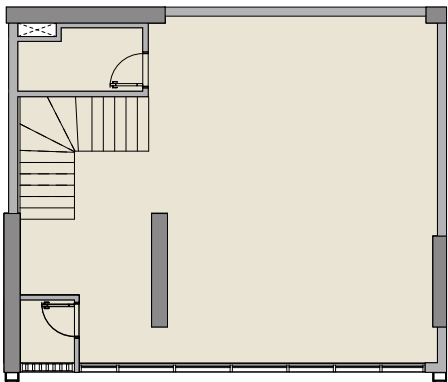


TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV01 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 74.40m<sup>2</sup>

NSA: 68.88m<sup>2</sup>



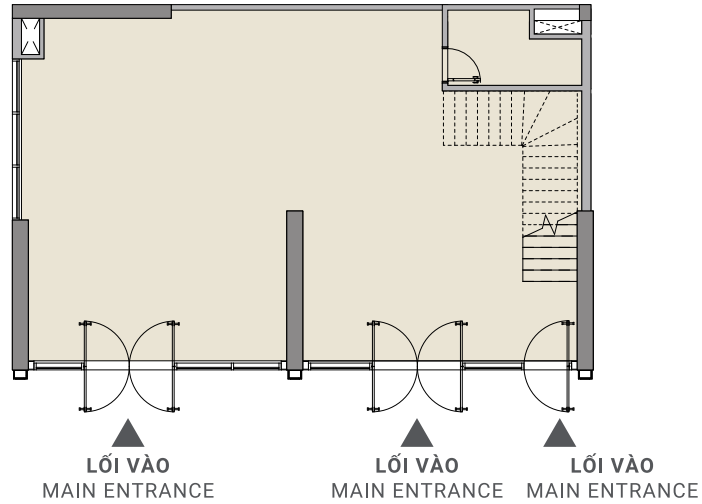
LẦU 1  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV01 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 74.33m<sup>2</sup>

NSA: 63.45m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV01 | 132.33 m <sup>2</sup> | 148.73 m <sup>2</sup> |

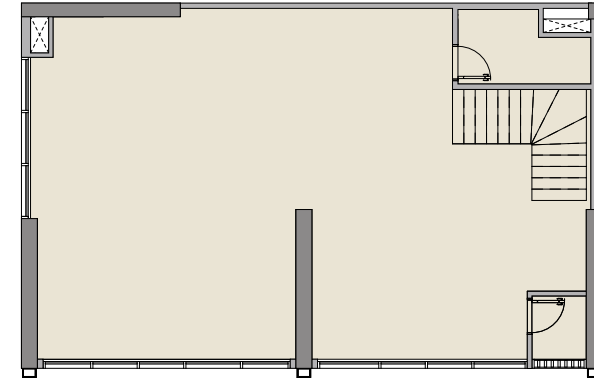


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV02 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 98.83m<sup>2</sup>

NSA: 91.74m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV02 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 2 |

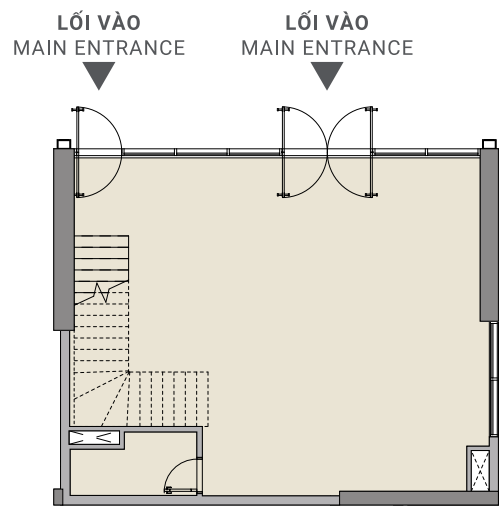
GSA: 98.93m<sup>2</sup>

NSA: 86.34m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV02 | 178.08 m <sup>2</sup> | 197.76 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

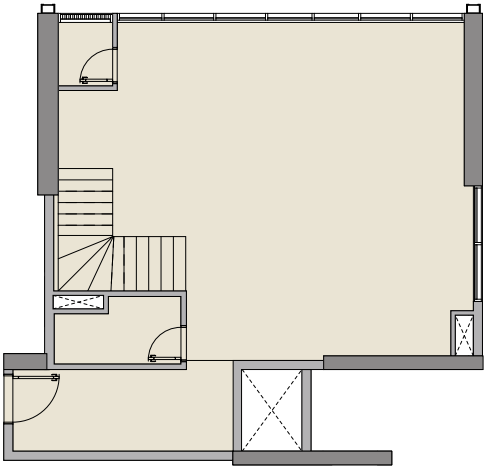
## SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV03 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 72.53m<sup>2</sup>  
NSA: 66.70m<sup>2</sup>

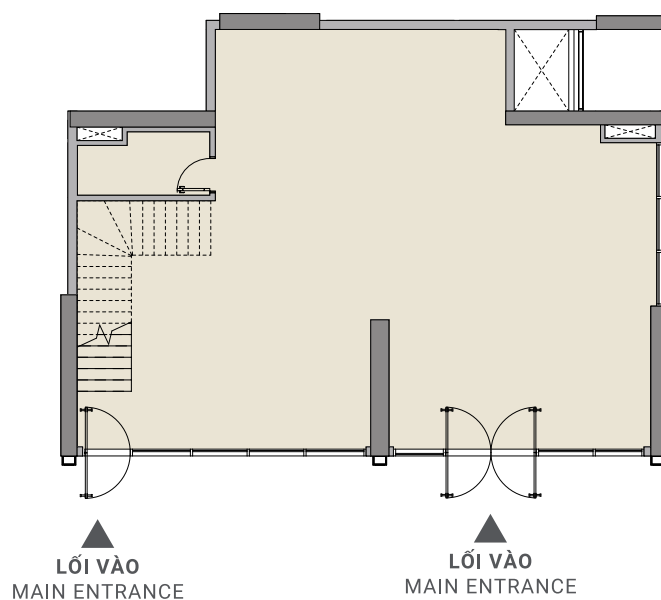


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV03 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 82.67m<sup>2</sup>  
NSA: 70.48m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV03 | 137.18 m <sup>2</sup> | 155.20 m <sup>2</sup> |

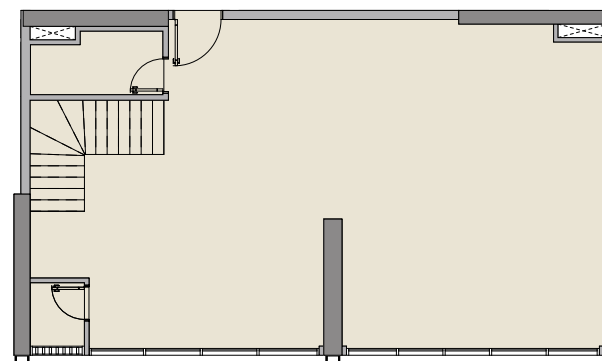


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV04 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 112.71m<sup>2</sup>

NSA: 105.19m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV04 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 4 |

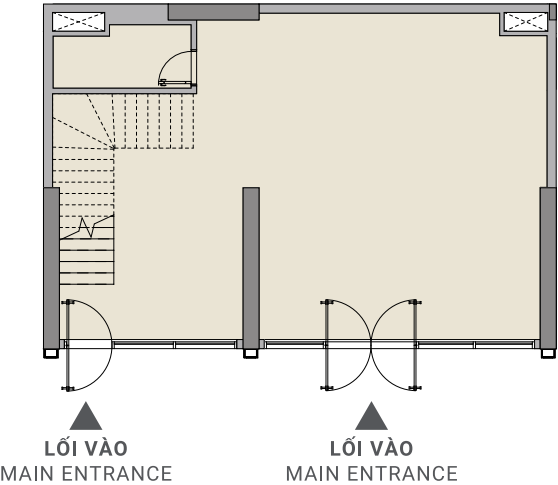
GSA: 95.95m<sup>2</sup>

NSA: 81.75m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV04 | 186.94 m <sup>2</sup> | 208.66 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

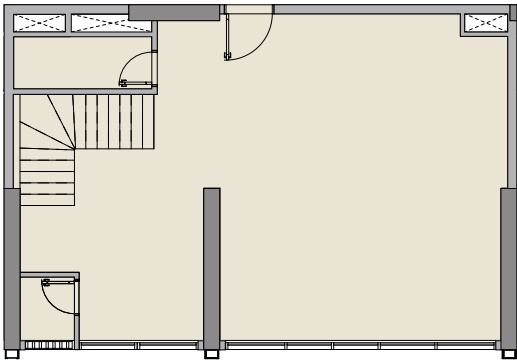
## SHOP UNIT PLAN



**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV05 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 82.42m<sup>2</sup>  
NSA: 75.19m<sup>2</sup>



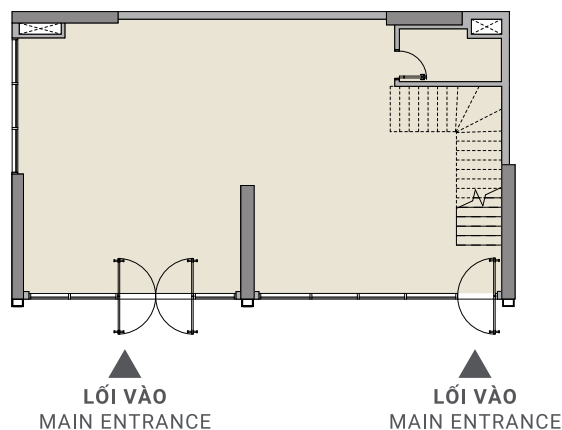
**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV05 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 82.28m<sup>2</sup>  
NSA: 69.06m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV05 | 144.25 m <sup>2</sup> | 164.70 m <sup>2</sup> |



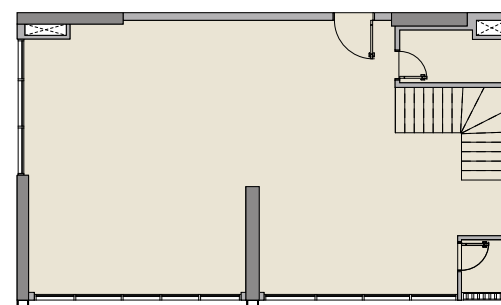


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV06 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 6 |

GSA: 95.84m<sup>2</sup>

NSA: 89.36m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| C.TMDV06 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 6 |

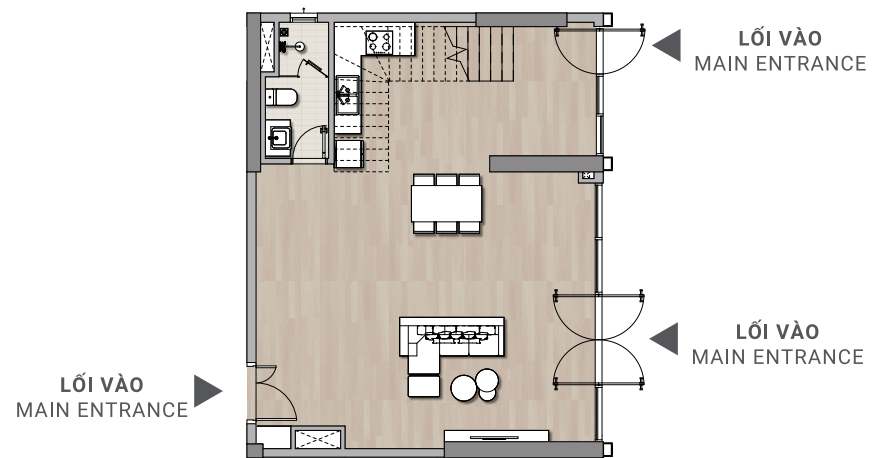
GSA: 96.25m<sup>2</sup>

NSA: 84.06m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| C.TMDV06 | 173.42 m <sup>2</sup> | 192.09 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

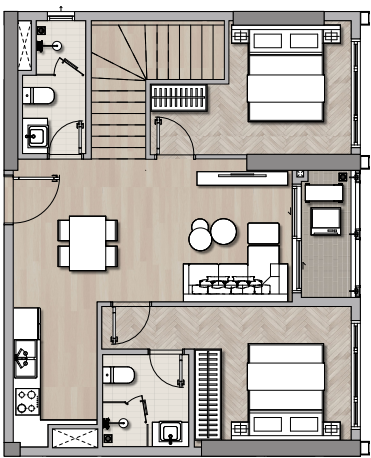
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| C.01 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 73.49m<sup>2</sup>  
NSA: 67.02m<sup>2</sup>

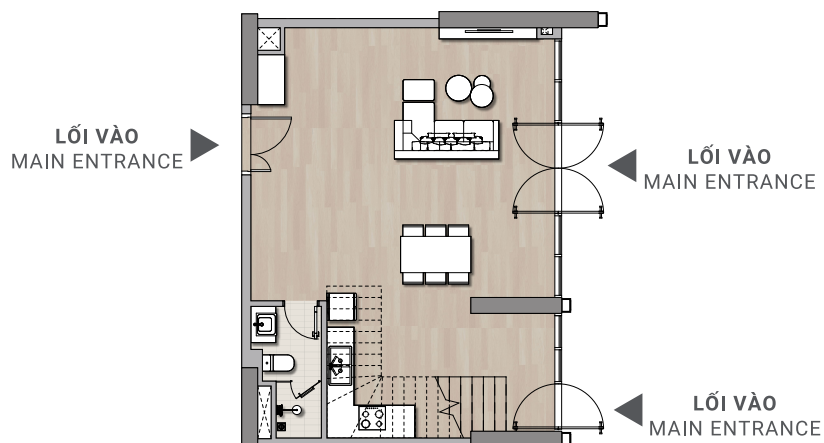


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| C.01 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 73.74m<sup>2</sup>  
NSA: 60.75m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| C.01 | 127.77 m <sup>2</sup> | 147.23 m <sup>2</sup> |

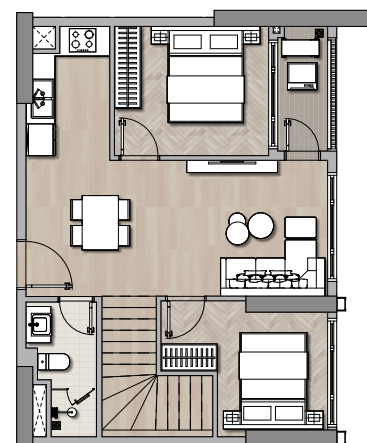


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| C.02 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 63.62m<sup>2</sup>

NSA: 58.07m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| C.02 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

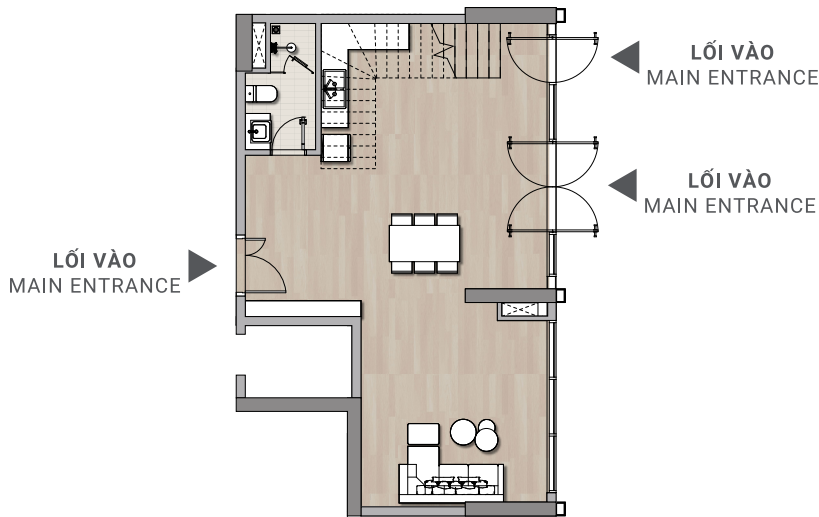
GSA: 63.66m<sup>2</sup>

NSA: 51.71m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| C.02 | 109.78 m <sup>2</sup> | 127.28 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

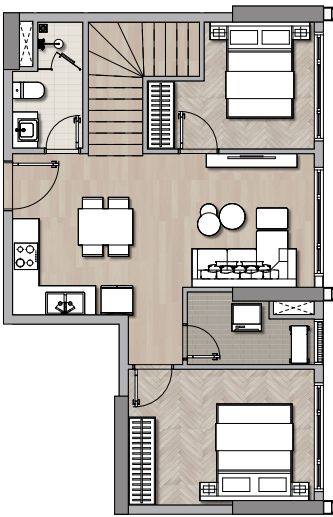
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| C.03 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 63.94m<sup>2</sup>  
NSA: 58.82m<sup>2</sup>

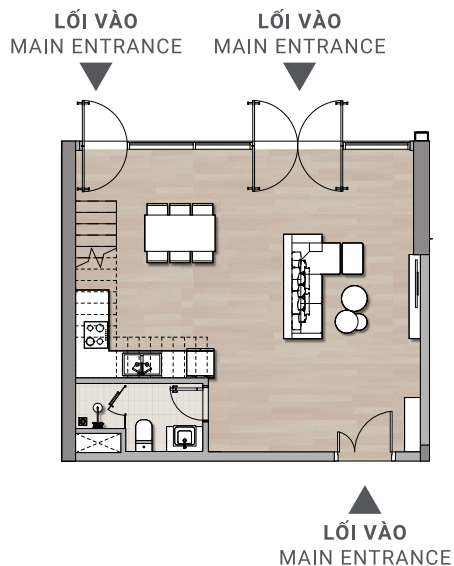


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| C.03 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 63.79m<sup>2</sup>  
NSA: 52.67m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| C.03 | 111.49 m <sup>2</sup> | 127.73 m <sup>2</sup> |

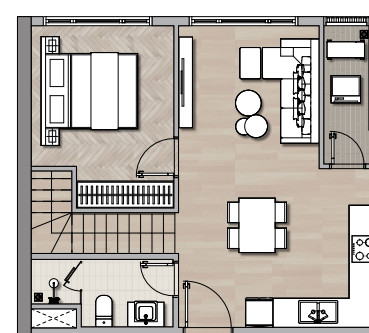


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| C.04 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 54.03m<sup>2</sup>

NSA: 49.77m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| C.04 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

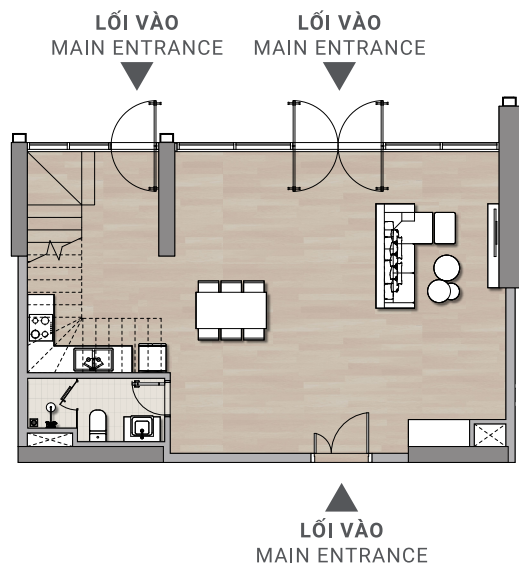
GSA: 53.91m<sup>2</sup>

NSA: 44.01m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                  | GSA                   |
|------|----------------------|-----------------------|
| C.04 | 93.78 m <sup>2</sup> | 107.94 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

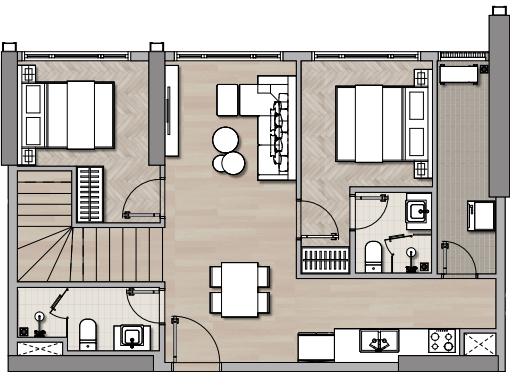
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| C.05 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 73.85m<sup>2</sup>  
NSA: 67.43m<sup>2</sup>

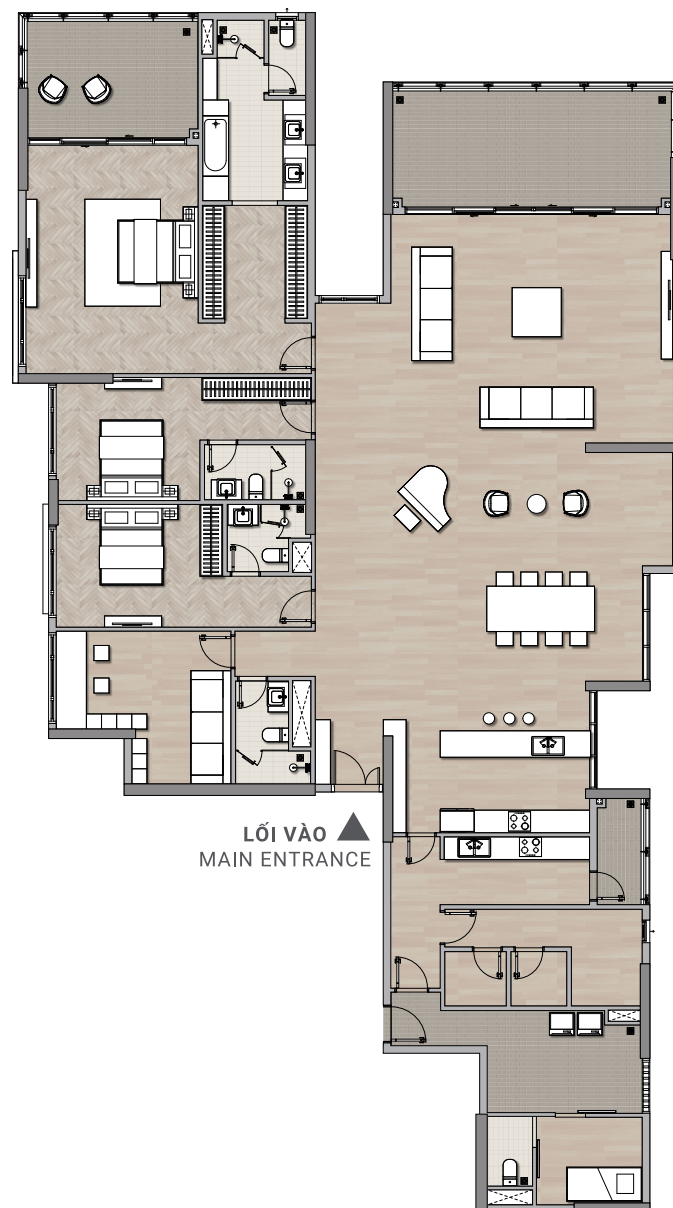


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| C.05 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 73.82m<sup>2</sup>  
NSA: 61.37m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| C.05 | 128.80 m <sup>2</sup> | 147.67 m <sup>2</sup> |



|      |             |
|------|-------------|
| C.01 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 371.71m<sup>2</sup>

NSA: 350.89m<sup>2</sup>

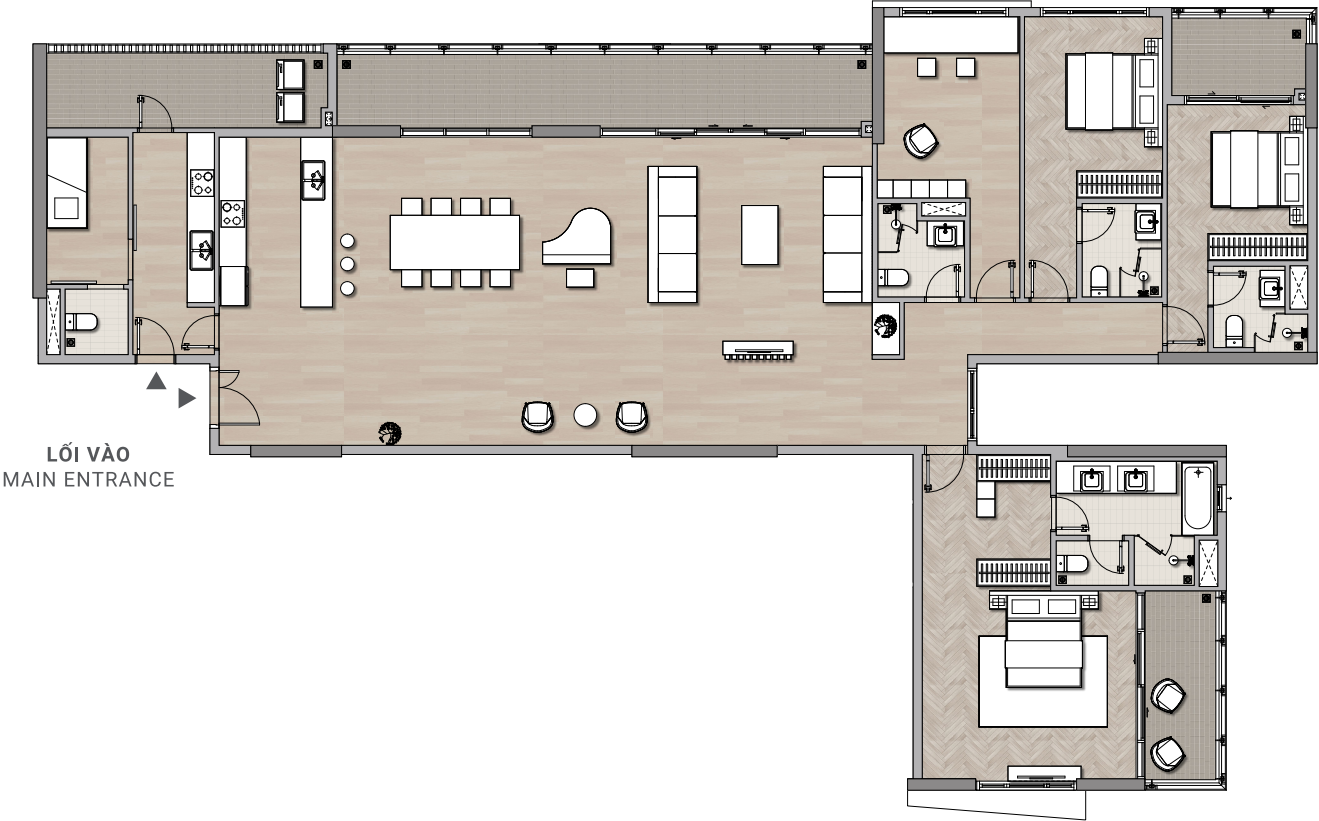
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tương  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE  
PENTHOUSE UNIT PLAN



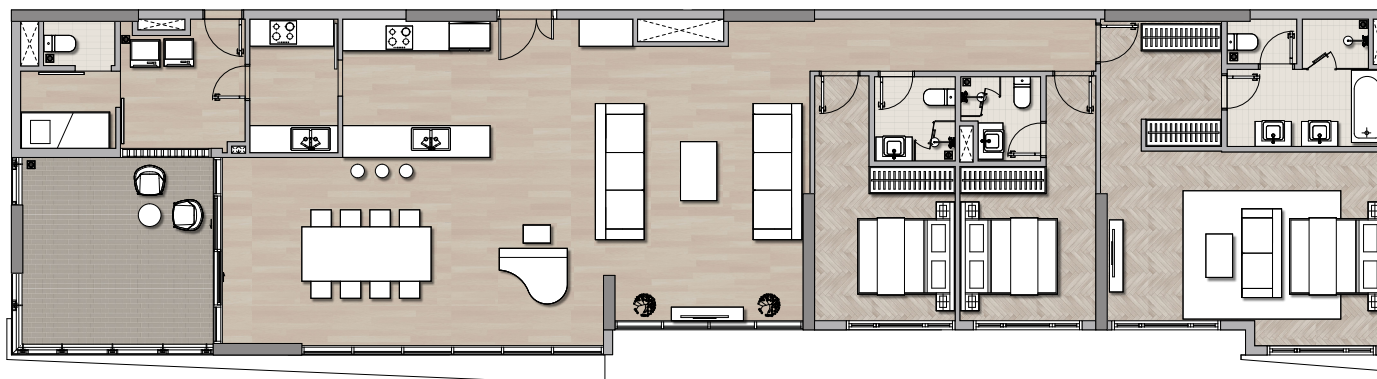
|      |             |
|------|-------------|
| C.02 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 285.74m<sup>2</sup>

NSA: 267.73m<sup>2</sup>



LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE



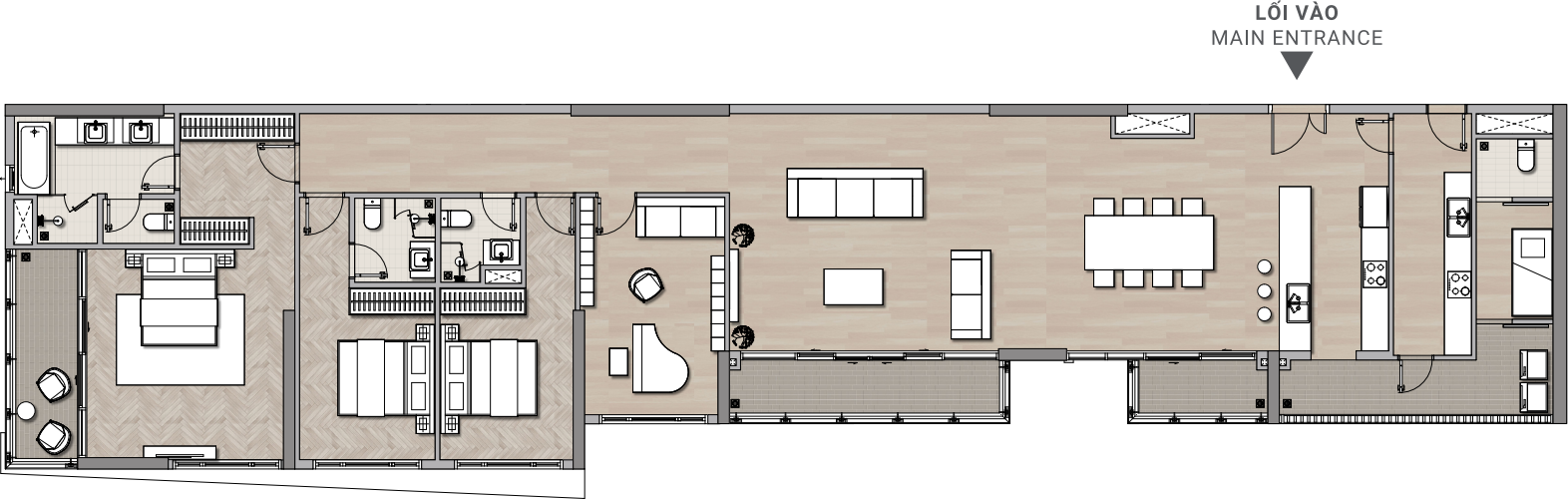
|      |             |
|------|-------------|
| C.03 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 215.33m<sup>2</sup>

NSA: 203.18m<sup>2</sup>

# MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

## PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |             |
|------|-------------|
| C.04 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 245.39m<sup>2</sup>  
NSA: 228.78m<sup>2</sup>



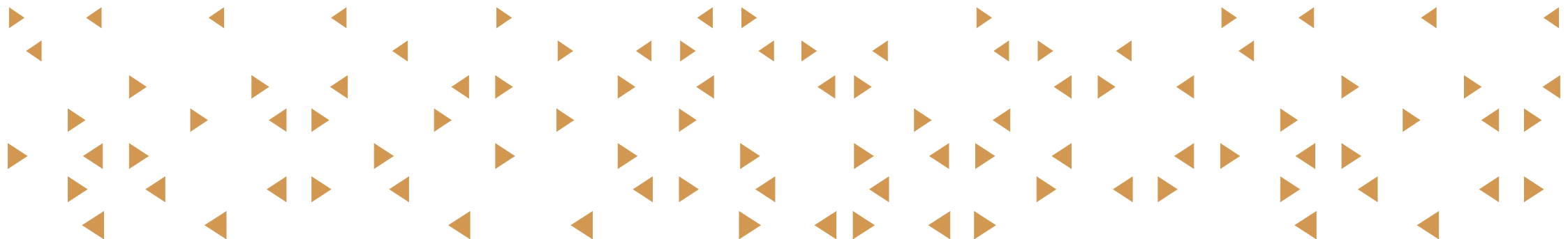
|      |             |
|------|-------------|
| C.05 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 251.68m<sup>2</sup>

NSA: 236.85m<sup>2</sup>

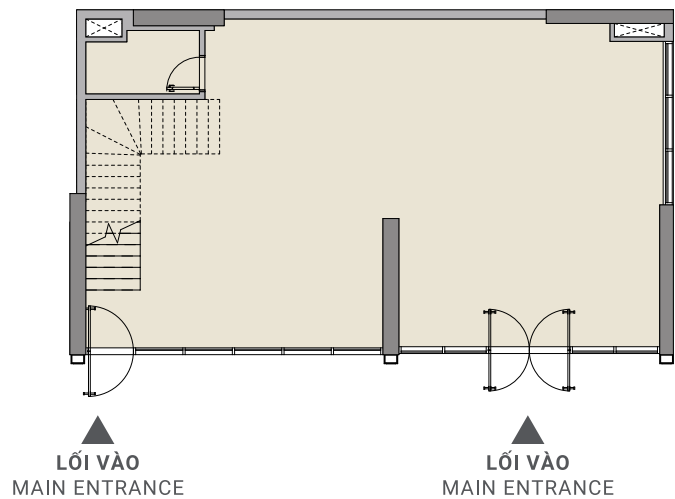
# TÒA D

MẶT BẰNG CĂN TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE  
TOWER D - SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE UNIT PLAN



# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

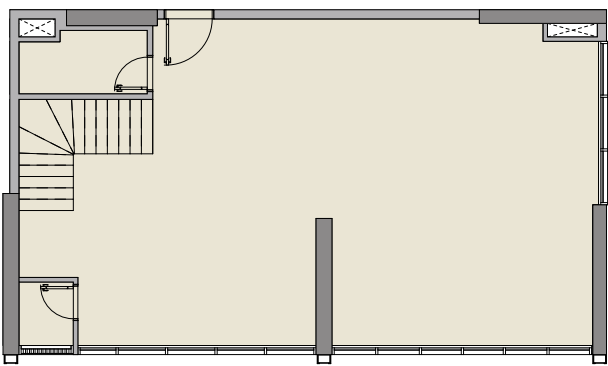
## SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV01 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 95.84m<sup>2</sup>  
NSA: 89.38m<sup>2</sup>

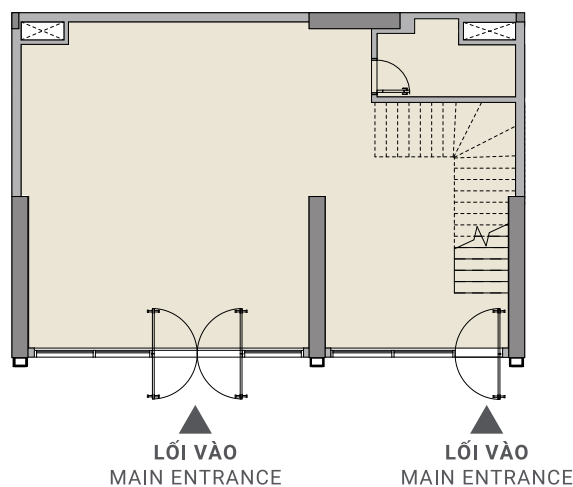


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV01 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 96.25m<sup>2</sup>  
NSA: 84.06m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV01 | 173.44 m <sup>2</sup> | 192.09 m <sup>2</sup> |

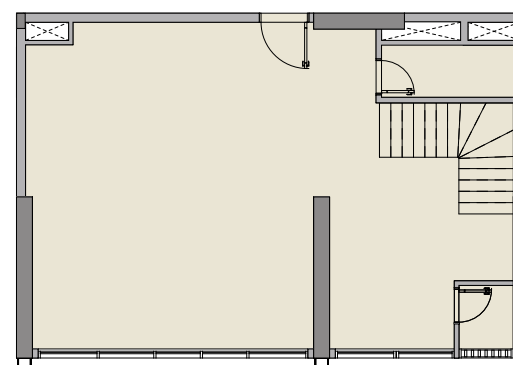


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV02 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 82.42m<sup>2</sup>

NSA: 75.19m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV02 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 2 |

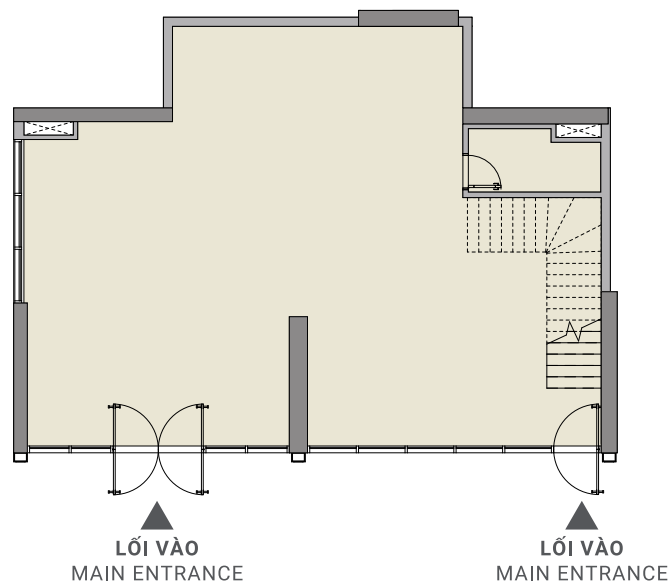
GSA: 82.28m<sup>2</sup>

NSA: 69.06m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV02 | 144.25 m <sup>2</sup> | 164.70 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

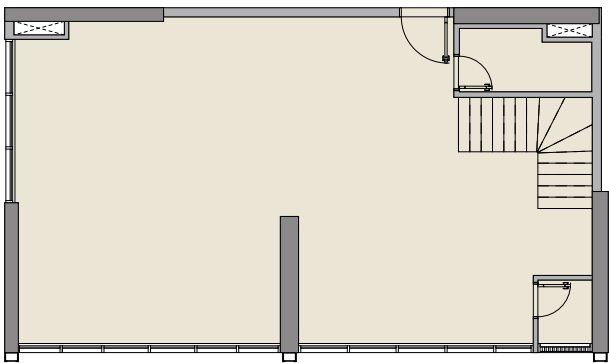
## SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV03 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 112.71m<sup>2</sup>  
NSA: 105.19m<sup>2</sup>

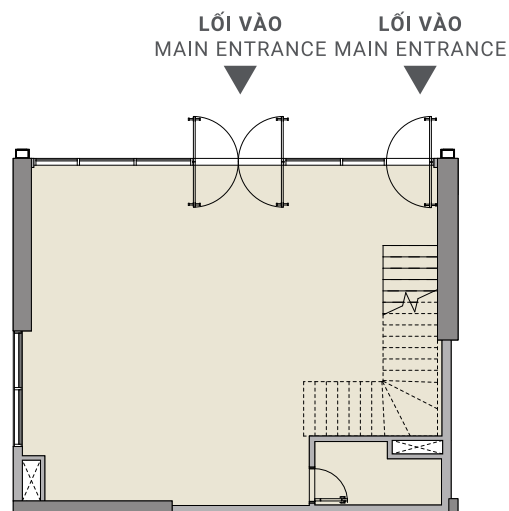


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV03 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 95.95m<sup>2</sup>  
NSA: 81.75m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV03 | 186.94 m <sup>2</sup> | 208.66 m <sup>2</sup> |

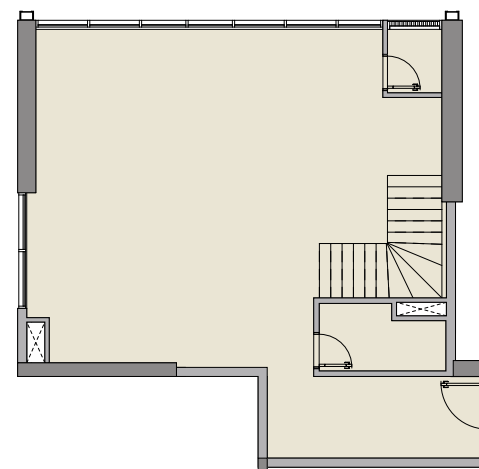


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV04 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 72.53m<sup>2</sup>

NSA: 66.70m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV04 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 82.67m<sup>2</sup>

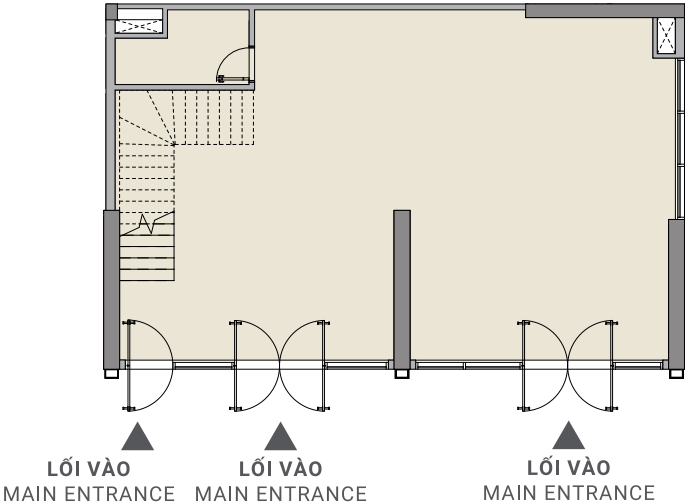
NSA: 70.48m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV04 | 137.18 m <sup>2</sup> | 155.20 m <sup>2</sup> |



# MẶT BẰNG CĂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

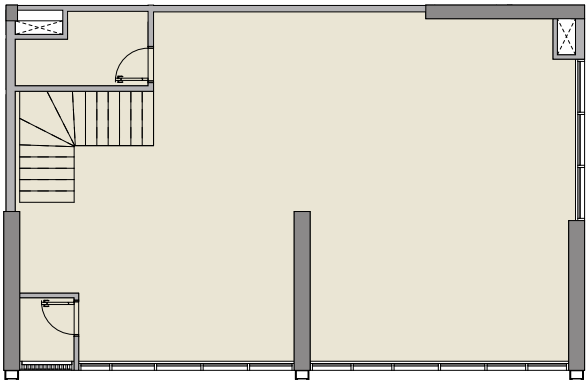
## SHOP UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV05 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 98.83m<sup>2</sup>  
NSA: 91.74m<sup>2</sup>

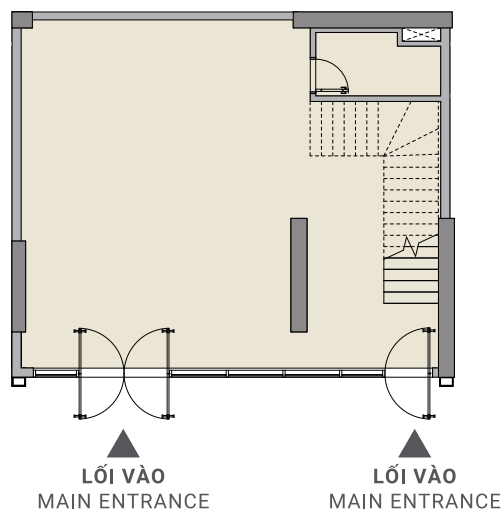


LẦU 1  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV05 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 98.93m<sup>2</sup>  
NSA: 86.34m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV05 | 178.08 m <sup>2</sup> | 197.76 m <sup>2</sup> |

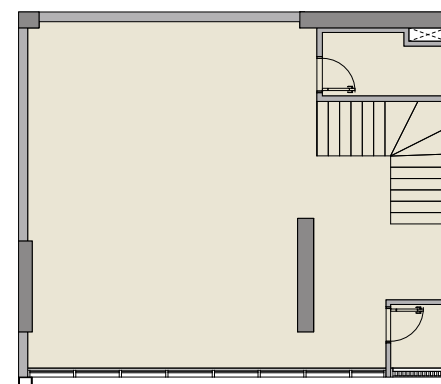


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV06 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 6 |

GSA: 74.40m<sup>2</sup>

NSA: 68.88m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|          |             |
|----------|-------------|
| D.TMDV06 | TMDV / SHOP |
|          | LOẠI/TYPE 6 |

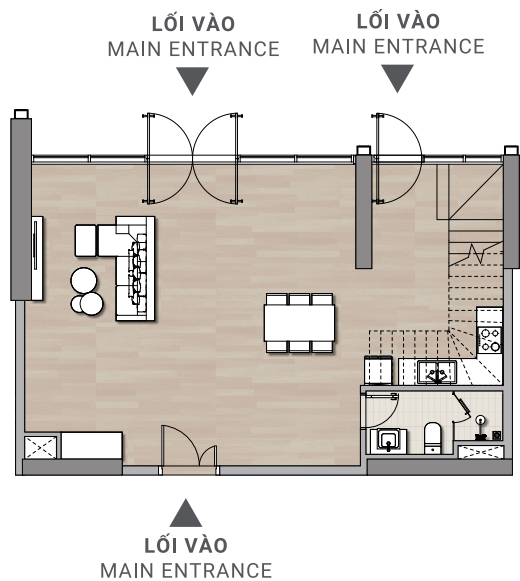
GSA: 74.33m<sup>2</sup>

NSA: 63.45m<sup>2</sup>

| UNIT     | NSA                   | GSA                   |
|----------|-----------------------|-----------------------|
| D.TMDV06 | 132.33 m <sup>2</sup> | 148.73 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

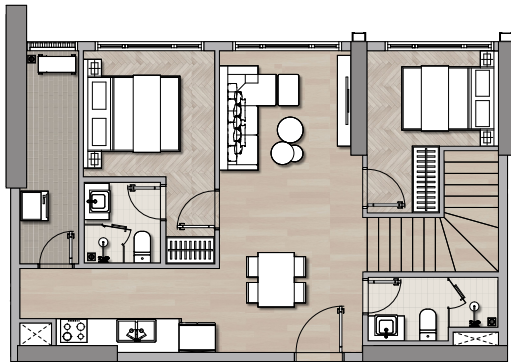
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| D.01 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 73.85m<sup>2</sup>  
NSA: 67.43m<sup>2</sup>

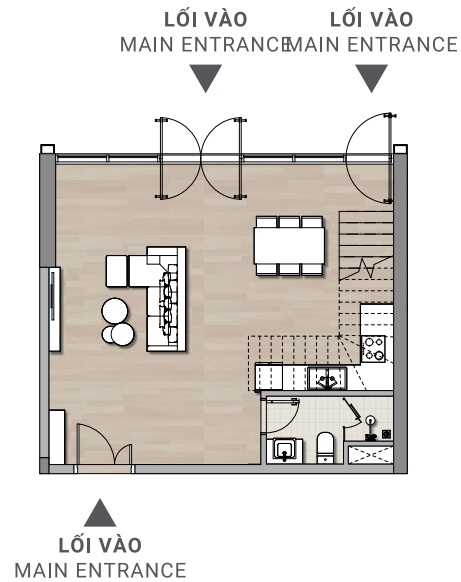


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| D.01 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 73.82m<sup>2</sup>  
NSA: 61.37m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| D.01 | 128.80 m <sup>2</sup> | 147.67 m <sup>2</sup> |

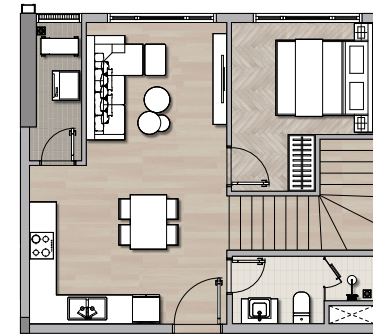


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| D.02 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 54.03m<sup>2</sup>

NSA: 49.77m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| D.02 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

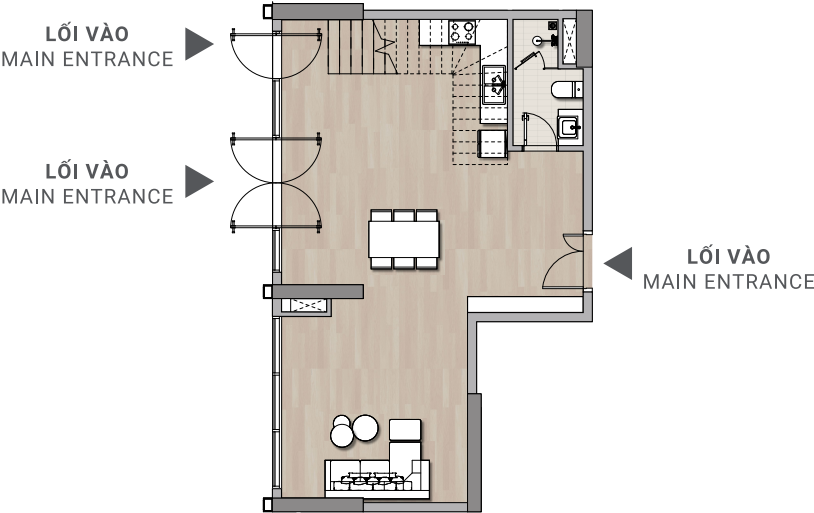
GSA: 53.91m<sup>2</sup>

NSA: 44.01m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                  | GSA                   |
|------|----------------------|-----------------------|
| D.02 | 93.78 m <sup>2</sup> | 107.94 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

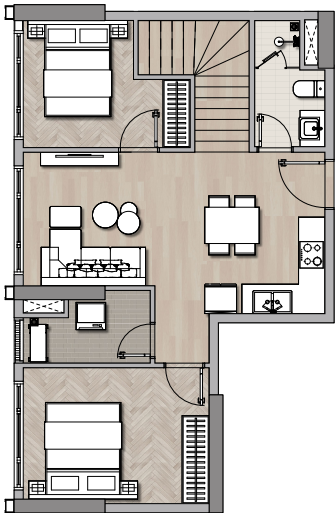
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| D.03 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 63.94m<sup>2</sup>  
NSA: 58.82m<sup>2</sup>

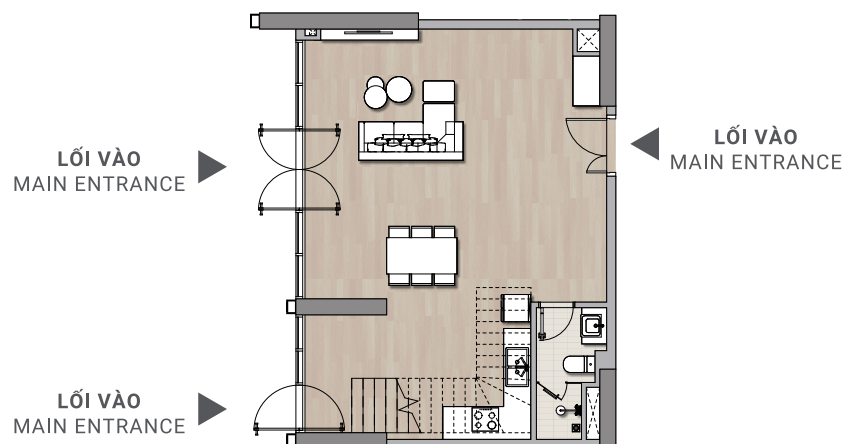


LẦU 1  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| D.03 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 63.79m<sup>2</sup>  
NSA: 52.67m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| D.03 | 111.49 m <sup>2</sup> | 127.73 m <sup>2</sup> |

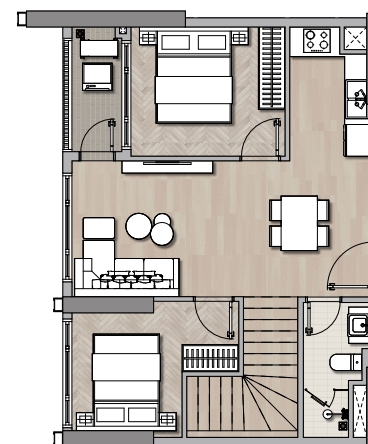


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| D.04 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 63.62m<sup>2</sup>

NSA: 58.07m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| D.04 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

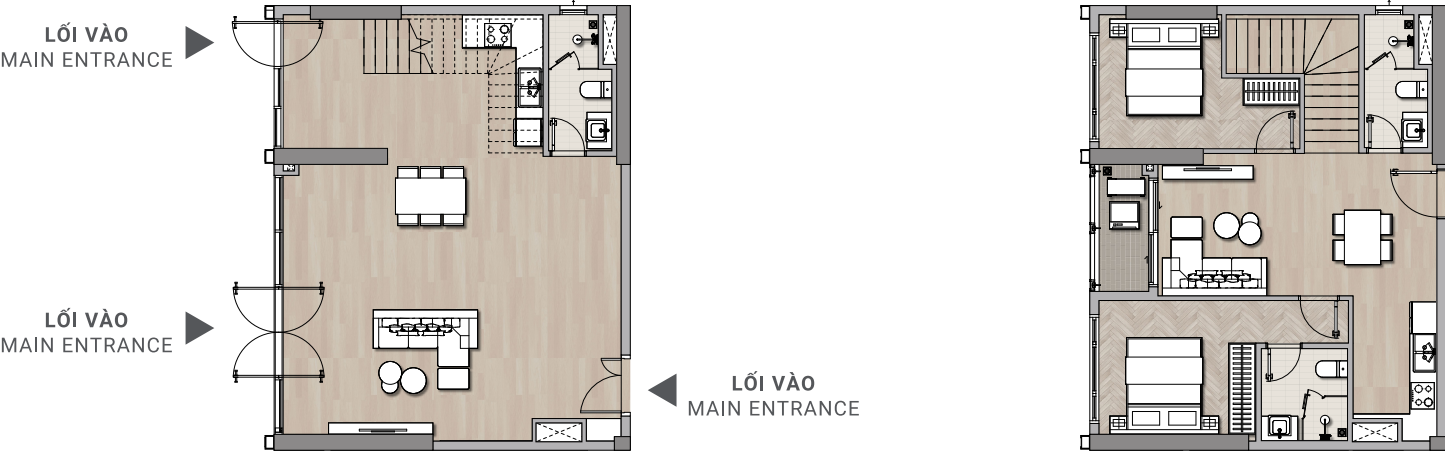
GSA: 63.66m<sup>2</sup>

NSA: 51.71m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| D.04 | 109.78 m <sup>2</sup> | 127.28 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT

GROUND FLOOR

|      |             |
|------|-------------|
| D.05 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 73.49m<sup>2</sup>

NSA: 67.02m<sup>2</sup>

LẦU 1

LEVEL 1

|      |             |
|------|-------------|
| D.05 | DUPLEX      |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

GSA: 73.74m<sup>2</sup>

NSA: 60.75m<sup>2</sup>

| UNIT | NSA                   | GSA                   |
|------|-----------------------|-----------------------|
| D.05 | 127.77 m <sup>2</sup> | 147.23 m <sup>2</sup> |

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.

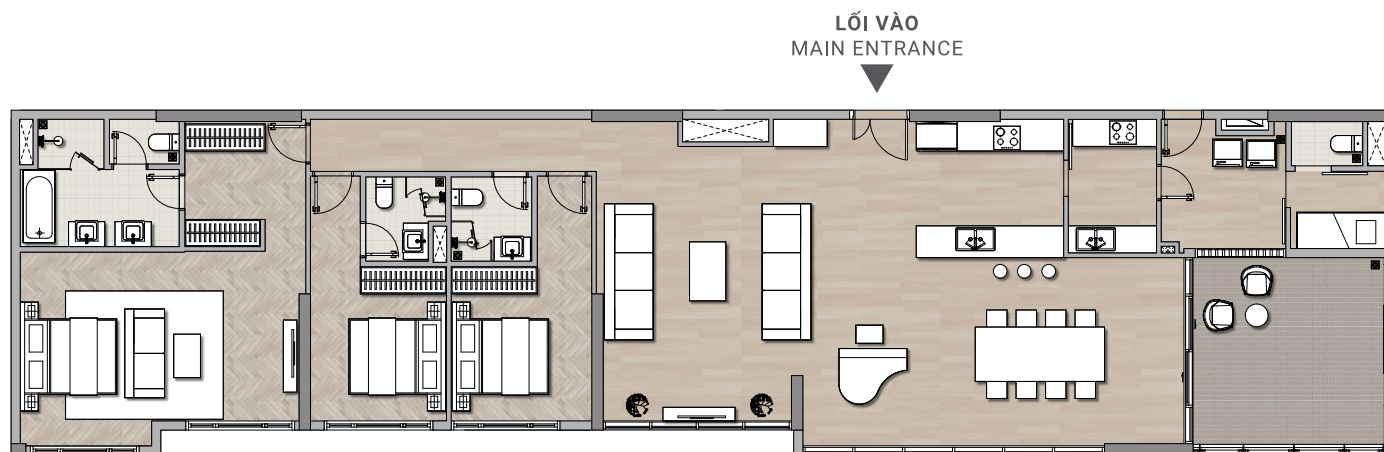
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tường

Gross Saleable Area (GSA)

- Diện Tích Thông thủy

Net Saleable Area (NSA)



|      |             |
|------|-------------|
| D.01 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 215.33m<sup>2</sup>

NSA: 203.18m<sup>2</sup>

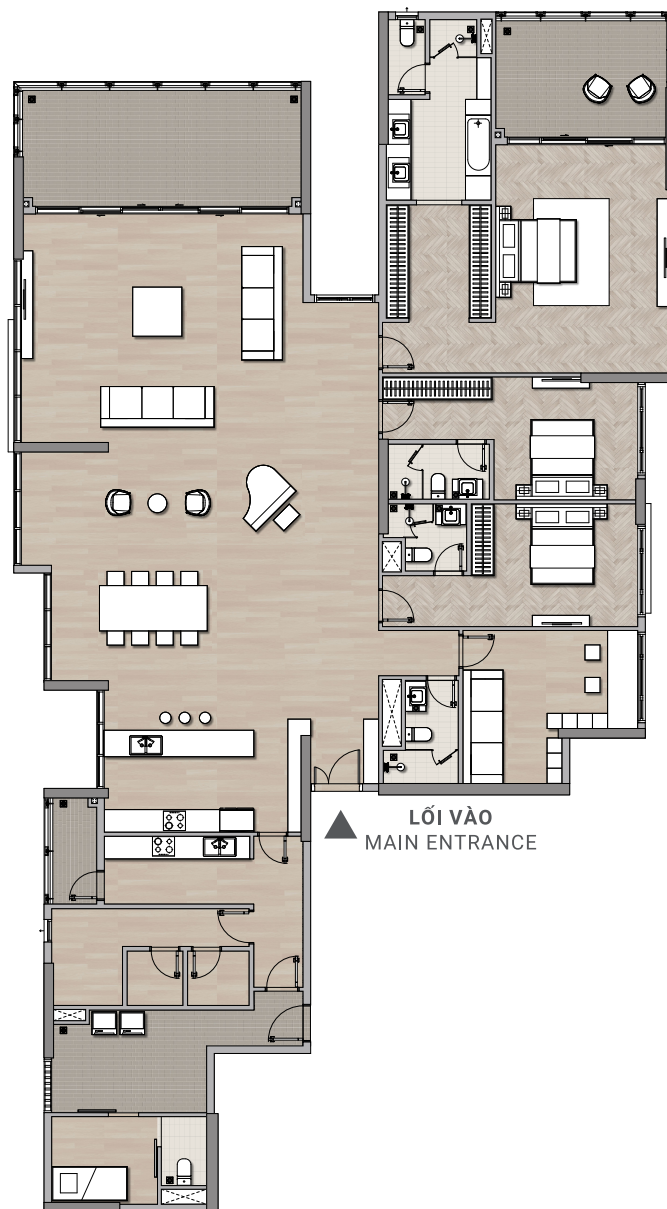


MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE  
PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |             |
|------|-------------|
| D.02 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 285.74m<sup>2</sup>  
NSA: 267.73m<sup>2</sup>



|      |             |
|------|-------------|
| D.03 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 371.71m<sup>2</sup>

NSA: 350.89m<sup>2</sup>

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

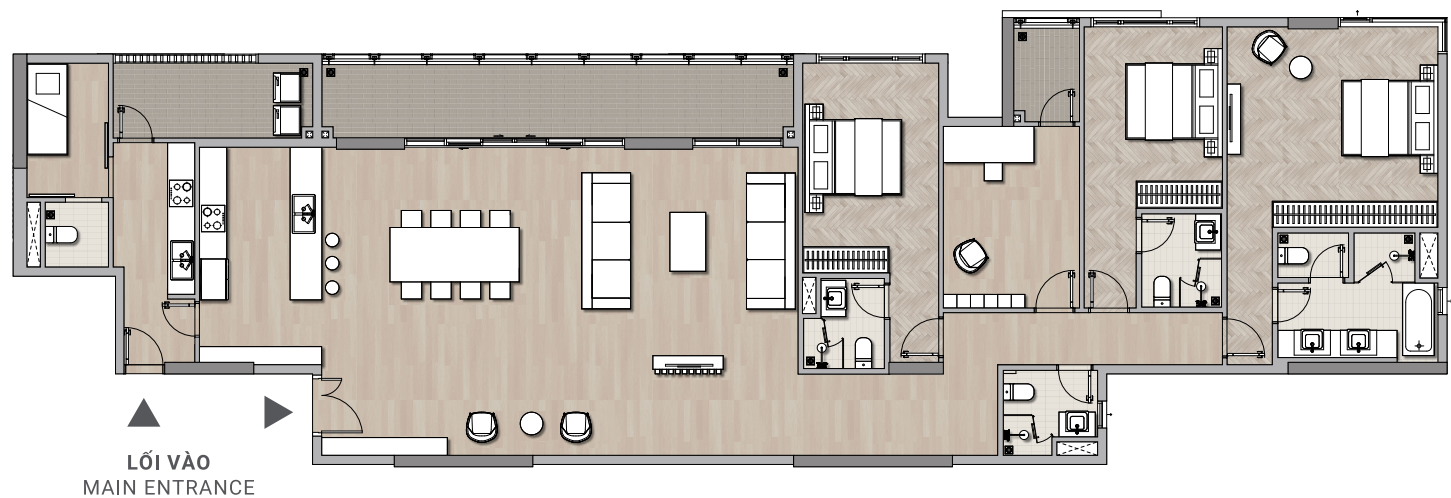
Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.  
Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tương  
Gross Saleable Area (GSA)  
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

# MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE

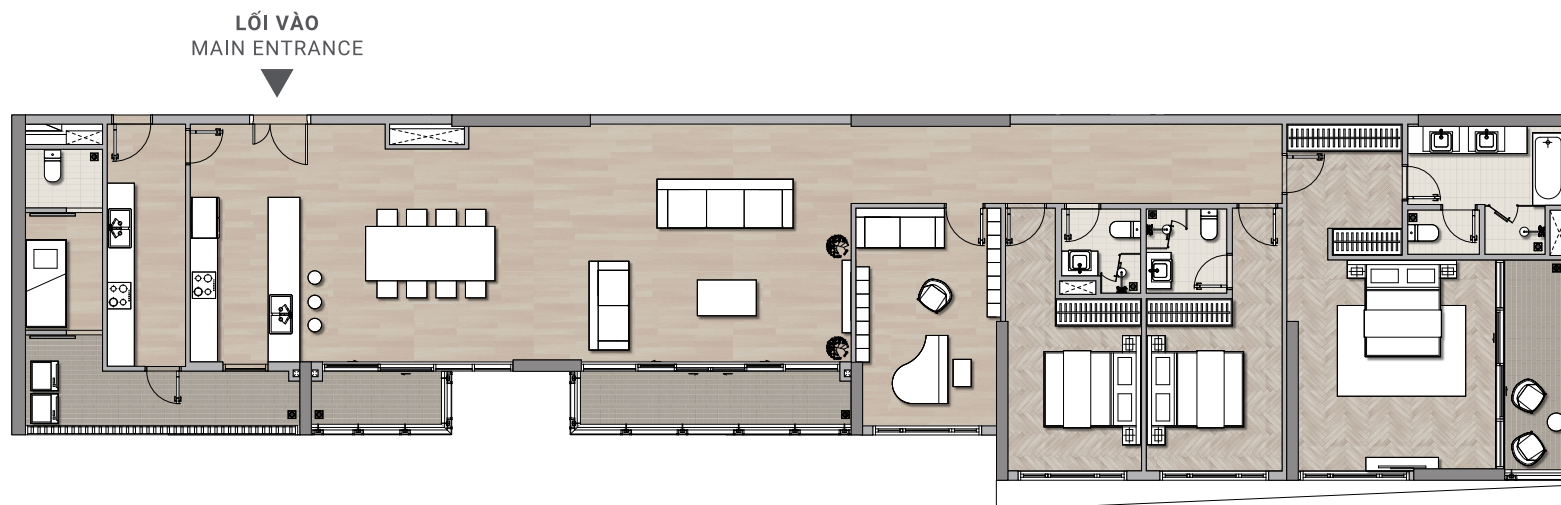
## PENTHOUSE UNIT PLAN



|      |             |
|------|-------------|
| D.04 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 4 |

GSA: 251.68m<sup>2</sup>

NSA: 236.85m<sup>2</sup>



|      |             |
|------|-------------|
| D.05 | PENTHOUSE   |
|      | LOẠI/TYPE 5 |

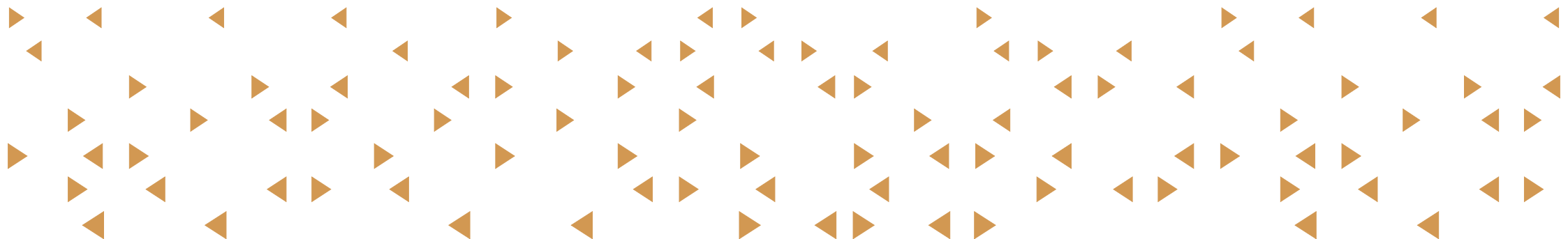
GSA: 245.39m<sup>2</sup>

NSA: 228.78m<sup>2</sup>

# TÒA E

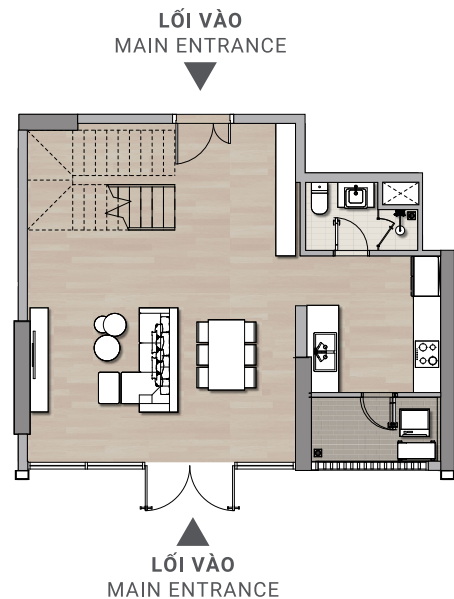
MẶT BẰNG CĂN TMDV - DUPLEX - PENTHOUSE

TOWER E - SHOP - DUPLEX - PENTHOUSE UNIT PLAN



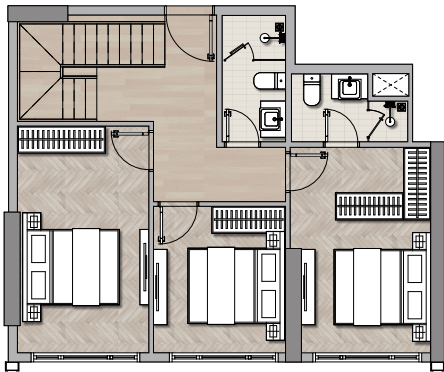
# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



| TRỆT<br>GROUND FLOOR |               |
|----------------------|---------------|
| E1.01                | DUPLEX        |
|                      | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 66.65m<sup>2</sup>  
NSA: 61.59m<sup>2</sup>

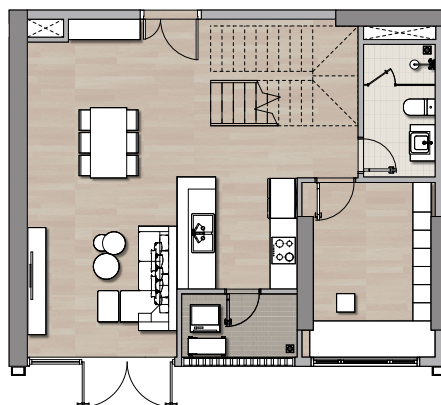


| LẦU 1<br>LEVEL 1 |               |
|------------------|---------------|
| E1.01            | DUPLEX        |
|                  | LOẠI / TYPE 1 |

GSA: 66.43m<sup>2</sup>  
NSA: 53.56m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.01 | 115.15 m <sup>2</sup> | 133.08 m <sup>2</sup> |

LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE



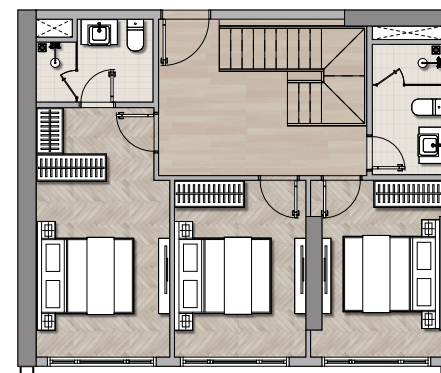
LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE

### TRỆT GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.02 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 2 |

GSA: 71.34m<sup>2</sup>

NSA: 64.41m<sup>2</sup>



### LẦU 1 LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.02 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 2 |

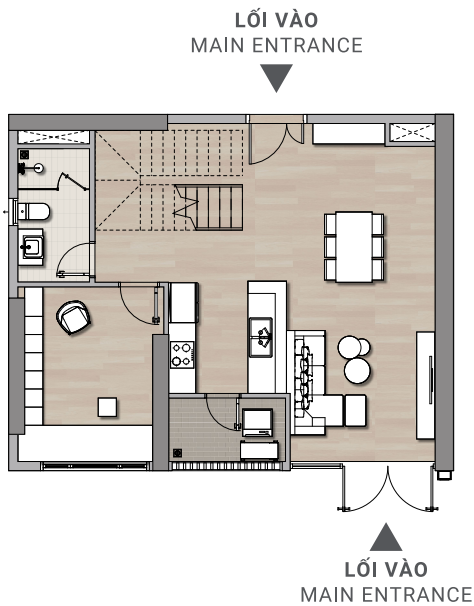
GSA: 71.04m<sup>2</sup>

NSA: 58.61m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.02 | 123.02 m <sup>2</sup> | 142.38 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

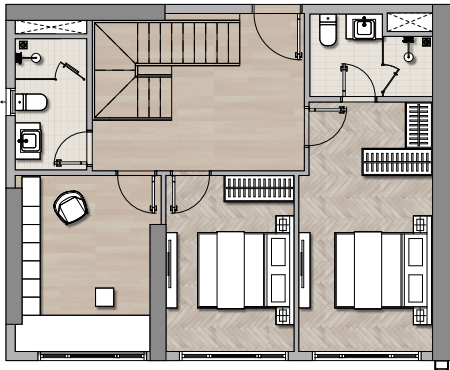
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.03 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 72.95m<sup>2</sup>  
NSA: 65.41m<sup>2</sup>



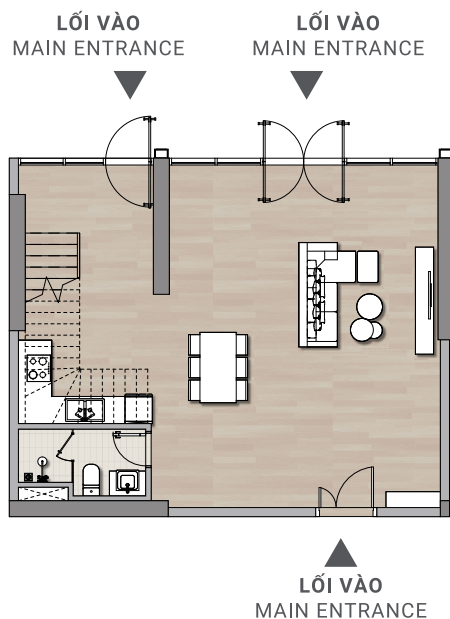
LẦU 1  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.03 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 3 |

GSA: 72.67m<sup>2</sup>  
NSA: 59.76m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.03 | 125.17 m <sup>2</sup> | 145.62 m <sup>2</sup> |



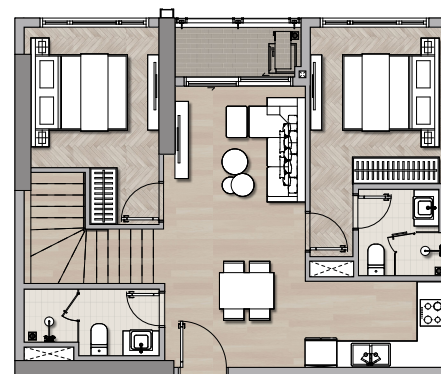


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.04 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 4 |

GSA: 73.39m<sup>2</sup>

NSA: 67.30m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.04 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 4 |

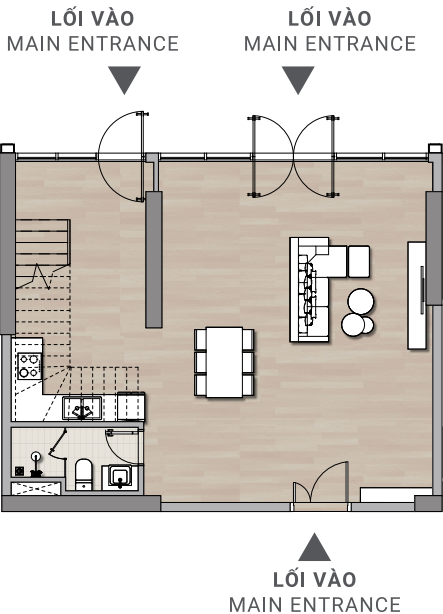
GSA: 73.37m<sup>2</sup>

NSA: 60.35m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.04 | 127.65 m <sup>2</sup> | 146.76 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

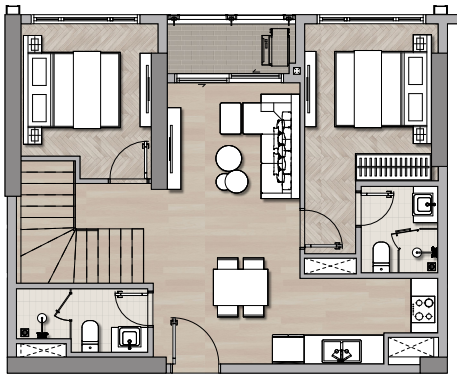
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.05 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 73.38m<sup>2</sup>  
NSA: 67.18m<sup>2</sup>

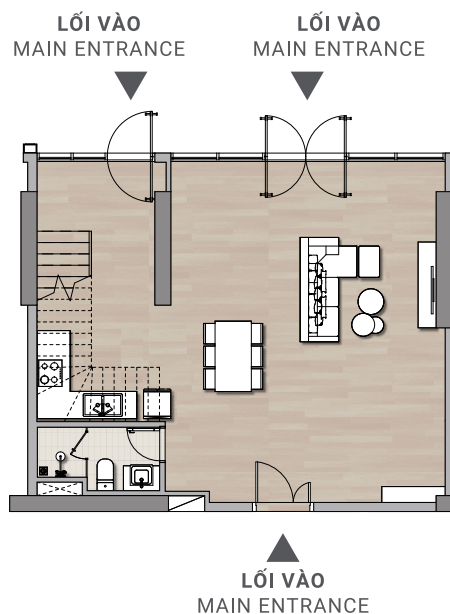


LẦU 1  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.05 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 5 |

GSA: 73.53m<sup>2</sup>  
NSA: 59.54m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.05 | 126.72 m <sup>2</sup> | 146.91 m <sup>2</sup> |

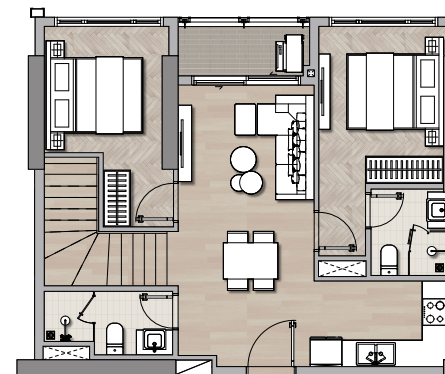


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.06 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 6 |

GSA: 70.80m<sup>2</sup>

NSA: 65.15m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.06 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 6 |

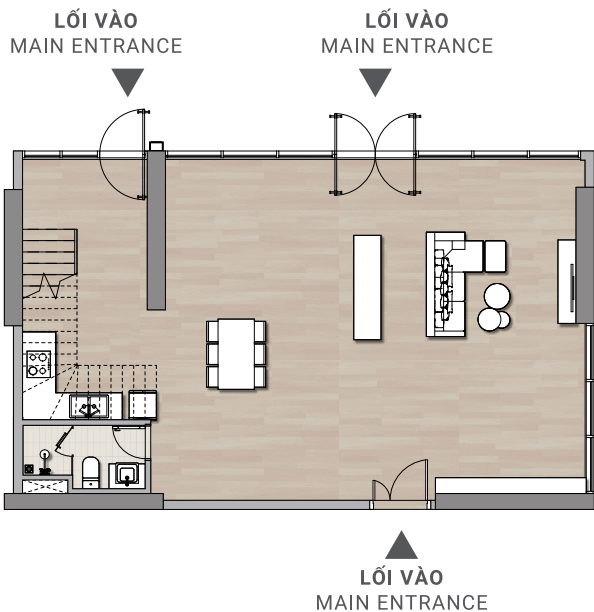
GSA: 70.87m<sup>2</sup>

NSA: 58.35m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.06 | 123.50 m <sup>2</sup> | 141.67 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.07 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 7 |

GSA: 97.44m<sup>2</sup>  
NSA: 90.17m<sup>2</sup>



LẦU 1  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.07 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 7 |

GSA: 97.55m<sup>2</sup>  
NSA: 83.36m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.07 | 173.53 m <sup>2</sup> | 194.99 m <sup>2</sup> |

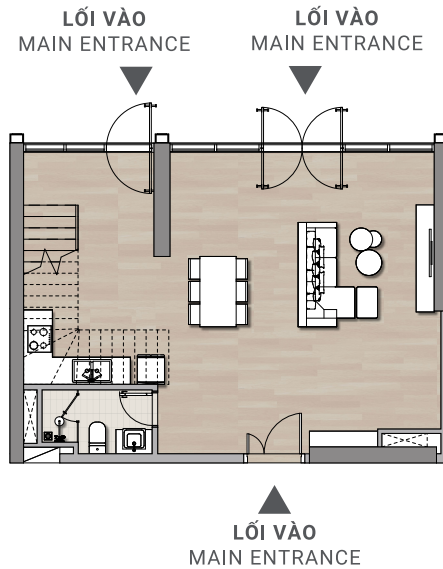
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.

Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tường  
Gross Saleable Area (GSA)
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

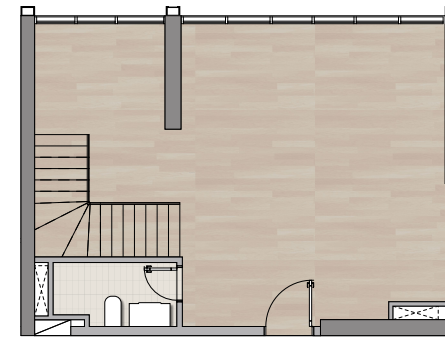


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.08 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 8 |

GSA: 64.31m<sup>2</sup>

NSA: 58.18m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.08 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 8 |

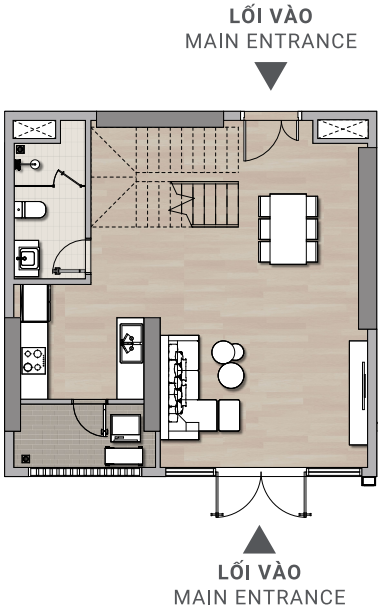
GSA: 64.53m<sup>2</sup>

NSA: 52.97m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.08 | 111.15 m <sup>2</sup> | 128.84 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

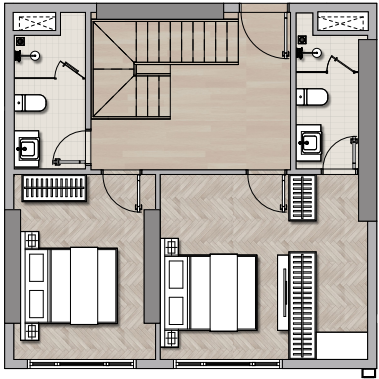
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.09 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 9 |

GSA: 63.10m<sup>2</sup>  
NSA: 57.11m<sup>2</sup>

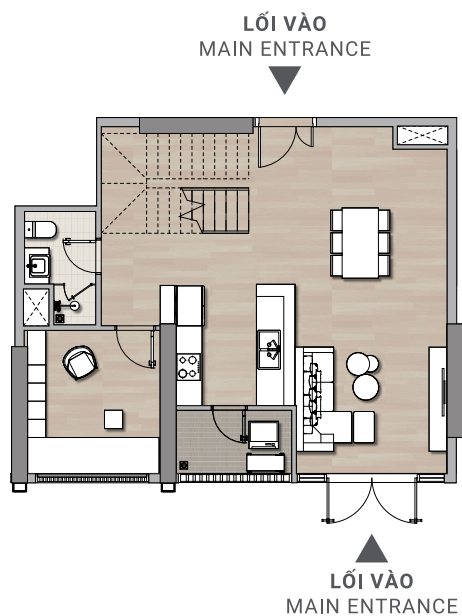


LẦU 1  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E1.09 | DUPLEX        |
|       | LOẠI / TYPE 9 |

GSA: 62.80m<sup>2</sup>  
NSA: 50.63m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.09 | 107.74 m <sup>2</sup> | 125.90 m <sup>2</sup> |



**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E1.10 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 10 |

GSA: 71.70m<sup>2</sup>

NSA: 65.20m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E1.10 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 10 |

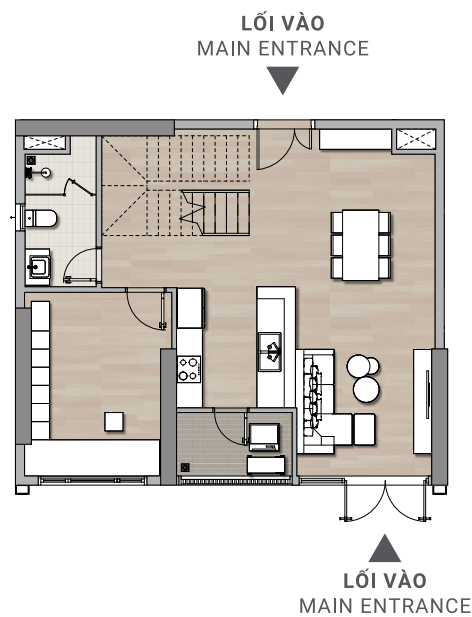
GSA: 70.22m<sup>2</sup>

NSA: 58.57m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.10 | 123.77 m <sup>2</sup> | 141.92 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

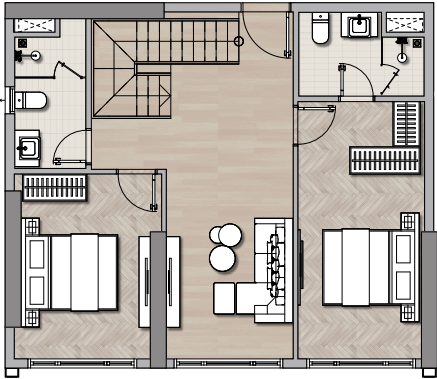
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E1.11 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 11 |

GSA: 72.89m<sup>2</sup>  
NSA: 65.89m<sup>2</sup>



LẦU 1  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E1.11 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 11 |

GSA: 72.57m<sup>2</sup>  
NSA: 60.20m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E1.11 | 126.09 m <sup>2</sup> | 145.46 m <sup>2</sup> |

Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

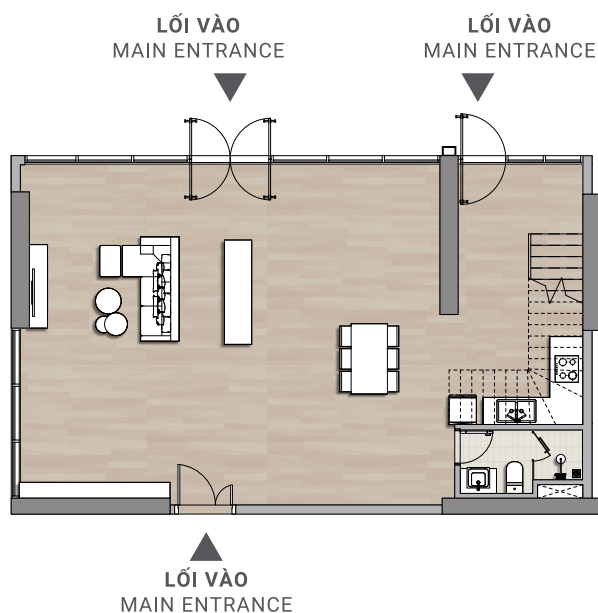
Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.

Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tường  
Gross Saleable Area (GSA)
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)



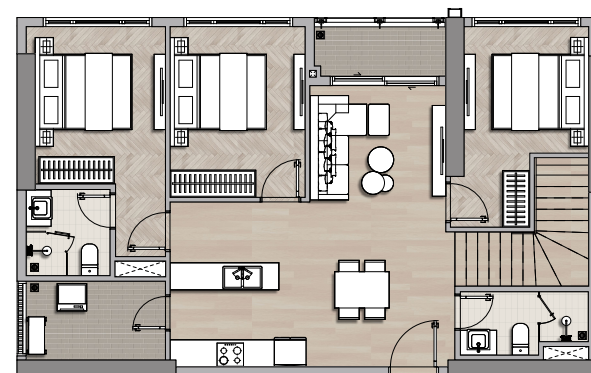


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |                |
|-------|----------------|
| E2.01 | DUPLEX         |
|       | LOẠI / TYPE 7M |

GSA: 97.44m<sup>2</sup>

NSA: 90.17m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |                |
|-------|----------------|
| E2.01 | DUPLEX         |
|       | LOẠI / TYPE 7M |

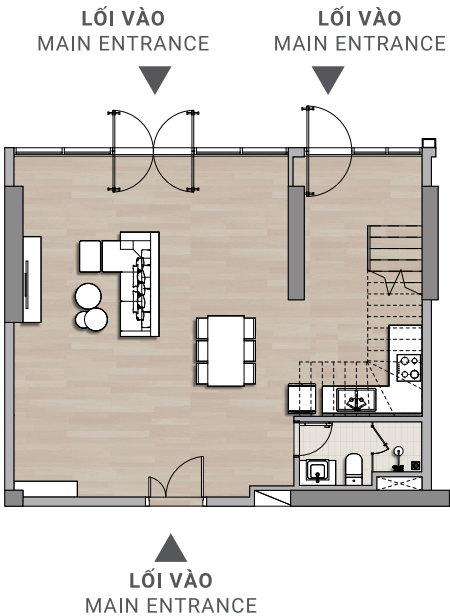
GSA: 97.55m<sup>2</sup>

NSA: 83.36m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.01 | 173.53 m <sup>2</sup> | 194.99 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

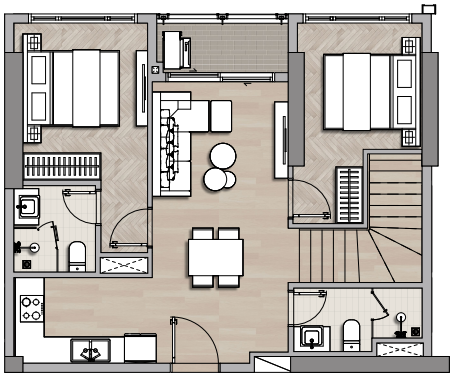
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |                |
|-------|----------------|
| E2.02 | DUPLEX         |
|       | LOẠI / TYPE 6M |

GSA: 70.80m<sup>2</sup>  
NSA: 65.15m<sup>2</sup>



LẦU 1  
LEVEL 1

|       |                |
|-------|----------------|
| E2.02 | DUPLEX         |
|       | LOẠI / TYPE 6M |

GSA: 70.87m<sup>2</sup>  
NSA: 58.35m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.02 | 123.50 m <sup>2</sup> | 141.67 m <sup>2</sup> |

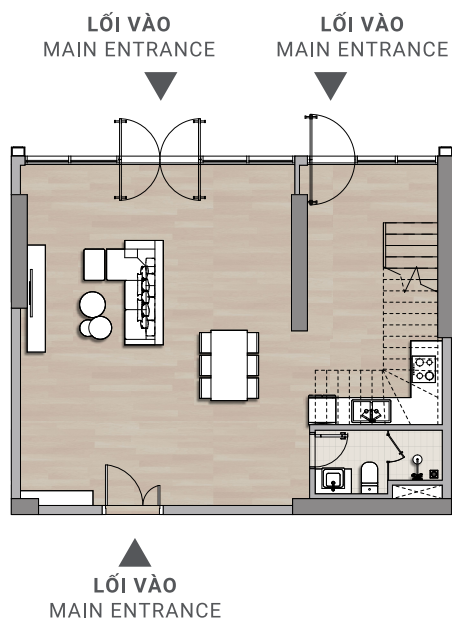
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.

Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tim Tường  
Gross Saleable Area (GSA)
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

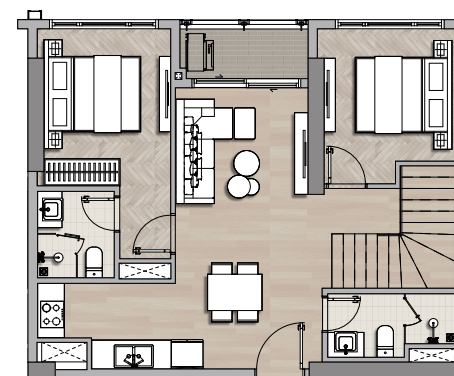


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.03 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 5M |

GSA: 73.38m<sup>2</sup>

NSA: 67.18m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.03 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 5M |

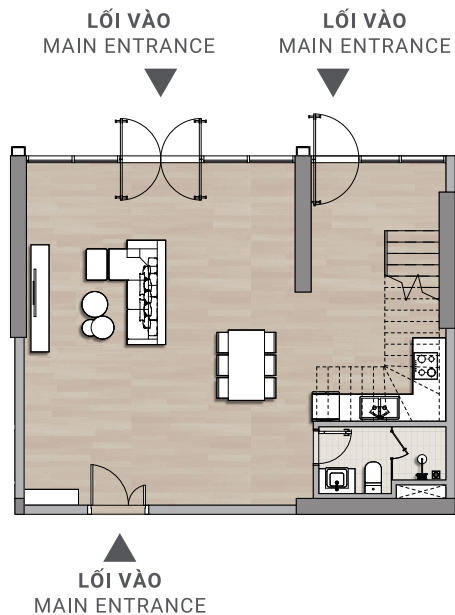
GSA: 73.53m<sup>2</sup>

NSA: 59.54m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.03 | 126.72 m <sup>2</sup> | 146.91 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN

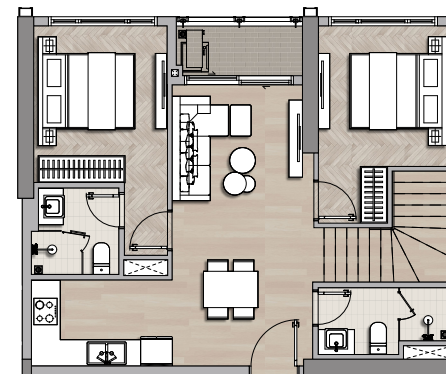


TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.04 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 4M |

GSA: 73.39m<sup>2</sup>

NSA: 67.30m<sup>2</sup>



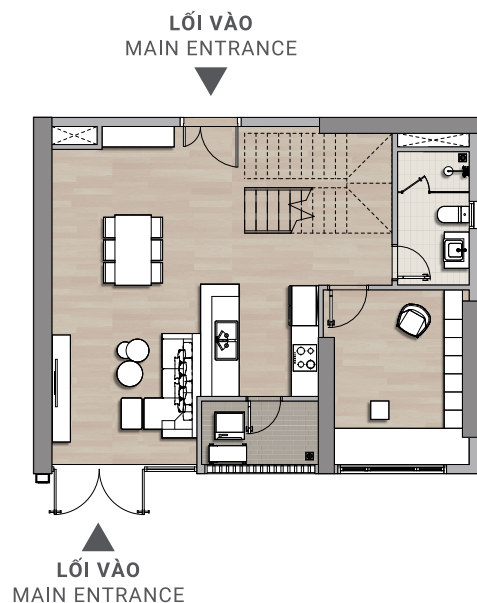
LẦU 1  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.04 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 4M |

GSA: 73.37m<sup>2</sup>

NSA: 60.35m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.04 | 127.65 m <sup>2</sup> | 146.76 m <sup>2</sup> |

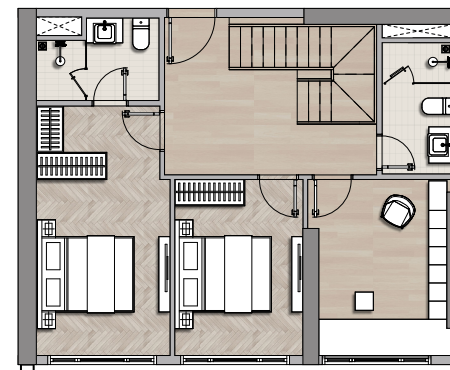


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.05 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 3M |

GSA: 72.95m<sup>2</sup>

NSA: 65.41m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.05 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 3M |

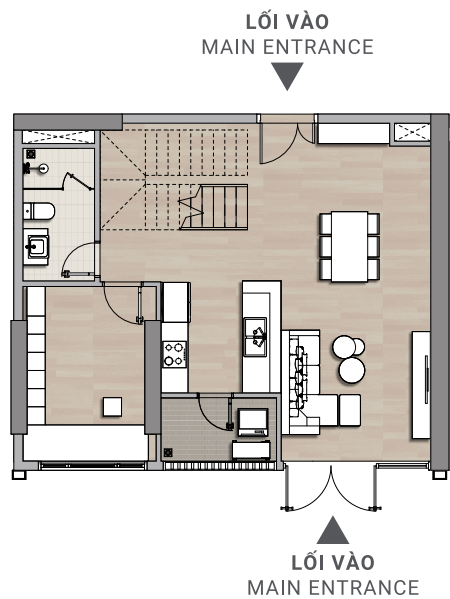
GSA: 72.67m<sup>2</sup>

NSA: 59.76m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.05 | 125.17 m <sup>2</sup> | 145.62 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN

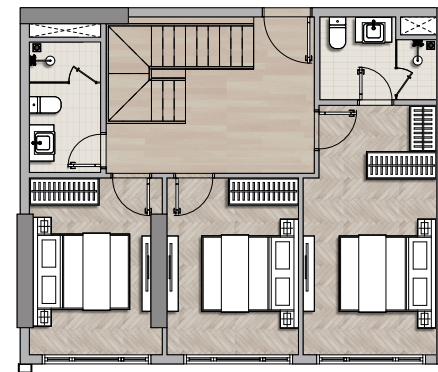


TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.06 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 2M |

GSA: 71.34m<sup>2</sup>

NSA: 64.41m<sup>2</sup>



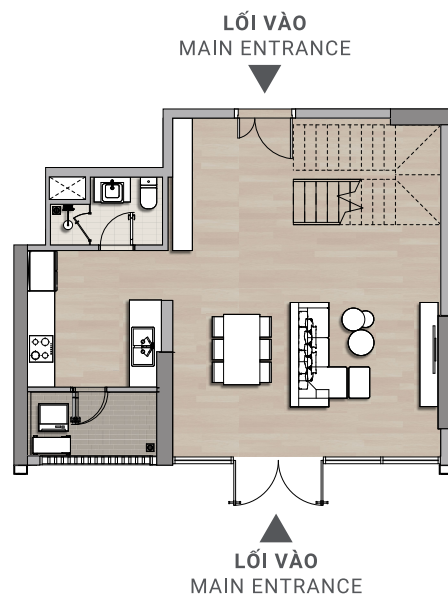
LẦU 1  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.06 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 2M |

GSA: 71.04m<sup>2</sup>

NSA: 58.61m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.06 | 123.02 m <sup>2</sup> | 142.38 m <sup>2</sup> |

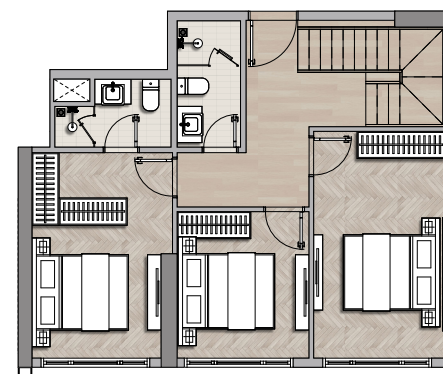


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.07 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 1M |

GSA: 66.65m<sup>2</sup>

NSA: 61.59m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.07 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 1M |

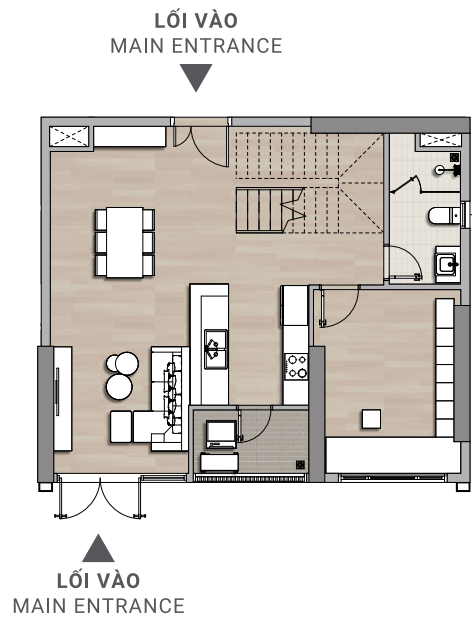
GSA: 66.43m<sup>2</sup>

NSA: 53.56m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.07 | 115.15 m <sup>2</sup> | 133.08 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

## DUPLEX UNIT PLAN

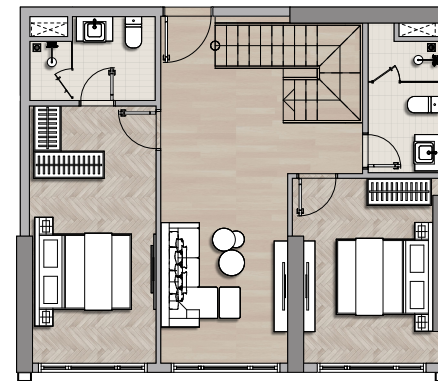


TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E2.08 | DUPLEX        |
|       | LOẠI/TYPE 11M |

GSA: 72.89m<sup>2</sup>

NSA: 65.89m<sup>2</sup>



LẦU 1  
LEVEL 1

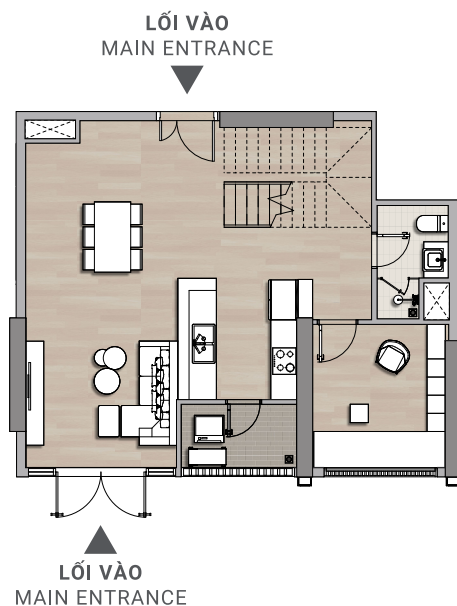
|       |               |
|-------|---------------|
| E2.08 | DUPLEX        |
|       | LOẠI/TYPE 11M |

GSA: 72.57m<sup>2</sup>

NSA: 60.20m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.08 | 126.09 m <sup>2</sup> | 145.46 m <sup>2</sup> |



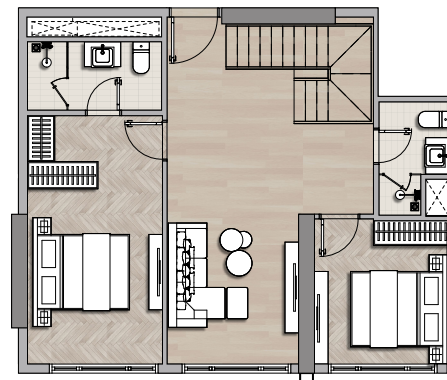


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |               |
|-------|---------------|
| E2.09 | DUPLEX        |
|       | LOẠI/TYPE 10M |

GSA: 71.70m<sup>2</sup>

NSA: 65.20m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

|       |               |
|-------|---------------|
| E2.09 | DUPLEX        |
|       | LOẠI/TYPE 10M |

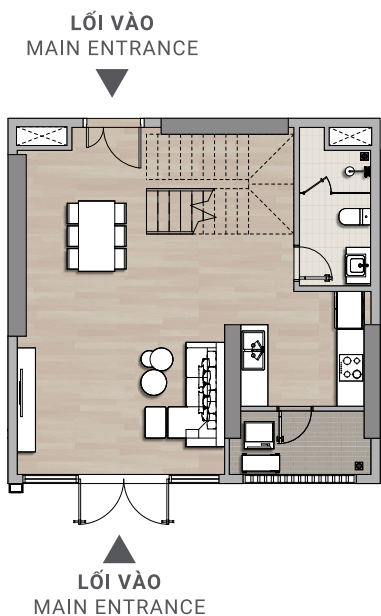
GSA: 70.22m<sup>2</sup>

NSA: 58.57m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.09 | 123.77 m <sup>2</sup> | 141.92 m <sup>2</sup> |

# MẶT BẰNG CĂN HỘ THÔNG TẦNG

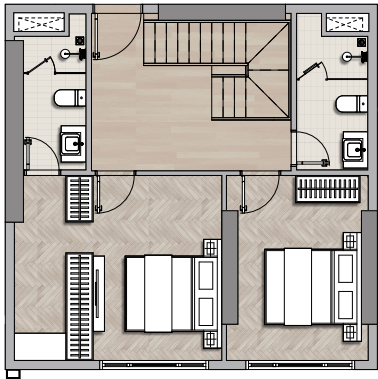
## DUPLEX UNIT PLAN



TRỆT  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.10 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 9M |

GSA: 63.10m<sup>2</sup>  
NSA: 57.11m<sup>2</sup>



LẦU 1  
LEVEL 1

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.10 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 9M |

GSA: 62.80m<sup>2</sup>  
NSA: 50.63m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.10 | 107.74 m <sup>2</sup> | 125.90 m <sup>2</sup> |

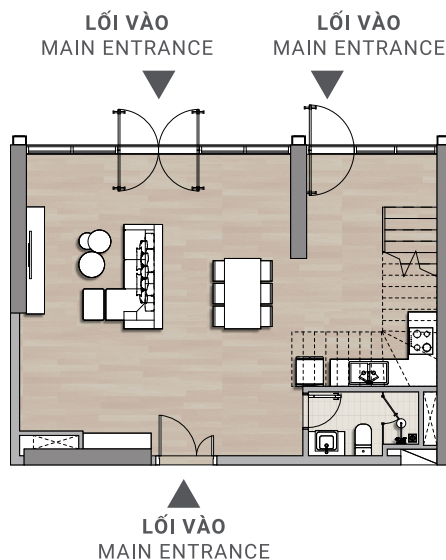
Lưu ý: Chúng tôi đã nỗ lực và cẩn trọng để hoàn thiện tài liệu này. Tuy nhiên tài liệu chỉ dùng với mục đích tham khảo. Hình ảnh, sơ đồ kỹ thuật, bố trí nội ngoại thất hay thông tin mô tả chỉ nhằm mục đích minh họa, không phải là thông tin hiện thực hay cam kết pháp lý. Thông tin chính thức căn cứ trên hợp đồng.

Disclaimer: whilst every care has been taken to ensure accuracy in the preparation of the information contained herein, no warranties whatsoever are given or legal representation provided in respect thereon. The developer reserves the right to modify information of the development or any part thereof as maybe approved or required by the relevant authorities.

Ghi chú: Diện tích sử dụng căn hộ sau cùng sẽ được xác minh bởi đơn vị đo đạc.

Note: Final usable area to be verified by surveyor.

- Diện Tích Tính Tường  
Gross Saleable Area (GSA)
- Diện Tích Thông thủy  
Net Saleable Area (NSA)

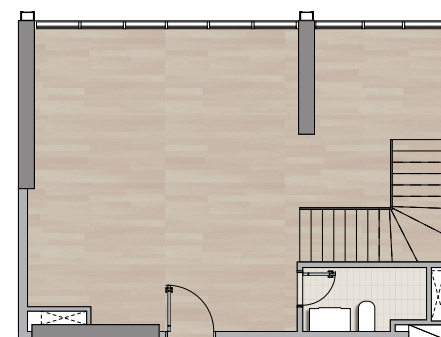


**TRỆT**  
GROUND FLOOR

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.11 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 8M |

GSA: 64.31m<sup>2</sup>

NSA: 58.18m<sup>2</sup>



**LẦU 1**  
LEVEL 1

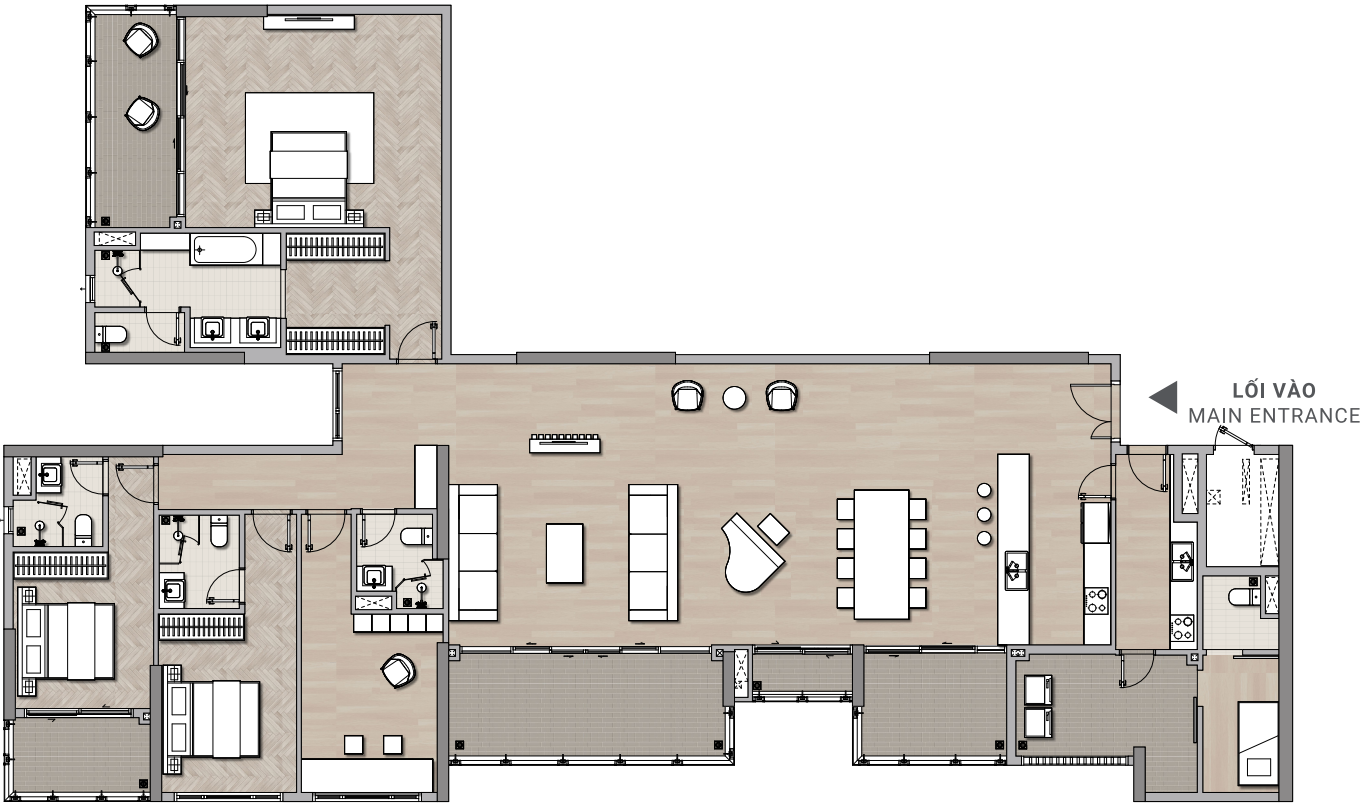
|       |              |
|-------|--------------|
| E2.11 | DUPLEX       |
|       | LOẠI/TYPE 8M |

GSA: 64.53m<sup>2</sup>

NSA: 52.97m<sup>2</sup>

| UNIT  | NSA                   | GSA                   |
|-------|-----------------------|-----------------------|
| E2.11 | 111.15 m <sup>2</sup> | 128.84 m <sup>2</sup> |

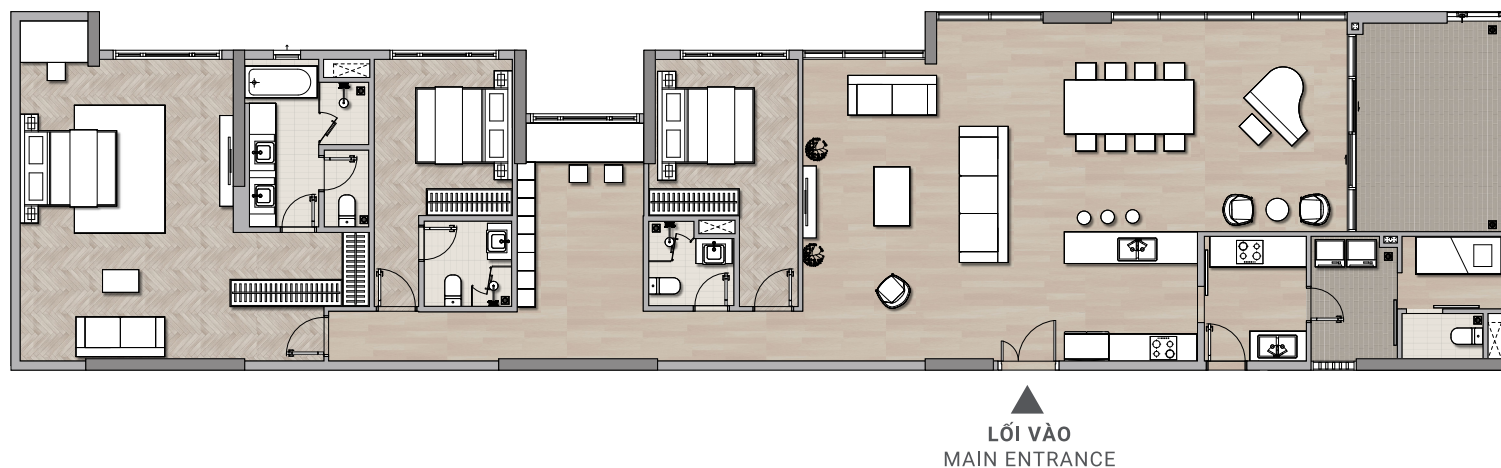
MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE  
PENTHOUSE UNIT PLAN



|       |             |
|-------|-------------|
| E1.01 | PENTHOUSE   |
|       | LOẠI/TYPE 1 |

GSA: 291.98m<sup>2</sup>

NSA: 271.79m<sup>2</sup>

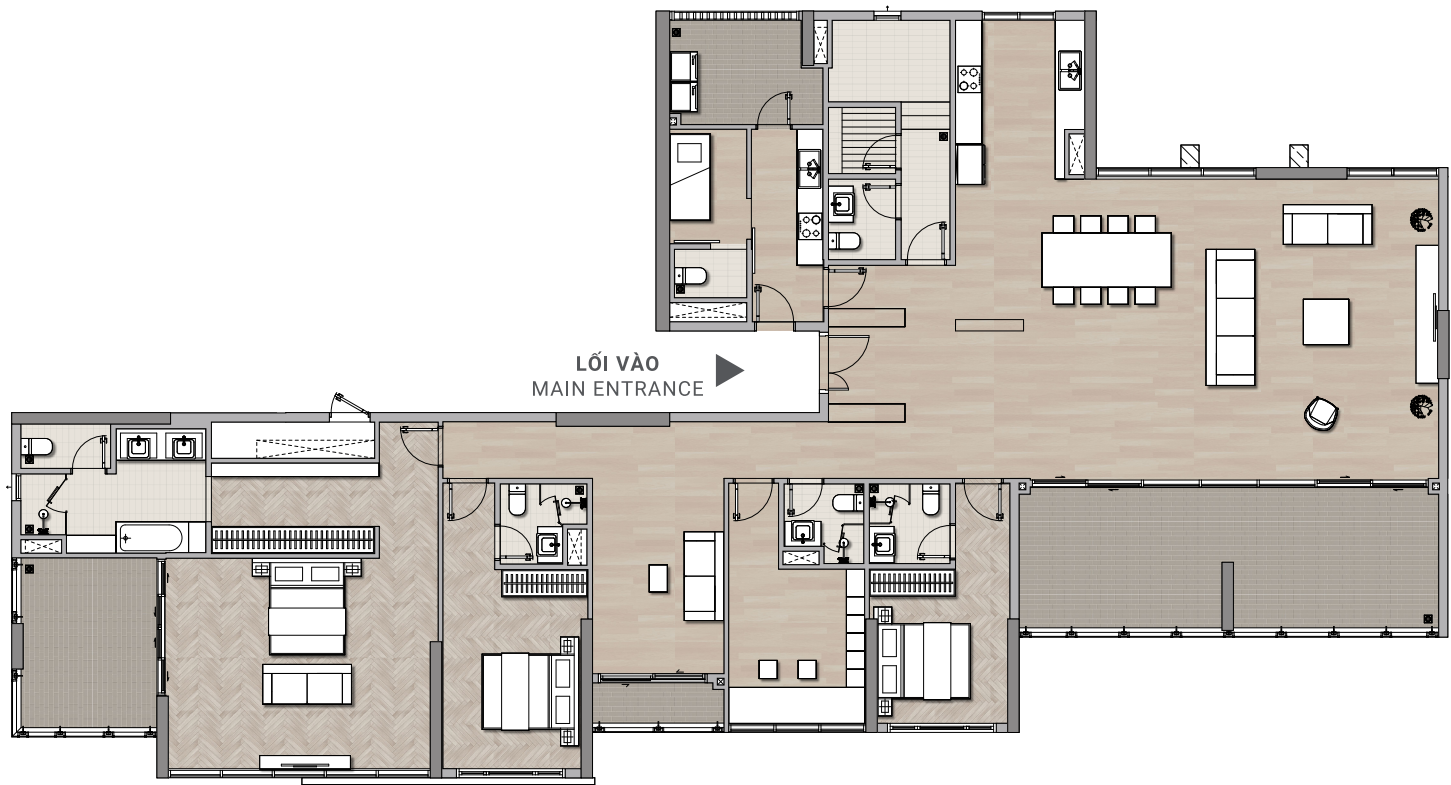


|       |             |
|-------|-------------|
| E1.02 | PENTHOUSE   |
|       | LOẠI/TYPE 2 |

GSA: 234.93m<sup>2</sup>

NSA: 221.16m<sup>2</sup>

MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE  
PENTHOUSE UNIT PLAN



|       |             |
|-------|-------------|
| E1.03 | PENTHOUSE   |
|       | LOẠI/TYPE 3 |

GSA: 322.59m<sup>2</sup>

NSA: 301.40m<sup>2</sup>



▲  
LỐI VÀO  
MAIN ENTRANCE

|       |              |
|-------|--------------|
| E2.01 | PENTHOUSE    |
|       | LOẠI/TYPE 2M |

GSA: 234.93m<sup>2</sup>

NSA: 221.16m<sup>2</sup>



MẶT BẰNG CĂN HỘ PENTHOUSE  
PENTHOUSE UNIT PLAN

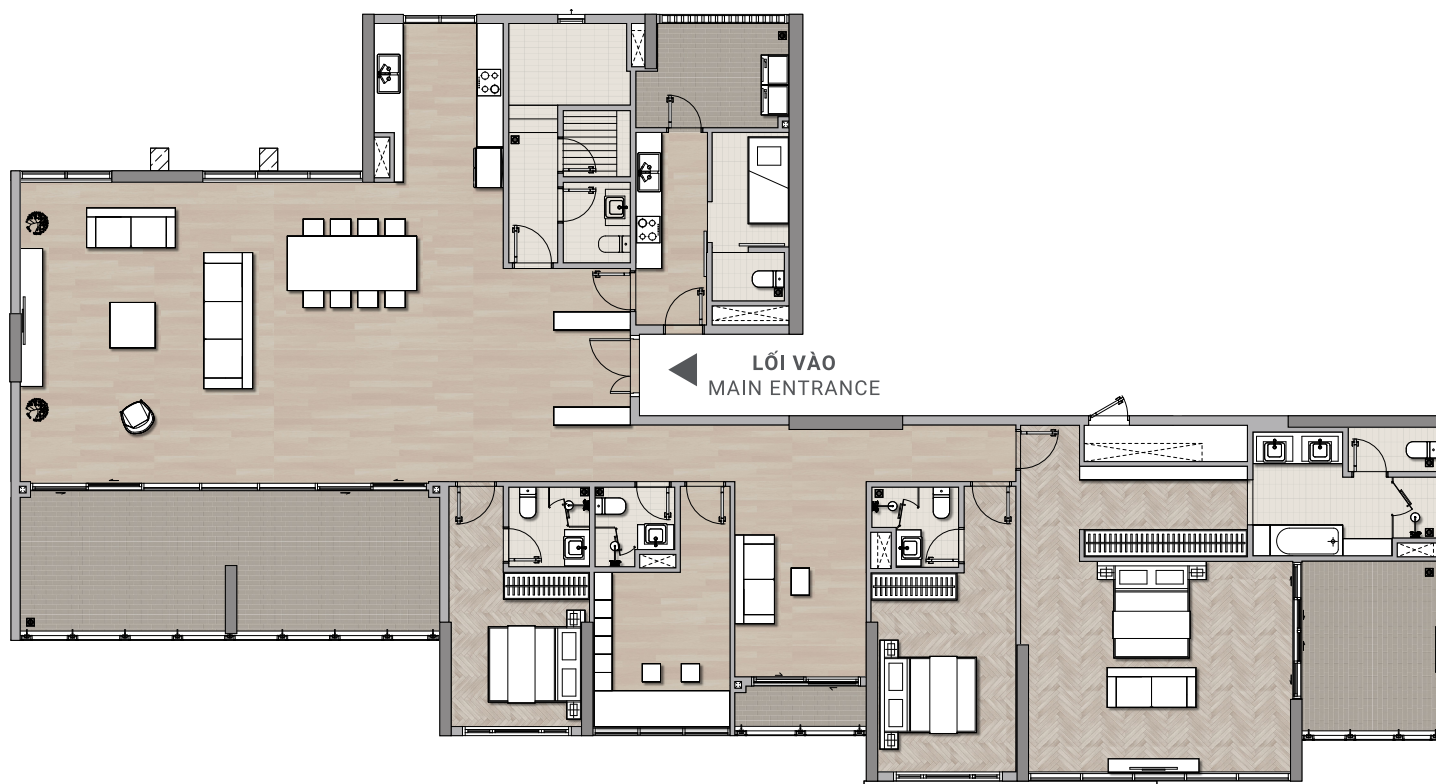


|       |              |
|-------|--------------|
| E2.02 | PENTHOUSE    |
|       | LOẠI/TYPE 1M |

GSA: 297.98m<sup>2</sup>

NSA: 271.79m<sup>2</sup>





|       |              |
|-------|--------------|
| E2.03 | PENTHOUSE    |
|       | LOẠI/TYPE 3M |

GSA: 322.59m<sup>2</sup>

NSA: 301.40m<sup>2</sup>